

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN HỒNG TRANG

**KIỂM SOÁT QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP
DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ
HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

Hà Nội – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN HỒNG TRANG

**KIỂM SOÁT QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP
DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ
HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã ngành: 8340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. LÊ THỊ TÚ OANH

Hà Nội - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn” *Kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội*” là kết quả của quá trình học tập, nghiên cứu khoa học độc lập, nghiêm túc.

Các số liệu trong luận văn có nguồn gốc rõ ràng, trung thực, đáng tin cậy.

Hà Nội, ngàytháng.... năm 2019

Học viên

Nguyễn Hồng Trang

LỜI CẢM ƠN

Để có thể hoàn thành đề tài luận văn thạc sĩ hoàn chỉnh, bên cạnh sự nỗ lực cố gắng của bản thân còn có sự hướng dẫn nhiệt tình của quý Thầy Cô, cũng như sự động viên ủng hộ của gia đình, bạn bè và đồng nghiệp trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu và thực hiện luận văn thạc sĩ.

Em xin chân thành bày tỏ lòng biết ơn đến Tiến sĩ Lê Thị Tú Oanh - người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho em hoàn thành luận văn này.

Em xin được cảm ơn tới các thầy giáo, cô giáo trong Hội đồng khoa học, khoa sau đại học, khoa kế toán trường Đại học Lao động – Xã hội đã tạo điều kiện và giúp đỡ tác giả hoàn thành luận văn này.

Hà Nội, ngày ... thángnăm 2019

Học viên

Nguyễn Hồng Trang

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	IV
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU.....	V
Chương 1: TỔNG QUAN ĐỀ TÀI	1
1.1. Lý do chọn đề tài	1
1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	3
1.3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài.....	5
1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.....	5
1.5. Phương pháp nghiên cứu	6
1.6. Những đóng góp mới của luận văn.....	9
1.7. Nội dung chi tiết.....	9
Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM SOÁT QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP DO CƠ QUAN THUẾ THỰC HIỆN.....	10
2.1. Tổng quan về thuế Thu nhập doanh nghiệp	10
2.1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế Thu nhập doanh nghiệp	10
2.1.2. Vai trò của thuế Thu nhập doanh nghiệp	12
2.1.3. Phương pháp xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp.....	15
2.2. Kiểm soát quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp	18
2.2.1. Kiểm soát quản lý thuế	18
2.2.2. Khái niệm, mục tiêu của kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp ...	20
2.2.3. Bộ máy kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp	22
2.2.4. Quy trình kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp	23
2.2.5 Nội dung kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp.....	30
Chương 3: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT QUẢN LÝ THUẾ.	

THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ HUYỆN THANH TRÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI	36
3.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội và quá trình hình thành phát triển của Huyện Thanh Trì.....	36
3.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội.....	36
3.1.2. Sơ lược về quá trình hình thành phát triển và bộ máy quản lý của Chi cục thuế Huyện Thanh Trì.....	39
3.2. Kiểm soát quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì.....	45
3.2.1. Bộ máy kiểm soát thuế TNDN tại Chi Cục thuế Huyện Thanh Trì	45
3.2.2. Quy trình kiểm soát thuế TNDN tại Chi Cục thuế Huyện Thanh Trì ..	46
3.3. Đánh giá thực trạng kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì.....	80
3.3.1. Ưu điểm.....	80
3.3.2. Nhược điểm.....	83
Chương 4: CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ HUYỆN THANH TRÌ.....	92
4.1 Định hướng và yêu cầu của công tác kiểm soát quản lý thuế TNDN.	92
4.1.1. Định hướng:	92
4.2. Giải pháp về hoàn thiện kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì.....	94
4.2.1. Hoàn thiện bộ máy quản lý thuế Chi cục thuế huyện Thanh Trì.....	94
4.2.2. Hoàn thiện về quy trình, kiểm soát thuế TNDN.....	96
4.2.3. Hoàn thiện về nội dung kiểm soát thuế TNDN	98
4.3. Một số kiến nghị nhằm tạo điều kiện thực hiện các giải pháp đề xuất.....	103
4.3.1. Đối với cơ quan nhà nước và các tổ chức có liên quan	103

III

4.3.2. Đối với Chi cục thuế Huyện Thanh Trì.....	106
KẾT LUẬN.....	110
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	112
PHỤ LỤC	114

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

NSNN	Ngân sách nhà nước
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
NNT	Người nộp thuế
QLT	Quản lý thuế
GTGT	Gía trị gia tăng
DN	Doanh nghiệp
KKKTT&TH	Kê khai kế toán thuế và tin học
QLN&CCNT	Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế
TB07	Thông báo nợ thuế
HSKT	Hồ sơ khai thuế
ĐTNT	Đối tượng nộp thuế
CP	Cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
KT-XH	Kinh tế - Xã hội

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục thuế	22
Sơ đồ 2.2: Quy trình kiểm soát thuế TNDN ở khâu đăng kí, kê khai thuế	24
Sơ đồ 2.3: Quy trình kiểm soát thuế TNDN ở khâu tạm tính	26
Sơ đồ 2.4: Quy trình kiểm tra tại cơ quan thuế	27
Sơ đồ 2.5: Quy trình kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.....	28
Sơ đồ 2.6: Quy trình kiểm soát thu nợ thuế	29
Sơ đồ 3.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy tại Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì	42
Sơ đồ 3.2: Bộ máy kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Thanh Trì	45
Sơ đồ 3.3: Quy trình kiểm tra hồ sơ khai thuế tại CCT Thanh Trì	49
Sơ đồ 3.4: Quy trình kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.....	51
tại CCT Thanh Trì.....	51
Sơ đồ 3.5. Quy trình kiểm soát nợ thuế TNDN tại CCT Thanh Trì.....	54

BẢNG BIỂU

Bảng 3.1: Kết quả thu ngân sách trên địa bàn Huyện Thanh Trì	36
Bảng 3.2: Tình hình các công ty trên địa bàn Huyện Thanh Trì giai đoạn 2017 – 2018	38
Bảng 3.3: Tình hình thu nộp thuế của Chi cục thuế Huyện Thanh Trì	41
giai đoạn 2016 - 2018.....	41
Bảng 3.4: Bảng tổng hợp kết quả kiểm tra doanh thu tính thuế của doanh nghiệp thương mại, dịch vụ và khác năm 2016	67
Bảng 3.5: Bảng tổng hợp kết quả kiểm tra doanh thu tính thuế của doanh nghiệp thương mại, dịch vụ và khác năm 2017.....	67

Bảng 3.6: Bảng tổng hợp kết quả kiểm tra doanh thu tính thuế của doanh nghiệp thương mại, dịch vụ và khác năm 2018	68
Bảng 3.7: Kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở DN giai đoạn 2016 - 2018.....	75
Bảng 3.8: Tình hình ghi thu, thực thu thuế TNDN giai đoạn 2016 - 2018	76
Bảng 3.9: Số liệu tình hình nợ đọng thuế TNDN	78

Chương 1

TỔNG QUAN ĐỀ TÀI

1.1 . Lý do chọn đề tài

Thuế đã và đang là nguồn thu chủ yếu và lâu dài của Ngân sách Nhà nước (NSNN) và là công cụ quan trọng để điều tiết nền kinh tế góp phần đảm bảo công bằng xã hội, kích thích sản xuất kinh doanh phát triển. Do đó thuế có vai trò quan trọng nên đòi hỏi Nhà nước luôn quan tâm đến thuế và đưa ra nhiều biện pháp quản lý và thu thuế. Từ năm 1990 đến nay, hệ thống chính sách thuế ở nước ta đã từng bước được cải cách; bộ máy ngành thuế cũng được tổ chức thống nhất theo hệ thống dọc từ Trung ương đến quận, huyện, thành phố; quản lý thuế thường xuyên được hoàn thiện, đổi mới từng bước hiện đại hóa nhằm quản lý khai thác kịp thời hiệu quả các nguồn thu phát sinh về thuế của các Doanh nghiệp.

Thuế là vấn đề đại cục của mỗi Quốc gia. Ngày nay, trong tiến trình hội nhập, thuế lại đang có vị thế lớn trong chiến lược toàn cầu hóa. Chính vì vậy, việc quản lý thuế đang trở thành vấn đề quan tâm ngày càng lớn của Nhà nước, dù là nước phát triển hay đang phát triển. Đặc biệt là nước ta đang tiếp tục triển khai đẩy mạnh sự nghiệp Công nghiệp hóa – hiện đại hóa, đẩy mạnh hội nhập khu vực và quốc tế, điều này đã và đang cần một nguồn lực tài chính đủ mạnh chẳng những đảm bảo nhu cầu chi tiêu thường xuyên của Nhà nước mà còn giành một phần lớn nguồn lực tài chính cho tích lũy phục vụ Công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. Trong bối cảnh như vậy, việc hoàn thiện quản lý thuế - nguồn thu chủ yếu của NSNN là rất cần thiết

Trong hệ thống chính sách thuế hiện nay ở Việt Nam, thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là một trong những sắc thuế có vai trò rất quan

trọng không chỉ trên góc độ là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế của Nhà nước mà còn có ý nghĩa góp phần đóng góp số thu lớn cho NSNN. Để phù hợp với điều kiện hội nhập kinh tế Quốc tế thì Nhà nước chủ trương hoàn thiện thuế TNDN theo hướng giảm mức thuế suất, thống nhất mức thuế suất và ưu đãi giữa các thành phần kinh tế để khuyến khích đầu tư và đảm bảo bình đẳng trong cạnh tranh.

Tuy nhiên, trong điều kiện hội nhập Kinh tế quốc tế và thực hiện công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước hiện nay, chính sách thuế ở nước ta nói chung và Thành phố Hà Nội nói riêng còn bộc lộ nhiều vấn đề bất cập. Thuế chưa trở thành công cụ vừa tăng thu Ngân sách vừa tăng khả năng điều tiết và kích thích nền kinh tế. Các hành vi trốn thuế, lách thuế của các đối tượng sản xuất kinh doanh một mặt phản ánh ý thức chấp hành của các đối tượng nộp thuế chưa cao, mặt khác cũng cho thấy các chính sách thuế và phương pháp tính thuế của cơ quan thuế chưa bám sát thực tế. Quan điểm về thuế còn phiếm diện, chủ yếu nhằm tận thu cho Ngân sách mà coi nhẹ chức năng thứ hai của thuế là kích thích sản xuất.

Hiện tượng này cũng xảy ra tương tự trên địa bàn Huyện Thanh Trì - Hà nội, nơi tập trung nhiều loại hình doanh nghiệp và các hộ kinh doanh. Công tác quản lý thuế trên địa bàn quận hiệu quả chưa cao, đặc biệt đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Chính vì vậy, là một cán bộ đang công tác tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì, em đã chọn đề tài: *“Kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội”* để làm làm đề tài nghiên cứu. Đây là một đề tài có ý nghĩa thiết thực về mặt lý luận, đặc biệt là về vấn đề thực tiễn trên cơ sở từ một cơ quan quản lý hành chính cụ thể. Thông qua đề tài luận văn này, hy vọng sẽ đóng góp một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn Huyện Thanh Trì.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Như chúng ta đã biết, thuế là nguồn quan trọng đối với nguồn thu của ngân sách Nhà nước. Bộ máy Nhà nước xuất hiện đòi hỏi phải có nguồn tài chính trang trải cho các chi phí hoạt động của nó và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ mà xã hội giao phó, để có được nguồn tài chính đó nguồn quan trọng nhất và chủ yếu là thu từ thuế. Hiện nay nền kinh tế nước ta trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh phát triển ngày càng mạnh mẽ cả về quy mô, số lượng và lĩnh vực hoạt động. Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, ở nhiều địa bàn khác nhau do vậy cũng đã góp phần vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước. Để đóng góp vào ngân sách Nhà nước các doanh nghiệp phải đóng thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp được coi là nguồn thu lớn trong nguồn thu của thuế doanh thu. Thực trạng hiện nay, công tác quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhà nước cũng như việc chấp hành về luật thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp còn có nhiều bất cập. Mặc dù luật thuế TNDN đã thực hiện được một thời gian khá dài nhưng công tác quản lý chưa chặt chẽ vẫn còn nhiều kẽ hở vì vậy một số doanh nghiệp đã lợi dụng để trốn, lậu thuế, do đó một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành thuế nói chung và chi cục thuế huyện Thanh Trì nói riêng là phải tăng cường chống thất thu thuế TNDN đối với các doanh nghiệp, tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhất là đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh nhằm tránh thất thoát cho ngân sách nhà nước và đảm bảo sự công bằng cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước. Hiện nay nước ta ngày càng hội nhập sâu với kinh tế thế giới do vậy nhiều loại thuế đang được cắt giảm theo những hiệp định đã ký kết nhất là các loại thuế xuất nhập khẩu, đồng nghĩa với việc cắt giảm các loại thuế

này là NSNN sẽ mất đi một khoản thu đáng kể do vậy mà việc chống thất thu thuế ngày càng trở nên cấp thiết. Vì thế nghiên cứu đề tài về thuế thu nhập doanh nghiệp là mong muốn của em nhằm hiểu thêm về thuế, tình hình quản lý và chấp hành thuế ở nước ta hiện nay như thế nào.

Trong thời gian qua đã có nhiều nghiên cứu như:

Tác giả Đặng Trần Quyết (2016) “*Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội*” Viện Đại học Mở Hà Nội, đã hệ thống hoá cơ sở lý luận về chống thất thu thuế tại Việt Nam, từ đó tác giả cũng đưa ra được hệ thống các giải pháp khắc phục chống thất thu thuế ở Việt Nam.

Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2018 cũng đánh giá được công tác thuế năm 2018 của Cục thuế Hà Nội, rút ra được những hạn chế tồn tại làm cơ sở, làm rõ cơ sở lý luận và thực trạng quản lý thu thuế chỉ ra kết quả hạn chế nguyên nhân đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý thu thuế ở nước ta hiện nay.

Luận văn “*Quản lý thuế Thu nhập Doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội*” đã phân tích làm rõ thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn quận Thanh Trì từ năm 2015 đến nay, từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá về kết quả đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại đó. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp và kiến nghị có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn Quận Hai Bà Trưng hiện nay và trong thời gian tới.

Tuy có nhiều nghiên cứu về lĩnh vực này, nhưng nghiên cứu đặc thù trên địa bàn Huyện Thanh Trì, Hà Nội hiện chưa có, và đề tài này là cấp thiết.

1.3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng, phân tích làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về kiểm soát quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội; luận văn sẽ tập trung giải quyết một số vấn đề cơ bản như sau:

- Khái quát cơ sở lý luận về kiểm soát quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp và công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam.
- Phân tích thực trạng kiểm soát quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Từ đó đánh giá những mặt tích cực cũng như hạn chế trong việc kiểm soát quản lý thuế TNDN. Phân tích, đánh giá nguyên nhân của những hạn chế đó.
- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội trong thời gian tới.

1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra, đối tượng nghiên cứu của luận văn tập trung vào việc kiểm soát quản lý thuế TNDN do chi cục thuế thực hiện trong cơ chế tự khai, tự tính, tự nộp của người nộp thuế.

- Phạm vi nghiên cứu của đề tài là kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với các đối tượng nộp thuế do Chi cục thuế Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội trực tiếp quản lý. Về mặt không gian: tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì, về mặt thời gian: năm 2017 đến tháng 6 năm 2019

- Câu hỏi nghiên cứu:

Những vấn đề cơ bản về kiểm soát quản lý thuế TNDN nói chung diễn ra như nào?

Thực trạng vấn đề kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế

Thanh Trì ra sao? Ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế?

Giải pháp hoàn thiện vấn đề kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Thanh Trì là gì?

1.5. Phương pháp nghiên cứu

- Luận văn sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu: dữ liệu sơ cấp (phỏng vấn cán bộ, công chức thuế nghiên cứu các biên bản kiểm tra để khảo sát thực trạng, kết quả kiểm soát thuế TNDN tại chi cục thuế huyện Thanh Trì; dữ liệu thứ cấp (tài liệu tại Chi cục thuế). Thông qua phỏng vấn, quan sát, đọc tài liệu sau đó xử lý và phân tích trên cơ sở dữ liệu thu thập được.

1.5.1. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

a. Phương pháp phỏng vấn:

Mục đích của các cuộc phỏng vấn này là thông qua việc phỏng vấn trực tiếp những người trực tiếp làm công tác quản lý thuế TNDN, các nhà lãnh đạo chi cục thuế, để tìm hiểu thêm các vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu mà các tài liệu thứ cấp chưa đề cập đến về quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Thanh Trì tại phụ lục số 01 kèm theo

Bước 1: Xác định đối tượng, thời gian, địa điểm phỏng vấn

+ Đối tượng phỏng vấn: Là đội trưởng, cán bộ và những người có liên quan đến tổ chức và thực hiện công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế. Mục đích của phỏng vấn là thu thập thêm những thông tin, những vấn đề liên quan mà dữ liệu thứ cấp không có sẵn. Đây là những thông tin mang tính định tính mà tác giả muốn làm rõ trong quá trình nghiên cứu.

+ Thời gian và địa điểm phỏng vấn: Tiến hành phỏng vấn trong giờ hành chính vào tháng 6/2019 thỏa thuận địa điểm tại Chi cục thuế Thanh Trì.

+ Hình thức phỏng vấn: Phỏng vấn trực tiếp hoặc gọi điện qua điện thoại.

Bước 2: Tiến hành phỏng vấn

Phỏng vấn trực tiếp đội trưởng cán bộ và những người có liên quan đến tổ chức và thực hiện công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế liên quan thông qua các câu hỏi đã chuẩn bị trước. Tác giả đã sử dụng giấy, bút để ghi chép lại các câu hỏi trả lời phỏng vấn để làm thông tin sử dụng trong bài luận văn của mình.

Tiến hành phỏng vấn , các câu hỏi phỏng vấn được tác giả sử dụng trong quá trình thu thập thông tin của luận văn này như:

+ Phỏng vấn: Anh Nguyễn Văn Hân – Đội trưởng đội kiểm tra thuế số 2 về công tác quản lý thuế TNDN hiện nay tại Chi cục.

+ Phỏng vấn: Chị Trần Thị Tuyết về nhiệm vụ của một cán bộ thuế nói chung và quản lý phần thuế TNDN nói riêng như thế nào? Thời điểm ghi nhận doanh thu? Kiểm tra tờ khai thuế TNDN quyết toán năm? Thông tin phản ánh trên hệ thống quản lý thuế (Tờ khai và các phụ lục đã được ghi nhận trên hệ thống QLT (nếu nộp qua iHTKK vẫn phải đảm bảo nội dung này; Số liệu giữa tờ khai, phụ lục do NNT lập khớp đúng với số liệu QLT? Theo dõi các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN như nào? Những ưu điểm và hạn chế trong phần quản lý thuế TNDN tại chi cục?

b. Phương pháp quan sát:

Mục đích của phương pháp này là thông qua việc quan sát trực tiếp thực trạng quản lý thuế TNDN tại chi cục để tiến hành so sánh, đối chiếu với các phiếu khảo sát và nắm rõ hơn về vấn đề này.

Nội dung của phương pháp là quan sát việc thực hiện quá trình tổ chức công tác quản lý thuế TNDN, cách xác định các khoản doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ tính thuế... để từ đó xác định được thu nhập chịu thuế, thu nhập tính thuế, thuế TNDN phải nộp, quan sát việc lập và gửi tờ khai quyết toán thuế TNDN, các phụ lục gia hạn, miễn giảm đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Đây là phương pháp tác giả sử dụng phần lớn trong suốt thời gian thực

hiện đề tài nghiên cứu và cũng chính là bằng chứng để tác giả phân tích đánh giá đúng kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại đơn vị khảo sát.

c. Phương pháp nghiên cứu tài liệu:

Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp được tác giả thực hiện qua việc tìm kiếm và nghiên cứu các tài liệu liên quan đến đề tài. Các tài liệu này chủ yếu là các giáo trình chuyên ngành, các công trình nghiên cứu khoa học như luận văn thạc sĩ, các bài báo, tạp chí, các thông tin và tài liệu liên quan trên mạng internet. Đồng thời tác giả cũng tiến hành nghiên cứu các chính sách, chế độ, các văn bản pháp luật: luật, nghị định, thông tư hướng dẫn về thuế TNDN cũng như việc thực hiện các ưu đãi về thuế TNDN, thu thập các tài liệu liên quan đến thực trạng quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Thanh Trì.

Mục đích là thu thập các thông tin về cơ sở lý luận chung và thực trạng về kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Thanh Trì. Qua việc nghiên cứu này tác giả sẽ hiểu rõ hơn về việc kiểm soát quản lý thuế TNDN, biết được những người đi trước đã giải quyết được các vấn đề nào về đề tài thuế TNDN, các vấn đề nào cần được phát triển sâu hơn từ đó tìm cho mình hướng nghiên cứu phù hợp.

1.5.2. Phương pháp phân tích, xử lý dữ liệu

Sau khi thu thập được các dữ liệu, tác giả tiến hành phân loại, sắp xếp và chọn lọc những thông tin cần thiết liên quan đến các vấn đề nghiên cứu. Tác giả sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp để khái quát cơ sở lý luận, tổng quan tình hình nghiên cứu về kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Việt, sử dụng phương pháp đối chiếu so sánh để đánh giá mức độ tuân thủ quy định của luật thuế TNDN.

Mục đích của phương pháp là phân tích các thông tin đầu vào đã thu thập được để đưa ra các kết luận về vấn đề nghiên cứu.

Nội dung chính của phương pháp là dựa trên các thông tin đầu vào đã

thu thập được tại Chi cục thuế Thanh Trì, từ đó nêu lên được thực trạng về kiểm soát quản lý thuế TNDN và căn cứ vào thực trạng này, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện việc kiểm soát quản lý thuế TNDN tại đơn vị nghiên cứu.

1.6. Những đóng góp mới của luận văn

Về lý luận, đề tài hệ thống hóa được những nội dung cơ bản về công tác kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Về thực tiễn, đề tài khảo sát, đánh giá thực trạng việc kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội; những kết quả, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong việc kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện việc kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội trong thời gian tới.

Kết quả nghiên cứu sẽ đưa ra được đánh giá thực trạng kiểm soát thuế TNDN tại Chi cục Thuế huyện Thanh Trì; phân tích được những tồn tại để đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát thuế TNDN tại cơ quan thuế, qua đó góp phần chống thất thu thuế và giúp DN nâng cao tính tuân thủ nghĩa vụ thuế.

1.7. Nội dung chi tiết

Ngoài lời nói đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung luận văn gồm có 4 chương:

Chương 1. Tổng quan đề tài nghiên cứu

Chương 2. Một số vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát quản lý thuế TNDN do cơ quan thuế thực hiện

Chương 3. Thực trạng công tác kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì – Thành Phố Hà Nội

Chương 4. Các giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì

Chương 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM SOÁT QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP DO CƠ QUAN THUẾ THỰC HIỆN

2.1. Tổng quan về thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1.1.1 Khái niệm về thuế thu nhập doanh nghiệp

Ở Việt Nam, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 10/5/1997 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1999 thay cho Luật thuế lợi tức.

Từ khi ra đời, Luật Thuế TNDN đã được nhiều lần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, với thông lệ quốc tế và đảm bảo chính sách ngày càng công khai, minh bạch, đồng bộ hơn.

Trong luật thuế TNDN (2013) khái niệm này đã chỉ rõ thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu, tức cơ sở kinh doanh vừa là đối tượng chịu thuế vừa là đối tượng nộp thuế. Cơ sở để xác định tính thuế TNDN là thu nhập chịu thuế. Như vậy, có thể nói đây là sắc thuế phản ánh và điều tiết tốt nhất, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Theo Giáo trình Thuế của chủ biên PGS.TS Nguyễn Thị Liên và PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu, Học viện tài chính (2008): “*Thuế TNDN là sắc thuế tính trên thu nhập chịu thuế của các doanh nghiệp trong kỳ tính thuế*”.

Khái niệm này đã khẳng định thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế đánh trên phần thu nhập chịu thuế nhưng đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mang nghĩa hẹp hơn là các doanh nghiệp. Theo tác giả thì khái niệm này chưa nêu được tính chất quan trọng của thuế thu nhập doanh nghiệp là

loại thuế trực thu và đối tượng chịu thuế đã bị thu hẹp lại.

- Theo giáo trình Thuế của chủ biên PGS.TS Phan Thị Cúc và TS. Phan Hiền Minh, nhà xuất bản tài chính (2009): *“Thuế TNDN là loại thuế trực thu đánh trên phần thu nhập sau khi trừ đi các khoản chi phí được trừ liên quan đến thu nhập của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ”*.

Khái niệm này đã bao quát được các vấn đề cơ bản về thuế thu nhập doanh nghiệp, cách tiếp cận cũng khác hơn so với các khái niệm trên đó là diễn giải rõ phần thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là phần thu nhập sau khi trừ đi các khoản chi phí được trừ liên quan đến thu nhập. Tuy nhiên, tác giả cho rằng các khoản chi phí được trừ thì đã đủ điều kiện trừ bỏ khỏi căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp và chắc chắn sẽ liên quan đến thu nhập \

Từ các khái niệm và lập luận trên, tác giả hiểu theo nghĩa tổng quát: *Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu đánh trên phần thu nhập sau khi trừ đi các khoản chi phí được trừ của cơ sở sản xuất kinh doanh, và cung ứng dịch vụ.*

2.1.1.2 Đặc điểm:

Thuế thu nhập doanh nghiệp là một sắc thuế trong hệ thống thuế của nước ta, do đó thuế TNDN mang đầy đủ các đặc điểm chung của Thuế Nhà nước. Tuy nhiên ngoài những đặc điểm chung của thuế thì thuế TNDN còn có những đặc điểm riêng biệt. Cụ thể:

- Thứ nhất, thuế TNDN là thuế trực thu, đối tượng nộp thuế TNDN là các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của luật thuế TNDN, người nộp thuế đồng thời cũng là người chịu thuế, không có sự chuyển giao gánh nặng thuế từ người nộp thuế sang người chịu thuế.

- Thứ hai, thuế TNDN phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Khác với thuế GTGT, thuế TTĐB là một số tiền cộng thêm

vào giá bán của hàng hóa, dịch vụ, người bán hàng hoặc người cung cấp dịch vụ là người tập hợp thuế và nộp vào kho bạc, bởi vậy, nó chủ yếu phụ thuộc vào mức độ tiêu dùng hàng hóa thì thuế TNDN được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế, mức đóng viên vào NSNN đối với loại thuế này phụ thuộc rất lớn vào hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. DN có thu nhập chịu thuế cao sẽ phải nộp thuế nhiều, ngược lại những DN có thu nhập thấp hoặc gặp khó khăn sẽ phải nộp thuế ít, thậm chí được miễn thuế, giảm thuế.

- Thứ ba, thuế TNDN là thuế tính trước thuế thu nhập cá nhân. Thu nhập mà các cá nhân nhận được từ hoạt động đầu tư như: lợi tức cổ phần, lãi cho vay vốn, lợi nhuận do góp vốn liên doanh, liên kết... là phần thu nhập được chia sau khi doanh nghiệp nộp thuế TNDN. Do vậy, thuế TNDN cũng có thể coi là một biện pháp quản lý thu nhập cá nhân.

- Thứ tư, tuy là thuế trực thu song thuế Thu nhập doanh nghiệp không gây phản ứng mạnh mẽ bằng thuế Thu nhập cá nhân vì nó khá mơ hồ đối với người chịu thuế.

- Thứ năm, về nguyên tắc thuế có tính chất lũy tiến. Tuy nhiên, do những điều kiện cụ thể mà một số nước trong đó có Việt Nam áp dụng thuế suất thống nhất đối với thuế TNDN

2.1.2. Vai trò của thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1.2.1 Thuế TNDN là khoản thu quan trọng của NSNN

Thuế thu nhập doanh nghiệp là một trong những loại thuế trực thu. Nó chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu thu Ngân sách Nhà nước.

Phạm vi áp dụng của thuế thu nhập doanh nghiệp rất rộng, gồm cá nhân, nhóm kinh doanh, hộ cá thể và các tổ chức kinh tế có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có phát sinh lợi nhuận. Nền kinh tế thị trường nước ta ngày càng phát triển và ổn định, tăng trưởng kinh tế được giữ vững ngày càng cao, các chủ thể hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

ngày càng mang lại nhiều lợi nhuận thì khả năng huy động nguồn tài chính cho ngân sách Nhà nước thông qua thuế thu nhập doanh nghiệp ngày càng dồi dào.

Tuy nhiên, cùng với xu hướng tăng trưởng kinh tế, quy mô của các hoạt động kinh tế ngày càng được mở rộng, hiệu quả kinh doanh ngày càng cao sẽ tạo ra nguồn thu về thuế TNDN ngày càng lớn cho NSNN.

2.1.2.2 Thuế TNDN là công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế

Thuế thu nhập doanh nghiệp là công cụ quan trọng để góp phần khuyến khích, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển theo chiều hướng kế hoạch, chiến lược, phát triển toàn diện của Đảng và Nhà nước. Nói cách khác, thuế phải góp phần khuyến khích sản xuất, kinh doanh phát triển theo định hướng của Nhà nước trong từng thời kỳ.

- Nhà nước ban hành một hệ thống pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng chung cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, tạo sự bình đẳng trong cạnh tranh, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Như vậy, với các doanh nghiệp cùng sản xuất một mặt hàng như nhau, cùng bán giá bán trên thị trường như nhau, nếu cơ sở sản xuất nào càng hạ thấp được giá thành sản phẩm, càng thu được nhiều lợi nhuận thì càng phát triển mạnh, và ngược lại thì dễ dẫn tới bị phá sản.

- Thông qua việc xác định phạm vi thu thuế và không thu thuế, Nhà nước thể hiện sự ưu đãi của mình đối với một số đối tượng trong xã hội không phải nộp thuế hoặc thể hiện sự khuyến khích của Nhà nước đối với việc phát triển của một lĩnh vực ở một vùng nào đó.

- Ngoài việc quy định thuế suất chung cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, Nhà nước cũng đưa ra thuế suất ưu đãi để áp dụng đối với từng ngành nghề, mặt hàng, lĩnh vực thể hiện mức độ khuyến khích hay không khuyến

khích của Nhà nước đối với những ngành nghề, mặt hàng, lĩnh vực đó trong nền kinh tế.

- Không những chỉ khuyến khích đầu tư bằng việc định ra một thuế suất hợp lý, mà thuế thu nhập doanh nghiệp còn được sử dụng là một biện pháp khuyến khích bỏ vốn đầu tư vào các ngành nghề, mặt hàng, các vùng mà Nhà nước cần tập trung khuyến khích đẩy mạnh sản xuất, khai thác tiềm năng về vốn trong dân cư và của các nhà đầu tư nước ngoài, hỗ trợ các doanh nghiệp khắc phục khó khăn, rủi ro để phát triển sản xuất bằng việc sử dụng biện pháp miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức độ khác nhau.

2.1.2.3 Thuế TNDN là một công cụ của Nhà nước thực hiện chức năng tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội

Một trong những mục tiêu của thuế thu nhập doanh nghiệp là điều tiết thu nhập, đảm bảo sự công bằng trong phân phối thu nhập xã hội. Các doanh nghiệp với lực lượng lao động có tay nghề cao, năng lực tài chính mạnh thì doanh nghiệp đó sẽ có ưu thế và có cơ hội để nhận được thu nhập cao; ngược lại các doanh nghiệp với năng lực tài chính, lực lượng lao động bị hạn chế sẽ nhận được thu nhập thấp, thậm chí không có thu nhập. Để hạn chế nhược điểm đó, Nhà nước sử dụng thuế thu nhập doanh nghiệp làm công cụ điều tiết thu nhập của các chủ thể có thu nhập cao, đảm bảo yêu cầu đóng góp của các chủ thể kinh doanh vào ngân sách Nhà nước được công bằng, hợp lý

Thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng cho các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, không những đảm bảo bình đẳng công bằng về chiều ngang mà còn cả công bằng về chiều dọc. Về chiều ngang, bất kể một doanh nghiệp nào kinh doanh bất cứ hình thức nào nếu có thu nhập chịu thuế thì phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Về chiều dọc, cùng một ngành nghề không phân biệt quy mô kinh doanh nếu có thu nhập chịu thuế thì đều phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Với mức thuế suất

thống nhất, doanh nghiệp nào có thu nhập cao thì phải nộp thuế nhiều hơn (theo số tuyệt đối) doanh nghiệp có thu nhập thấp.

Như vậy vai trò của thuế TNDN rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.3. Phương pháp xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của luật quản lý thuế; luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/1/2013.

• Đối tượng nộp thuế:

-Người nộp thuế TNDN là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (gọi là doanh nghiệp)

-Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nộp thuế TNDN theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

• Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế của thuế TNDN là thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế TNDN.

Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo năm dương lịch hoặc năm tài chính

Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế bằng thu nhập tính thuế nhân với thuế suất thuế TNDN

Thuế TNDN phải nộp được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left(\begin{array}{c} \text{Thu nhập} \\ \text{tính thuế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Phần trích lập quỹ} \\ \text{KH\&CN (nếu có)} \end{array} \right) \times \begin{array}{c} \text{Thuế suất} \\ \text{thuế TNDN} \end{array}$$

- *Thu nhập tính thuế :*

Thu nhập tính thuế trong kỳ được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ thu nhập được miễn thuế và các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước theo quy định.

Thu nhập tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left(\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right)$$

Trong đó, Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác

Thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \left(\text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ} \right) + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

- *Doanh thu*

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng hóa, tiền gia công, tiền cung cấp dịch vụ bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

+ Đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua.

+ Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ.

Trường hợp thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ xảy ra trước thời điểm dịch vụ hoàn thành thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế được tính theo thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ.

+ Đối với hoạt động vận tải hàng không là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ vận chuyển cho người mua..

• *Xác định chi phí được trừ:*

Theo quy định hiện hành trừ các khoản chi không được trừ thì mọi khoản chi của doanh nghiệp nếu đáp ứng đủ hai điều kiện sau đây đều được trừ:

- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
- Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt...

• *Các khoản thu nhập khác:*

Thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chứng khoán, bất động sản; chuyển nhượng, thanh lý hoặc cho thuê tài sản; lãi tiền gửi, cho vay; thu nhập từ hoạt động bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá; khoản nợ khó đòi đã xóa nay đòi được; khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ; thu nhập từ hoạt động SXKD của những năm trước bị bỏ sót phát hiện ra; quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật; thu nhập nhận được bằng tiền, bằng hiện vật từ khoản hỗ trợ tiếp thị, hỗ trợ chi phí, chiết khấu thanh toán, thưởng khuyến mại và các khoản hỗ trợ khác;...

- *Thu nhập miễn thuế*: được quy định tại Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi bổ sung theo nghị quyết số 51/2001/QH10.

- *Các khoản lỗ được kết chuyển*: là những khoản do doanh nghiệp lựa chọn để bù vào số lỗ của hoạt động kinh doanh trong trường hợp xảy ra lỗ. Phần thu nhập còn lại sau khi đã bù trừ vẫn phải áp dụng mức thuế suất Thuế TNDN

- *Phần trích lập quỹ KH&CN*: Thông tư số 12/2016.TTLT-BKHCN BTC ngày 28/06/2016, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/09/2019 và áp dụng cho việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp từ kì tính thuế TNDN năm 2016

- *Thuế suất thuế TNDN*:

Hiện nay thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đang được áp dụng tại nước ta là 20% trừ những doanh nghiệp đặc thù sau:

Doanh nghiệp có hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí tại Việt Nam chịu thuế suất từ 32 đến 50%

Doanh nghiệp có hoạt động thăm dò, khai thác mỏ tài nguyên quý hiếm bao gồm: vàng, bạc, bạch kim, kim cương, đá quý, thiếc, đất hiếm, chịu mức thuế suất 50%. Trong trường hợp các mỏ tài nguyên quý hiếm có 70% diện tích nằm ở nơi có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thuế suất dành cho doanh nghiệp là 40%.

2.2. Kiểm soát quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

2.2.1. Kiểm soát quản lý thuế

Xuất phát từ khái niệm quản lý là sự tác động của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý nhằm thực hiện mục tiêu đã đề ra, khái niệm quản lý thuế được hiểu là hoạt động quản lý của các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước (chủ yếu là cơ quan thuế) nhằm tập trung các nguồn thu từ các đối tượng nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật.

Quản lý thuế là vấn đề được nhiều nhà khoa học nghiên cứu và có nhiều quan niệm khác nhau. Mỗi quan niệm đều nhìn nhận quản lý thuế ở một góc độ với phạm vi tiếp cận khác nhau và với mục đích, ý nghĩa thực tiễn khác nhau. Từ góc độ khái quát, các quan niệm về quản lý thuế hiện nay đều có các điểm chung là:

Điều đề cập đến các nội dung của khâu hành pháp về thuế;

Điều đề cập đến sự tác động của chủ thể quản lý đối với đối tượng bị quản lý bằng các phương thức, phương tiện nào đó nhằm đạt mục tiêu nhất định, trong đó:

- + Chủ thể quản lý là Nhà nước (mà trực tiếp là cơ quan thuế các cấp).
- + Đối tượng bị quản lý là các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ về thuế.
- + Mục đích quản lý là để đối tượng nộp thuế và các đối tượng có liên quan thực hiện tốt nghĩa vụ luật định về thuế của mình.
- + Phương tiện quản lý là sử dụng các quy định về đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, thanh tra thuế... với bộ máy, đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất cần thiết để quản lý.

Từ những nội dung khái quát nêu trên, khái niệm quản lý thuế có thể được hiểu là thuật ngữ dùng để chỉ tổng thể các khâu lập pháp, hành pháp và tư pháp về thuế, còn quản lý thuế gồm những hoạt động có tổ chức trong bộ máy nhà nước, thuộc lĩnh vực hành pháp và tư pháp về thuế của cơ quan thuế các cấp, với các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do luật định nhằm thực hiện chính sách thuế đã được cơ quan có thẩm quyền thông qua. Ở bình diện rộng, quản lý thuế là hoạt động nhằm đảm bảo sự thực thi nghiêm chỉnh pháp luật về thuế thông qua sự tự giác và sự hỗ trợ của cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.

• Đối với cán bộ thuế, quản lý thu thuế bao gồm ba hoạt động riêng biệt, liên tiếp nhau: Xác định đối tượng nộp thuế; xác định số thuế phải nộp;

và thu thuế. Chức năng chủ yếu của quản lý ở đây là kiểm soát sự tuân thủ và áp dụng các khoản phạt theo luật thuế để răn đe những đối tượng nộp thuế vi phạm. Đồng thời, quản lý thu thuế cũng đảm bảo bên thứ ba có giao dịch mua bán hay cung cấp dịch vụ với đối tượng nộp thuế phải báo cáo đầy đủ, trung thực các giao dịch kinh tế có phát sinh thuế nộp ngân sách nhà nước theo quy định của luật.

- Đối với cơ quan thuế, quản lý thu thuế là một quá trình giống như quá trình sản xuất. Trong đó, đầu vào gồm nhân công (cán bộ thuế), tài liệu và các thông tin, còn đầu ra là số thu cho Nhà nước và sự công bằng cho người nộp thuế.

Vậy kiểm soát quản lý thuế là hoạt động quản lý của Nhà nước mà cơ quan thuế là đại diện để tổ chức hướng dẫn, điều hành, giám sát việc thực thi pháp luật về thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh nhằm động viên nguồn thu vào ngân sách nhà nước.

2.2.2. Khái niệm, mục tiêu của kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.2.2.1 Khái niệm về kiểm soát quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Kiểm soát quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp là một trong những chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế theo quy định của luật quản lý thuế, kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo trình tự nhất định.

Kiểm soát quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp phải kiểm soát toàn diện từ doanh thu chịu thuế, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh đến chính sách miễn giảm theo dự án đầu tư, theo lĩnh vực, ngành nghề hay địa bàn kinh doanh. Kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp có nội dung rộng. Kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp không những kiểm soát tuân thủ theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp mà còn kiểm soát tuân thủ các Luật khác. Kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp có tính chất ngoại kiểm. Đảm bảo nguồn thu đúng, thu đủ, xử lý những hành vi vi phạm, gian lận về thuế TNDN góp phần

đảm bảo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và công bằng xã hội.

Từ các tiếp cận nêu trên về các vấn đề quản lý thuế, khái niệm kiểm soát quản lý thuế TNDN được hiểu: là quá trình tác động có mục đích, có ý thức của Nhà nước vào việc huy động các nguồn thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp để tập trung vào ngân sách nhà nước, thông qua hoạt động của các cơ quan quản lý thuế và các doanh nghiệp, trên cơ sở thực thi các văn bản pháp lý và các phương pháp quản lý nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội do Nhà nước đề ra trong từng thời kỳ.

2.2.2.2 Mục tiêu của kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp

Kiểm soát quản lý thuế TNDN bao gồm các mục tiêu cơ bản sau:

- Tập trung và huy động nguồn thu cho NSNN không ngừng phát triển và nuôi dưỡng nguồn thu.

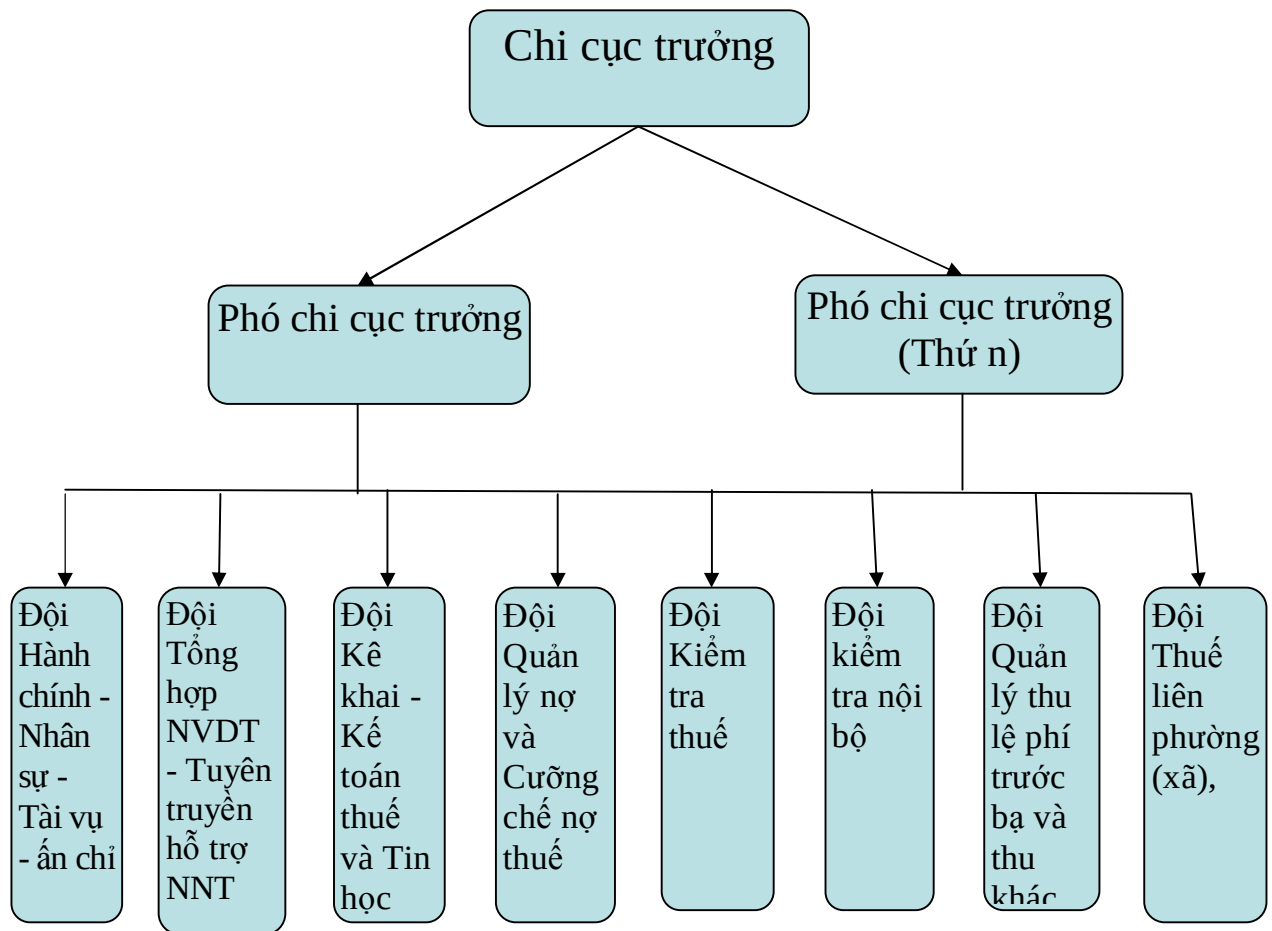
Thuế chiếm 90% nguồn thu NSNN, do vậy cần phải quán triệt công tác quản lý thuế đảm bảo cho Nhà nước thực hiện được chức năng của mình và hạn chế được thâm hụt ngân sách.

- Phát huy tốt nhất vai trò của thuế: Vai trò của thuế tồn tại và phát huy khi mà đối tượng thực hiện nộp thuế áp dụng một cách tốt nhất sắc thuế đó trong thực tế.

- Nâng cao ý thức chấp hành luật thuế và pháp luật của Nhà nước. Nhà nước tác động vào nền kinh tế ở tầm vĩ mô thông qua luật và pháp lệnh; luật thuế mang tính cưỡng chế cao vì vậy việc thực thi chính sách thuế tốt sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sống và làm việc theo pháp luật

- Qua công tác kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ quan thuế phát hiện những kẻ hở, những quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp không phù hợp thực tiễn, từ đó kiến nghị sửa đổi luật thuế thu nhập doanh nghiệp, chế độ kế toán và các quy định khác có liên quan

2.2.3. Bộ máy kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục thuế

Chi cục trưởng là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thuế về toàn diện và toàn bộ hoạt động của Chi cục Thuế; Phó Chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng về lĩnh vực công tác được phân công.

Với cơ cấu tổ chức để thực hiện nhiệm vụ quản lý thu thuế theo chức năng được phân công thực hiện nhiệm vụ ở 4 chức năng chính là: tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, kê khai và kế toán thuế, quản lý nợ và cưỡng chế thuế, kiểm tra thuế. Bao gồm các đội thuế như sau:

- Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - ấn chỉ : Thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; công tác quản lý nhân sự; quản lý tài chính, quản trị; công

tác ẩn chi;

- Đội Tổng hợp NVDT - Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế: Thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách pháp luật thuế,

- Đội Kế khai -Kế toán thuế và Tin học: Xây dựng và tổ chức thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước. Thực hiện công tác đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế , triển khai các phần mềm ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý thuế.

- Đội Quản lý nợ và Cưỡng chế nợ thuế: Thực hiện công tác quản lý nợ thuế, cưỡng chế thu tiền thuế nợ, tiền phạt đối với người nộp thuế.

- Đội Kiểm tra thuế: Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát kê khai thuế; giải quyết tố cáo liên quan đến người nộp thuế;

- Đội kiểm tra nội bộ: Thực hiện công tác kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, tính liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế; giải quyết khiếu nại tố cáo.

- Đội Quản lý thu lệ phí trước bạ và thu khác: Quản lý thu lệ phí trước bạ và các khoản thu khác phát sinh trên địa bàn.

- Đội Thuế liên phường (xã), chợ: Quản lý thu thuế các hộ, cá nhân nộp thuế trên địa bàn phường (xã) được phân công.

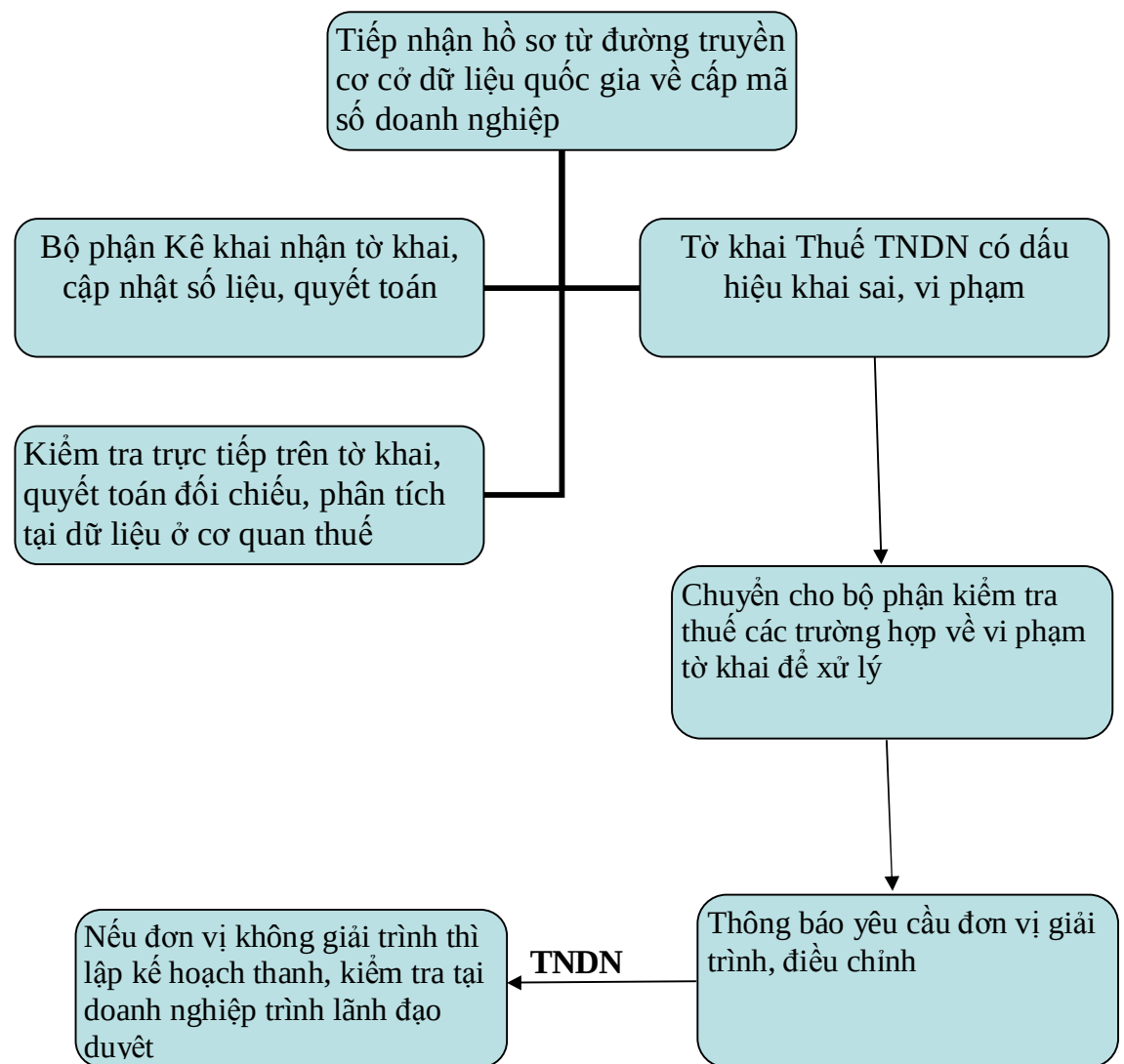
2.2.4. Quy trình kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp

Đặc trưng của quy trình quản lý thuế là nhằm nâng cao tính tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thông qua việc thực hiện phương pháp tự tính, tự kê khai thuế, xóa bỏ chế độ cán bộ thuế chuyên quản người nộp thuế. Từ tháng 3 năm 2010 đến nay, quản lý theo mô hình chức năng trên cơ sở Quyết định số 502/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục Thuế thực hiện Kiểm soát và quản lý thuế theo mô hình chức năng có những ưu điểm như phản ánh đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan thuế, có phân cấp rõ ràng. Mỗi chức năng quản lý thuế như xử lý tờ khai thuế, quản lý nợ và cưỡng chế thuế, kiểm tra, thanh tra thuế có một bộ phận chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ quản lý. Dựa vào Luật Quản lý thuế, quy

trình, nội dung kiểm soát thuế được thực hiện theo bốn giai đoạn:

- Kiểm soát ở khâu đăng ký, kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp
- Kiểm tra, kiểm soát ở khâu tạm nộp thuế TNDN do doanh nghiệp tự kê khai,
- Kiểm soát hồ sơ khai thuế TNDN bao gồm kiểm tra tại cơ quan thuế và kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp
- Kiểm soát thu nợ thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.2.4.1 Kiểm soát ở khâu kê khai



Sơ đồ 2.2: Quy trình kiểm soát thuế TNDN ở khâu đăng ký, kê khai thuế

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ từ đường truyền cơ sở dữ liệu quốc gia về cấp mã số thuế doanh nghiệp

Bước 2: Bộ phận Kế khai KTT&TH nhận tờ khai, cập nhật số liệu quyết toán TNDN

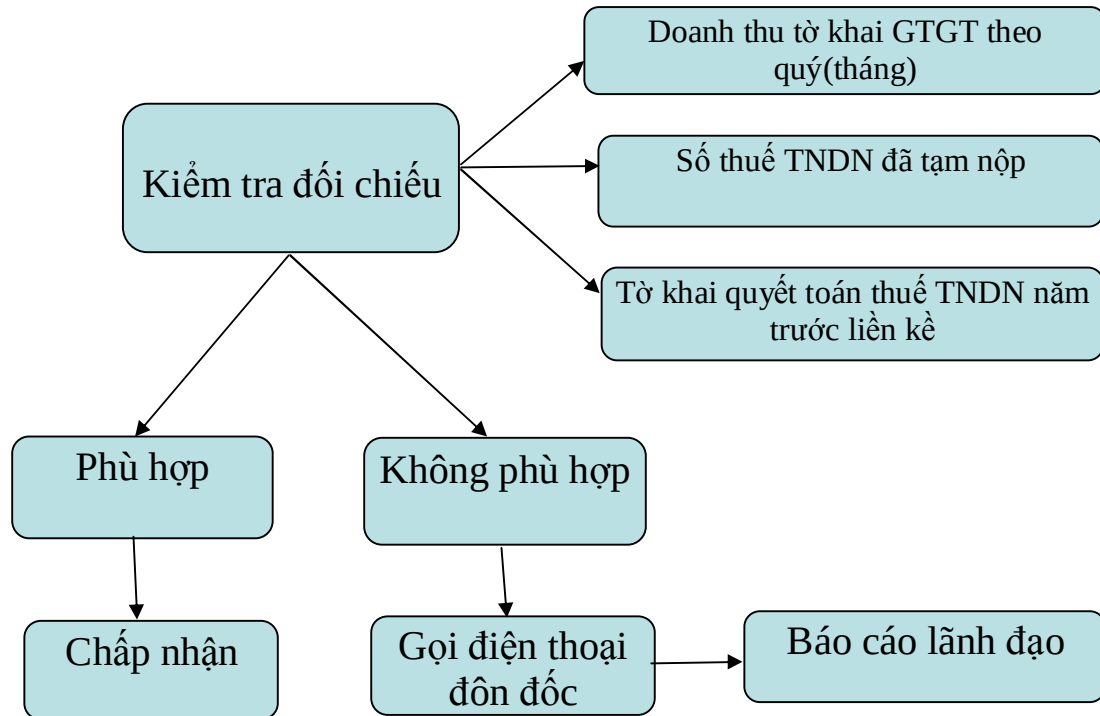
Bước 3: Kiểm tra trên tờ khai quyết toán và đối chiếu, phân tích tại dữ liệu của cơ quan thuế

Bước 4:

+ Nếu tờ khai thuế TNDN không có dấu hiệu khai sai, vi phạm thì chấp nhận tờ khai

+ Nếu tờ khai thuế TNDN có dấu hiệu khai sai, vi phạm thì chấp nhận tờ khai thì chuyển cho bộ phận kiểm tra thuế các trường hợp về vi phạm tờ khai để xử lý, ra thông báo yêu cầu đơn vị giải trình, điều chỉnh. Nếu đơn vị không giải trình thì lập kế hoạch thanh, kiểm tra tại doanh nghiệp trình lãnh đạo phê duyệt.

2.2.4.2 Kiểm soát tạm nộp thuế TNDN:



Sơ đồ 2.3: Quy trình kiểm soát thuế TNDN ở khâu tạm tính

Bước 1: Kiểm tra đối chiếu các vấn đề

+ Doanh thu của tờ khai GTGT theo tháng (quý) mà doanh nghiệp đã kê khai

+ Tiền chuyển vào NSNN có đúng tiền mục thuế TNDN hay không?

+ Tờ khai quyết toán thuế TNDN của năm trước liền kề

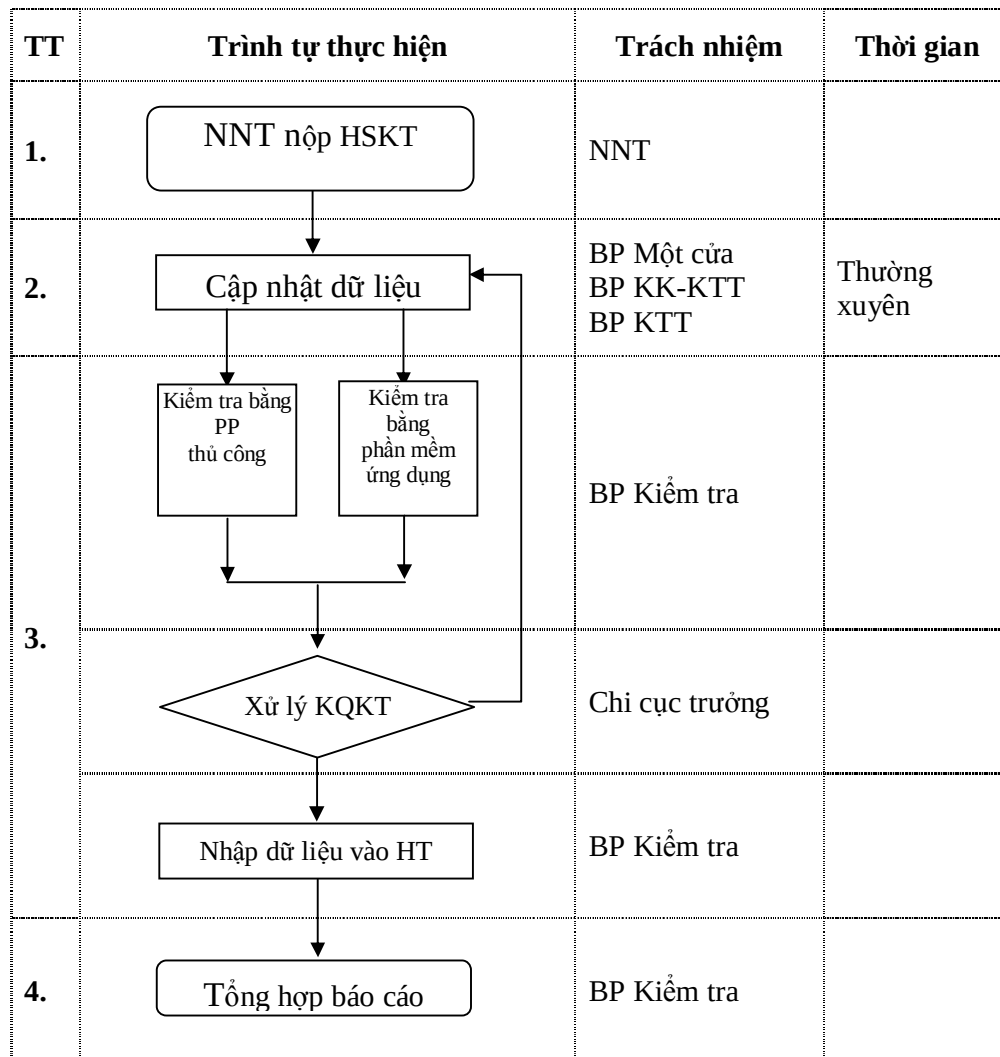
Bước 2:

+ Nếu các vấn đề không có gì bất thường thì chấp nhận cho đơn vị

+ Nếu có bất thường thì cán bộ kiểm soát thuế TNDN liên lạc (điện thoại, email) với doanh nghiệp yêu cầu tạm nộp và báo cáo lãnh đạo biết.

2.2.4.3 Kiểm soát hồ sơ khai thuế TNDN

a. Kiểm soát hồ sơ tại trụ sở cơ quan thuế



Sơ đồ 2.4: Quy trình kiểm tra tại cơ quan thuế

Bước 1: Kiểm tra hồ sơ thuế, thông qua đối chiếu so sánh nội dung trong hồ sơ thuế với các thông tin, tài liệu có liên quan, các quy định pháp luật về thuế.

Bước 2: Xử lý kết quả kiểm tra thuế

b. Kiểm soát hồ sơ khai thuế tại trụ sở NNT

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
1	KH và chuyên đề KTra		
	Lập KH KTra	Bộ phận Kiểm tra	05/12 hàng năm
	Phê duyệt	Chi cục trưởng	Chậm nhất 30/12 hàng năm
2	Chuẩn bị KTra trụ sở NNT	BP Kiểm tra	03 ngày làm việc kể từ ngày ký QĐ
	b) Hoàn Ktra ↔ a) Bãi bỏ QĐ Ktra	Chi cục trưởng	Trong 05 ngày làm việc từ khi nhận QĐ Ktra
3	Thực hiện Kiểm tra	BP Kiểm tra	Trong vòng 05 ngày
4	Lập Biên bản Ktra	BP Kiểm tra	Không quá 05 ngày từ khi kết thúc kiểm tra
5	Xử lý Kết quả KTra	BP Kiểm tra	Chậm nhất 05 ngày từ khi ký BBKT
6	Giám sát kết quả Ktra	BP Kiểm tra	90 ngày

Sơ đồ 2.5: Quy trình kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế

Bước 1: Lập kế hoạch bắt đầu kiểm tra.

Bước 2: Tiến hành kiểm tra, đối chiếu nội dung khai báo với sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, tài liệu có liên quan.

Bước 3: Lập biên bản kiểm tra thuế, biên bản được lập trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra.

Bước 4: Xử lý kết quả kiểm tra theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm

quyền xử lý theo kết quả kiểm tra trong trường hợp CQT không có thẩm quyền xử lý

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
1	Phân công quản lý nợ thuế	Lãnh đạo Bộ phận QLN Các Bộ phận liên quan	Hàng tháng, trước khóa sổ thuế 01 ngày
2	Phân loại tiền thuế nợ	Bộ phận QLN Các Bộ phận liên quan	Hàng ngày
3	Thực hiện đơn đốc thu nộp	Công chức QLN Công chức L/Quan	Hàng tháng, sau khi khóa sổ thuế
4	Xử lý các văn bản, hồ sơ	Công chức QLN Công chức L/Quan	Ngay sau ngày làm việc kế tiếp
5	Xử lý tiền thuế đang chờ điều chỉnh; tiền thuế nợ khó thu	Công chức QLN Công chức L/Quan	Sau khi phân loại tiền thuế nợ
6	Đơn đốc	Công chức QLN Công chức L/Quan	
7	Lập nhật ký và sổ theo dõi tình hình nợ thuế	Công chức QLN Công chức L/Quan	
8	Thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế	Công chức QLN Công chức L/Quan	
9	Báo cáo	Bộ phận QLN Bộ phận Thuế liên quan	

Sơ đồ 2.6: Quy trình kiểm soát thu nợ thuế

2.2.4.4 Kiểm soát nợ thuế:

Bước 1: Phân công quản lý các loại thuế nợ (nợ chờ điều chỉnh, nợ khó thu, nợ mới phát sinh, nợ đã quá hạn phải cưỡng chế,..)

Bước 2: Thực hiện đơn đốc yêu cầu đơn vị nộp thuế GTGT mới phát sinh, thuế TNDN tạm tính, thuế nợ mà chưa đến hạn phải cưỡng chế

Bước 3: Xử lý tiền thuế chờ điều chỉnh, tiền thuế nợ khó thu

Bước 4: Đơn đốc và lập nhật ký theo dõi nợ thuế, tình hình phát sinh thu nộp chi tiết

Bước 5: Thực hiện cưỡng chế nợ thuế đối với những đơn vị có số thuế nợ đã quá hạn hoặc những đơn vị không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế

Bước 6: Báo cáo kết quả quản lý nợ thuế

2.2.5 Nội dung kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.2.5.1 Kiểm soát ở khâu đăng ký, kê khai và xử lý tính thuế

Kiểm soát hồ sơ: Kiểm soát ban đầu ở khâu đăng ký, kê khai thuế do bộ phận kê khai và kế toán thuế thực hiện để đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật thuế qua việc đăng ký, kê khai thuế của NNT. Căn cứ theo số liệu của sổ kế hoạch đầu tư phải xác định được số hồ sơ phải nộp, đã nộp, không nộp, các lỗi số học và tính pháp lý của hồ sơ khai thuế, qua đó bộ phận kê khai và kế toán thuế có những điều chỉnh và kiến nghị xử lý kịp thời tạo điều kiện để NNT chấp hành tốt pháp luật thuế. Việc kiểm soát ở khâu này nhằm phân loại được NNT định hướng cho việc kiểm soát ở các khâu tiếp theo.

Kiểm soát nội dung: Kiểm tra tính đầy đủ, đúng quy định của mẫu biểu: Doanh nghiệp phải kê khai đúng mẫu tờ khai thuế do Bộ Tài chính quy định, không được thay đổi khuôn dạng, thêm, bớt hoặc thay đổi vị trí của bất kỳ chỉ tiêu nào trong tờ khai thuế; Tờ khai lập đầy đủ thông tin đầy đủ các mẫu biểu, phụ lục kèm theo.

2.2.5.2 Kiểm soát số tiền tạm nộp thuế TNDN:

Cơ quan thuế kiểm soát ở khâu tạm nộp thuế TNDN, Cán bộ quản lý thuế TNDN phải đối chiếu với tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước để xác định tỉ lệ thu nhập của năm trước liền kề nếu có sự chênh lệch giảm phải yêu cầu doanh nghiệp giải trình, xác định nguyên nhân gây biến động. Căn cứ vào tờ khai thuế GTGT phát sinh, căn cứ vào số tiền thuế TNDN đơn vị đã nộp để yêu cầu doanh nghiệp tạm nộp số thuế TNDN.

2.2.5.3 Kiểm tra, kiểm soát hồ sơ thuế TNDN

Kiểm tra, giám sát hồ sơ thuế TNDN được tiến hành theo một trình tự nhất định. Qua việc giám sát, kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế phát hiện những sai sót yêu cầu NNT giải trình, bổ sung để chứng minh tính chính xác, trung thực, hợp lý của các chỉ tiêu đã kê khai trong hồ sơ thuế. Trường hợp NNT không chứng minh được tính chính xác, trung thực hợp lý của việc kê khai thuế thì cơ quan Thuế tiến hành kiểm tra tại trụ sở NNT. Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện NNT có dấu hiệu trốn thuế, gian lận về thuế thì tiến hành thanh tra thuế

a. Kiểm soát tại cơ quan thuế: Công tác kiểm tra tại trụ sở CQT là nền tảng của công tác quản lý thuế, với vai trò thực hiện việc giám sát thường xuyên liên tục NNT, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật thuế; hỗ trợ và định hướng cho công tác kiểm tra, thanh tra tại trụ sở NNT, tuyên truyền chính sách pháp luật thuế và hỗ trợ NNT, nâng cao vị thế và cải thiện hình ảnh của cán bộ thuế, cơ quan thuế. Về cơ bản công tác kiểm tra thuế tại cơ quan thuế cần kiểm tra những vấn đề sau:

- Kiểm tra số lượng hồ sơ: Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ khai thuế: Kiểm tra các thủ tục của hồ sơ khai thuế là một bước khá đơn giản nhưng không thể bỏ qua khi tiến hành kiểm tra tại bàn đối với các hồ sơ khai thuế. Thông qua việc kiểm tra thủ tục, cán bộ kiểm tra thuế sẽ đảm bảo các phân

tích, đánh giá, nhận định dựa trên một hồ sơ khai thuế có đầy đủ giá trị pháp lý theo quy định

- Kiểm tra nội dung của Mẫu biểu hồ sơ khai thuế, cán bộ kiểm tra cần xác định việc hồ sơ khai thuế đã được lập đúng mẫu tờ khai thuế và các mẫu phụ lục kèm theo tờ khai thuế do Bộ Tài chính quy định, không được thay đổi khuôn dạng, thêm, bớt hoặc thay đổi vị trí của bất kỳ chỉ tiêu nào trong tờ khai thuế; đủ các phụ lục theo quy định đối từng trường hợp cụ thể; tờ khai và các phụ lục lập đủ thông tin...

Kiểm tra số liệu, căn cứ tính thuế: việc kiểm tra số liệu và các căn cứ tính thuế để xác định số thuế phải nộp; số tiền thuế miễn, giảm; số tiền hoàn thuế... được thực hiện theo phương pháp đối chiếu so sánh - Đối chiếu với các quy định của các văn bản pháp luật về thuế.

- Báo cáo kết quả kiểm tra thuế: Trong tháng (quý) đã kiểm tra được bao nhiêu hồ sơ khai thuế, đọc được bao nhiêu BCTC, qua đó chấp nhập bao nhiêu hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp. Phát hiện ra được bao nhiêu doanh nghiệp có vấn đề và rủi ro cao về thuế.

Sau quá trình đánh giá tổng thể hồ sơ khai thuế và giải trình của NNT, cán bộ kiểm tra thuế sẽ thực hiện báo cáo, đề xuất Lãnh đạo cơ quan thuế chấp thuận hồ sơ khai thuế, giải trình của NNT hoặc tiến hành ấn định thuế/kiểm tra, thanh tra tại trụ sở NNT. Triển khai thực hiện phương án xử lý đã được Lãnh đạo cơ quan thuế phê duyệt sẽ đảm bảo phát huy hiệu quả công tác kiểm tra tại bàn hồ sơ khai thuế của NNT

b. Kiểm soát tại trụ sở Người nộp thuế:

Cán bộ kiểm tra cần lập kế hoạch và tiến hành quan sát để thu được bằng chứng thanh tra, kiểm tra bằng cách liên hệ giữa thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế với các thông tin kế toán. Thông qua việc quan sát thực tế các hiện tượng như vậy, cán bộ thanh tra, kiểm tra đã có ghi

nhận ban đầu về tính hiện hữu của các hiện tượng này. Việc quan sát được thực hiện trên giác độ phân tích tác động của những hiện tượng này đối với hoạt động kế toán và ảnh hưởng đến công tác thanh tra, kiểm tra.

Ví dụ: Cán bộ thanh tra, kiểm tra có thể quan sát hàng tồn kho, nhà xưởng, thiết bị và việc thực hiện các chức năng hoạt động trên thực tế của doanh nghiệp.

Cán bộ thanh tra, kiểm tra phải đặt ra rất nhiều câu hỏi trong quá trình thanh, kiểm tra. Quá trình hỏi-đáp cả dưới dạng văn bản chính thức và trao đổi thông thường. Thông thường, nhân viên doanh nghiệp sẽ giải thích về những chênh lệch trong số liệu kế toán. Tuy nhiên, cán bộ thanh tra, kiểm tra không thể tin tưởng vào những câu trả lời mà không có kèm theo các dẫn chứng xác thực. Cán bộ thanh tra, kiểm tra phải thu thập được những dẫn chứng xác thực nhằm đảm bảo câu trả lời đã hợp lý.

Ví dụ: sử dụng danh mục câu hỏi về kiểm soát nội bộ để thu được thông tin về các quy trình kiểm soát do các nhân viên doanh nghiệp mô tả.

Là một loại hình yêu cầu cung cấp thông tin mà cán bộ thanh tra, kiểm tra thực hiện bằng cách lấy xác nhận bằng văn bản của các công ty hoặc cá nhân bên ngoài.

Ví dụ: Xác định về mức chiết khấu thanh toán hoặc chiết khấu thương mại của các đơn vị cung cấp hàng hoá cho doanh nghiệp.

Để phát hiện được các sai sót khi xử lý số liệu kế toán, cán bộ thanh tra có thể thực hiện lại một bước xử lý cụ thể nào đó trong quá trình xử lý dữ liệu.

Ví dụ: đối với hệ thống sổ sách kế toán thủ công, cán bộ thanh tra, kiểm tra có thể truy lần các bút toán vào sổ từ sổ chứng từ gốc đến sổ cái tài khoản.

Tính chính xác về số học của các phép tính thực hiện trong quá trình xử

lý số liệu có thể được chứng minh bằng cách tính toán lại các kết quả.

Ví dụ: Cán bộ thanh tra, kiểm tra tiến hành tính toán lại số liệu giữa các tiêu chí trên tờ khai thuế tháng hoặc năm.

Các giao dịch trao đổi thường có liên quan đến sự luân chuyển các chứng từ giữa các bên tham gia giao dịch. Quy trình xác minh sẽ kiểm tra và so sánh các chứng từ này với sổ sách kế toán.

Ví dụ: Tiến hành xác minh nghiệp vụ xuất, nhập, kho hàng hoá trong việc luân chuyển chứng từ(như hoá đơn, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, lệnh mua, bán hàng hoá...) giữa người mua và người bán; giữa kế toán, thủ kho, cung tiêu....

Trong quá trình thực hiện kiểm tra, Đoàn kiểm tra được quyền kiểm tra tài sản, vật tư, hàng hoá, xem xét chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, các tài liệu có liên quan trong phạm vi nội dung của Quyết định kiểm tra thuế.

2.2.5.4 Kiểm soát ở khâu thu nợ thuế thu nhập doanh nghiệp:

Kiểm soát ở khâu thu nợ thuế thu nhập doanh nghiệp thì các cán bộ ở bộ phận Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế sẽ phải thực hiện các biện pháp cưỡng chế nhằm thu đúng thu đủ số tiền thuế nợ quá hạn vào ngân sách nhà nước:

Kiểm tra hồ sơ: Căn cứ chứng từ thu nộp tiền thuế của đơn vị do cơ quan thuế theo dõi

+ Doanh nghiệp nợ tiền thuế TNDN, tiền chậm nộp tiền thuế TNDN đã quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế TNDN, hết thời hạn gia hạn nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Doanh nghiệp không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định

xử phạt vi phạm hành chính về thuế thì bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế có thời hạn thi hành nhiều hơn 10 (mười) ngày mà người nộp thuế không chấp hành quyết định xử phạt theo thời hạn ghi trên quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế (trừ trường hợp được hoãn hoặc tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế).

- Khi đơn vị có khoản nợ thuế TNDN quá hạn thuộc diện phải cưỡng chế, cán bộ thuế sẽ liên lạc với doanh nghiệp để thông báo cho doanh nghiệp biết tình trạng mình hiện đang nợ thuế bao nhiêu (bằng email, gọi điện, gửi thư đảm bảo). Nếu đơn vị chưa có khả năng nộp hoặc trì hoãn nộp số thuế nợ NSNN mà cơ quan thuế đã thông báo trên thì sẽ phải thực hiện các biện pháp thi hành quyết định hành chính thuế (sau đây gọi chung là biện pháp cưỡng chế)

+ Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng; yêu cầu phong tỏa tài khoản.

+ Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập.

+ Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng.

+ Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên theo quy định của pháp luật để thu tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước.

+ Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ.

+ Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề.

Chương 3

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ HUYỆN THANH TRÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội và quá trình hình thành phát triển của Huyện Thanh Trì

3.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Huyện Thanh trì là huyện ngoại thành Hà Nội với diện tích tự nhiên 6.292,7 ha, dân số trên 200.000 người. Phía bắc giáp quận Hoàng Mai, phía nam giáp huyện Thường Tín, phía tây và tây bắc giáp quận Thanh Xuân, phía đông là sông hồng giáp với huyện Gia Lâm và Tỉnh Hưng Yên.

Huyện Thanh Trì là đầu mối giao thông quan trọng của Thủ đô, thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế – xã hội với các tỉnh phía Nam. Toàn huyện có 15 xã và 01 Thị Trấn Văn Điển.

Với những đặc điểm tự nhiên sẵn có Huyện Thanh Trì quyết tâm phát huy những lợi thế sẵn có để đẩy nhanh phát triển theo hướng bền vững, xây dựng huyện giàu mạnh, văn minh, hiện đại. Tình hình kinh tế của huyện luôn tăng trưởng cao, số thu cho ngân sách năm sau luôn cao hơn năm trước.

Bảng 3.1: Kết quả thu ngân sách trên địa bàn Huyện Thanh Trì

Đơn vị tính : Triệu đồng

Chỉ tiêu \ Năm	2018	6 tháng đầu năm 2019
Tổng số	996.359	498.179
1. Thuế NQD	319.368	159.684
2. Phí và lệ phí	3.682	1.841
3. Lệ phí trước bạ	162.711	81.355
4. Thuế nhà đất	11.491	5.745
5. Tiền thuê đất	112.459	56.229
6. Thu cố định tại xã	4.154	2.077

7. Thuế TNCN	60.587	30.293
8. Tiền sử dụng đất	303.016	151.208
9. Thuế BVMT	578	289
10. Thuế SD ĐPNN	19	8
11. Thu Khác	18.293	9.146

(Nguồn: Báo cáo giao ban tổng kết từ năm 2018 đến Tháng 6/2019 của Chi cục thuế Thanh Trì)

Cùng với sự đóng góp chung vào nền kinh tế của huyện Thanh Trì không thể không kể đến sự đóng góp của các DN trên địa bàn. Đó là do có sự thuận lợi về điều kiện kinh tế - xã hội và chính sách có nhiều thay đổi: gỡ bỏ nhiều thủ tục rườm rà, xoá bỏ cơ chế cũ, lạc hậu, thay vào đó là những thủ tục hành chính đơn giản hoá, tạo động lực phát triển các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp ở Huyện Thanh Trì nói riêng phát triển cả về số lượng và chất lượng với ngành nghề kinh doanh phong phú và đa dạng. Theo tra cứu Hệ thống quản lý đăng ký mã số thuế cấp Chi cục năm 2008 và năm 2018, số lượng các DN thời điểm năm 2002 là 1.072 công ty và 2018 đã tăng lên hơn 9.000 công ty.

Trong những năm gần đây trên địa bàn Huyện đã có nhiều DN rơi vào tình trạng sản xuất kinh doanh đình trệ do thị trường bị thu hẹp, tiêu thụ hàng hoá chậm, bên cạnh đó cũng không ít DN thiếu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh do chính sách thắt chặt tiền tệ, ổn định kinh tế vĩ mô của nhà nước dẫn đến một số DN phải ngừng nghỉ, thậm chí có những DN xin giải thể, và cũng không ít DN bỏ trốn khỏi địa bàn do sức ép nợ nần.

Bảng 3.2: Tình hình các công ty trên địa bàn Huyện Thanh Trì giai đoạn 2017 – 2018

Đơn vị: công ty

Chỉ tiêu	ĐTNT đã cấp mã		ĐTNT đang hoạt động		ĐTNT đã ngừng hoạt động	
	Số tuyệt đối	Số tương đối	Số tuyệt đối	Số tương đối	Số tuyệt đối	Số tương đối
Năm 2017	8.027	100%	6.325	78,8%	1.702	21,2%
Năm 2018	9.184	100%	6.998	76,2%	2.186	23,8%

Nguồn: chi cục thuế huyện Thanh Trì (2018)

Bảng 3.2 cho thấy, năm 2017, số lượng DN do Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì quản lý là 8.027, năm 2018 là 9.184, đây là những con số tương đối lớn, cho thấy số lượng công ty tương đối phát triển trên địa bàn Huyện Thanh Trì, số lượng công ty lớn nhưng nhìn chung các công ty quy mô còn nhỏ bé, tổng doanh thu 1 năm 97% không đạt 20 tỷ. Lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ, trình độ kỹ thuật công nghệ còn lạc hậu, khả năng cạnh tranh thấp; năng lực quản lý còn nhiều hạn chế, thu nhập của đại bộ phận người lao động còn thấp, nhận thức và việc chấp hành pháp luật thuế chưa cao...

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy số lượng các doanh nghiệp thực tế đang hoạt động nhỏ hơn so với số lượng các doanh nghiệp mà chi cục quản lý. Hàng năm, số lượng các công ty ngừng hoạt động không hề nhỏ; năm 2017 tăng lên 1.702 công ty tương ứng với 20,2% và đến năm vừa qua con số này lên tới 2.186 công ty, chiếm tới 23,8% trên tổng số lượng công ty trên địa bàn. Qua đó ta thấy sự hình thành và phát triển của DN trên địa bàn mới chỉ

đạt được về số lượng, còn khi đi vào hoạt động thì lại bộc lộ những khó khăn nhất định. Nguyên nhân của tình trạng này có thể giải thích là những năm qua, tình hình kinh tế có nhiều khó khăn, để có thể tồn tại và phát triển được trong nền kinh tế buộc các công ty phải tự mình thích ứng với những thay đổi của thị trường, song đây không phải là một điều dễ dàng, vì thế mà rất nhiều công ty đã lâm vào tình trạng phá sản, giải thể, ... phải ngừng hoạt động, gây ảnh hưởng lớn đến số thu NSNN, đặc biệt còn kéo theo một con số nợ khó thu cao.

Mặt khác, chính vì số lượng DN lớn trong khi lực lượng cán bộ ở 2 đội kiểm tra thuế lại vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý, trung bình 1 cán bộ theo dõi hơn 300 DN nên việc quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy công tác kiểm soát quản lý thuế đặc biệt là thuế TNDN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn huyện là vô cùng cần thiết.

3.1.2. Sơ lược về quá trình hình thành phát triển và bộ máy quản lý của Chi cục thuế Huyện Thanh Trì

3.1.2.1 Sơ lược về quá trình hình thành phát triển

- Quá trình hình thành: Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì là tổ chức trực thuộc Cục Thuế Hà Nội, có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác của ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là thuế) thuộc phạm vi nhiệm vụ của ngành thuế trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- **Nhiệm vụ và quyền hạn của Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì**

Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo qui định của Luật Quản lý thuế, các luật thuế, các qui định pháp

luật khác có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

Tổ chức triển khai thực hiện thống nhất các văn bản qui phạm pháp luật về thuế; quy trình, biện pháp nghiệp vụ quản lý thuế trên địa bàn;

Tổ chức thực hiện dự toán thu thuế hàng năm được giao; tổng hợp, phân tích, đánh giá công tác quản lý thuế; tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương về công tác lập và chấp hành dự toán thu ngân sách Nhà nước, về công tác quản lý thuế trên địa bàn; phối hợp chặt chẽ với các ngành, cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện nhiệm vụ được giao;

Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích chính sách thuế của Nhà nước;

Kiến nghị với Cục trưởng Cục Thuế những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, các quy trình chuyên môn nghiệp vụ và những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thuế.

Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì.

Từ khi thành lập đến nay, Chi cục thuế Thanh trì đã thực hiện tốt công tác thu ngân sách của mình, luôn đạt và vượt chỉ tiêu pháp lệnh được giao về số thu cho NSNN qua các năm, công tác kiểm tra thuế đã góp phần không nhỏ cho việc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu pháp lệnh hàng năm và là nhiệm vụ lớn trong công tác quản lý thuế tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì.

Trải qua quá trình phát triển ngày 29 tháng 3 năm 2013, Tổng cục Thuế ban hành Quyết định số 503/QĐ-TCT quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì. Hiện nay, Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì có 9 Đội với các nhiệm vụ và chức năng cụ thể, tổng số có 79 cán bộ. Trong đó, 25% cán bộ có trình độ thạc sỹ, 62% cán bộ có trình độ đại học; 12% cán bộ có trình độ trung cấp. Trong những năm qua, Chi cục

Thuế Huyện Thanh Trì luôn coi trọng việc củng cố và kiện toàn bộ máy thu thuế theo hướng ngày càng phù hợp với nhiệm vụ quản lý thuế của Chi cục trong từng thời kỳ nhất định. Để cải tiến thủ tục quản lý thuế, nâng cao chất lượng làm việc của đội ngũ cán bộ thuế, bộ máy của Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì đã thay đổi cho phù hợp với quy trình mới này. Trong những năm qua cùng với sự hoàn thiện trong sắc thuế TNDN và luật quản lý thuế, công tác quản lý thu thuế TNDN tại chi cục thuế huyện Thanh Trì ngày càng được thay đổi theo hướng tích cực. Nhưng số thu từ sắc thuế này lại chưa cao. Điều này được thể hiện rất rõ qua bảng số liệu sau:

**Bảng 3.3: Tình hình thu nộp thuế của Chi cục thuế Huyện Thanh Trì
giai đoạn 2016 - 2018**

Đơn vị : triệu đồng

	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thuế MB	18.734	18.926	19.274
Thuế GTGT	514.797	700.638	672.790
Thuế TNDN	228.538	192.950	262.301
Thuế TTĐB	2.680	2.920	3.439
Phạt	18.966	19.889	28.645
Tỷ lệ thuế TNDN (%)	29,2	20,6	26,6

(Nguồn số liệu: Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì - 2018)

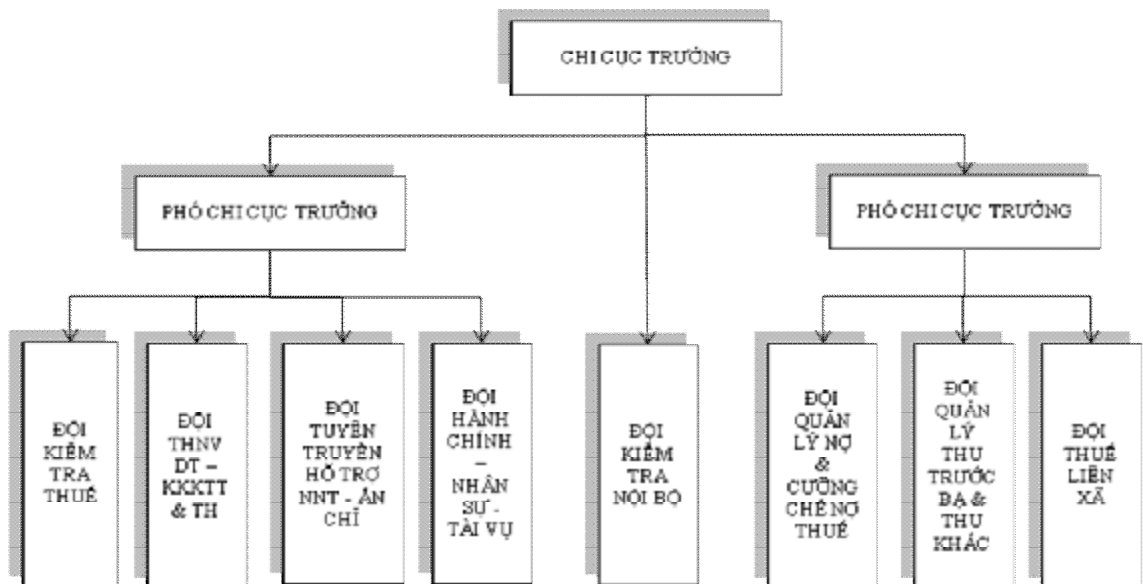
Qua bảng 3.3 cho thấy, tỷ lệ thuế TNDN trong tổng số thu từ các công ty năm 2016 là 228.538 triệu đồng, tương ứng chiếm 29,2%, năm 2017 giảm đi còn 192.950 triệu đồng, song tỷ lệ tương đối giảm còn 20,6% và năm 2018 tăng lên 262,301 triệu đồng, nhưng tỷ lệ tương đối lại giảm, chỉ bằng 26,6% tổng thu. Sau thuế GTGT thì thuế TNDN góp phần không nhỏ vào tổng thu NSNN, nhưng số thuế TNDN trong bảng số liệu trên chỉ phản ánh số tiền thuế DN đã nộp vào NSNN, nhỏ hơn so với số thuế DN tự kê khai, vẫn có

trường hợp DN nợ thuế, không nộp đủ số thuế tự kê khai vào NSNN. Phần vì hiện nay nước ta tình hình kinh tế khó khăn, sản xuất kinh doanh bị đình trệ, thị trường bị thu hẹp nên có nhiều doanh nghiệp kinh doanh bị thua lỗ, nợ vay ngân hàng không thanh toán được, nên chưa thực hiện được nghĩa vụ nộp thuế đúng thời gian quy định. Bên cạnh đó, vẫn có nhiều doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có lãi, có khả năng nộp ngân sách, nhưng vẫn cố tình không chấp hành nghĩa vụ nộp thuế.

3.1.2.2 Tổ chức bộ máy của Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì

Bộ máy quản lý thuế đã được sắp xếp gọn nhẹ theo hướng cải cách và hiện đại hoá hệ thống thuế giai đoạn 2016-2020. Bộ máy chi cục Thuế Huyện Thanh Trì hiện nay có một Chi cục trưởng, hai phó Chi cục trưởng và các đội thuế trực thuộc.

Cơ cấu tổ chức của Đội thuế thuộc Chi cục Thuế được thực hiện theo quyết định số 504/QĐ – TCT ngày 29/03/2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế:



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy tại Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì

Chi cục trưởng:

Chi cục trưởng là người lãnh đạo cao nhất của chi cục, căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế của Huyện để lên kế hoạch, tổ chức quản lý mọi mặt về hoạt động của chi cục. Chi cục trưởng chi cục thuế Huyện Thanh Trì chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hà Nội về toàn bộ hoạt động của chi cục mình quản lý. Chi cục trưởng phụ trách đội kiểm tra nội bộ

Phó Chi cục trưởng:

Chi cục hiện tại có hai chi cục phó và chịu trách nhiệm trước chi cục trưởng về lĩnh vực công tác được phân công trong đó:

Một chi cục phó phụ trách đội kiểm tra thuế số 1, đội thuế liên phường (xã) số 1, đội hành chính nhân sự - tài vụ, đội quản lý thu trước bạ và phải thu khác

Một chi cục phó phụ trách đội kiểm tra thuế số 2, đội thuế liên phường (xã) số 2, đội tổng hợp nghiệp vụ dự toán - kê khai kế toán thuế và tin học, đội tuyên truyền hỗ trợ NNT và ấn chỉ, đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

Đội tuyên truyền – hỗ trợ người nộp thuế – ấn chỉ:

Đội Tuyên truyền, Hỗ trợ và Ấn chỉ cấp chi cục: Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách, pháp luật thuế, hỗ trợ NNT trong phạm vi quản lý.

Bộ phận Tuyên truyền và hỗ trợ NNT là đơn vị tiếp nhận hồ sơ thuế và tiến hành các thủ tục hướng dẫn, trả lời, giải đáp các vướng mắc của NNT trong quá trình thực hiện các quy định hiện hành về chính sách thuế, phí và lệ phí

Đội tổng hợp nghiệp vụ dự toán, Kê khai, kế toán thuế và tin học

Giúp chi cục trưởng chi cục thuế hướng dẫn về nghiệp vụ quản lý, chính sách, pháp luật thuế cho cán bộ, công chức thuế trong chi cục thuế; Xây dựng và tổ chức thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước được giao của chi cục;

Đội kiểm tra thuế

- Đội kiểm tra thuế ở cấp Chi cục: đơn đốc kê khai thuế, kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ khai thuế, hoàn thuế, miễn giảm thuế và thực hiện dự toán thu đối với các DN dân doanh được phân cấp quản lý.

Bộ phận kiểm tra thuế chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát kê khai thuế, thực hiện việc giám sát thu nộp thuế đối với NNT trong phạm vi quản lý trực tiếp của Chi cục thuế đảm bảo hoàn thành dự toán thu NSNN được giao.

Đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

- Đội Quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế ở cấp chi cục: tổ chức thực hiện công tác quản lý nợ thuế, đơn đốc thu tiền nợ thuế và cưỡng chế thu tiền thuế nợ, tiền phạt đối với NNT trong phạm vi quản lý.

Giúp lãnh đạo chi cục xây dựng các biện pháp, cơ chế phối hợp, cũng như hành lang pháp lý về việc thực thi quyền hành pháp về thuế mà cụ thể là quyền đơn đốc thu nợ và cưỡng chế về thuế.

Thực hiện các chế độ về đánh giá, phân tích, báo cáo theo phân cấp trách nhiệm đối với lãnh đạo chi cục và cơ quan cấp trên theo qui định.

Đội hành chính, nhân sự - tài vụ:

Giúp chi cục trưởng chi cục thuế thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; công tác quản lý nhân sự, quản lý tài chính.

Đội quản lý thu lệ phí trước bạ và thu khác

Giúp chi cục trưởng chi cục thuế quản lý quản lý thu lệ phí trước bạ, thuế chuyển quyền sử dụng đất, các khoản đấu giá về đất, tài sản, tiền thuế đất, thuế tài sản, phí, lệ phí và các khoản phát sinh trên địa bàn thuộc chi cục quản lý.

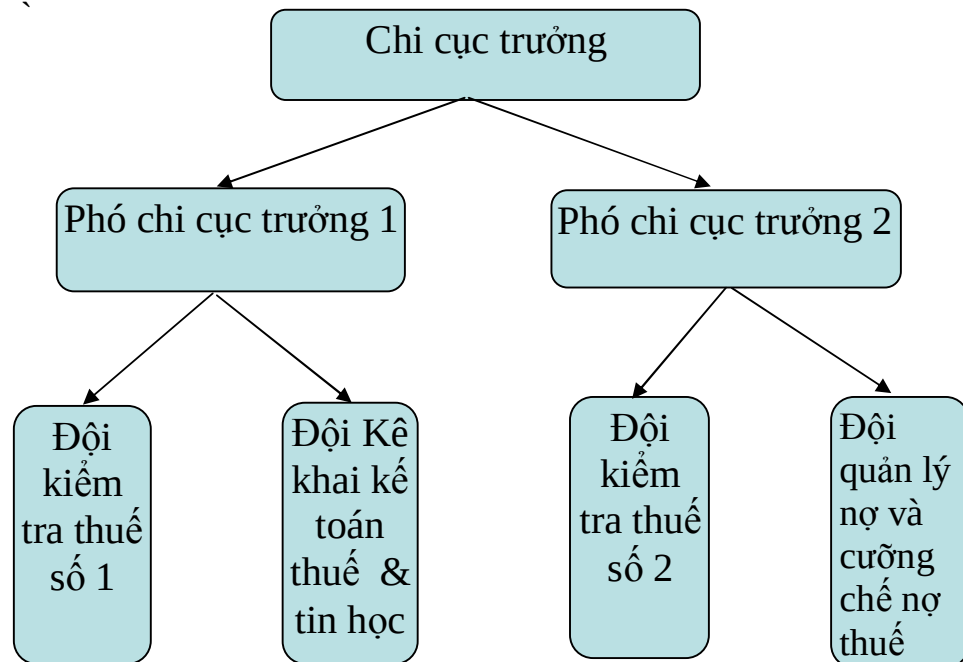
Đội thuế liên phường(xã)

Nắm tình hình SXKD trên địa bàn phường, xã được phân công quản lý, lập danh sách và sơ đồ quản lý đối với NNT, tổ chức cho NNT trên địa bàn

thực hiện pháp luật về thuế thực hiện điều tra doanh thu, ấn định thuế với trường hợp khoán ổn định đối với NNT thuộc phạm vi quản lý của đội thuế theo qui định tại Luật quản lý thuế.

3.2. Kiểm soát quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì

3.2.1. Bộ máy kiểm soát thuế TNDN tại Chi Cục thuế Huyện Thanh Trì



Sơ đồ 3.2: Bộ máy kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Thanh Trì

Trách nhiệm kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Chi cục trưởng: là người đứng đầu chi cục thuế, chịu trách nhiệm về việc kiểm soát quản lý thuế TNDN

Chi cục phó: một lãnh đạo phó phụ trách đội Kiểm tra thuế số 1 và đội Kế khai kế toán thuế & tin học và 1 lãnh đạo phó phụ trách đội kiểm tra thuế số 2 và đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế. Trong đó 4 đội thuế dưới quyền điều hành trực tiếp của 2 lãnh đạo chi cục phó làm các công việc liên quan

đến kiểm soát thuế TNDN tại chi cục thuế Thanh Trì:

+ **Đội Kế khai kế toán thuế & tin học:** tổ chức thực hiện công tác đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế trong phạm vi được phân cấp quản lý.

Theo dõi, xử lý thông tin về số thuế TNDN phát sinh theo kê khai, trên cơ sở dữ liệu đó tiến hành phân tích cơ sở dữ liệu đó và đánh giá chung tình hình thực hiện của từng tổ chức, cá nhân nộp thuế.

+ **Đội Kiểm tra thuế:** Trên cơ sở thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế TNDN của NNT đã được thu nhập, bộ phận kiểm tra tiến hành phân tích, đánh giá, kiểm tra tính trung thực, chính xác của hồ sơ khai thuế phát hiện những nghi vấn, bất thường trong kê khai thuế, yêu cầu NNT giải trình hoặc điều chỉnh kịp thời, đồng thời tổ chức kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật tại trụ về thuế tại trụ sở của NNT.

+ **Đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế:** là bộ phận nhận hồ sơ pháp lý của tổ chức, cá nhân nộp thuế từ các đội quản lý thu (cụ thể đội kiểm tra thuế) và tổ chức thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nợ, cưỡng chế về thuế. Phân tích dữ liệu – thông tin về tình trạng nợ thuế trên hồ sơ thuế, trên cơ sở đó đưa ra các biện pháp xử lý, phối hợp thực hiện nhằm mục tiêu đôn đốc thu nợ, cưỡng chế về thuế đối với các ĐTNT không tuân thủ pháp luật thuế một cách có hiệu quả.

3.2.2. Quy trình kiểm soát thuế TNDN tại Chi Cục thuế Huyện Thanh Trì

3.2.2.1 Kiểm soát ở khâu đăng ký, kê khai và xử lý tính thuế:

Trên cơ sở quy trình do Tổng cục Thuế ban hành, việc áp dụng quy trình Kiểm soát ở khâu đăng ký, kê khai và xử lý tính thuế tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì tuân thủ theo quy trình ban hành của Tổng cục Thuế.

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ từ đường truyền cơ sở dữ liệu quốc gia về cấp mã số thuế doanh nghiệp

Bước 2: Bộ phận Kế khai KTT&TH nhận tờ khai, cập nhật số liệu quyết toán TNDN

Bước 3: Kiểm tra trên tờ khai quyết toán và đối chiếu, phân tích tại dữ liệu của cơ quan thuế

Bước 4:

+ Nếu tờ khai thuế TNDN không có dấu hiệu khai sai, vi phạm thì chấp nhận tờ khai

+ Nếu tờ khai thuế TNDN có dấu hiệu khai sai, vi phạm thì không chấp nhận tờ khai thì chuyển cho bộ phận kiểm tra thuế các trường hợp về vi phạm tờ khai để xử lý, ra thông báo yêu cầu đơn vị giải trình, điều chỉnh. Nếu đơn vị không giải trình thì lập kế hoạch thanh, kiểm tra tại doanh nghiệp trình lãnh đạo phê duyệt.

Ví dụ 1: Theo số liệu quan thuế theo dõi, trong tháng 8/2019 số doanh nghiệp mới thành lập được chi cục thuế Thanh Trì tiếp nhận hồ sơ từ dữ liệu đường truyền quốc gia là 350 doanh nghiệp

- Đội kê khai kế toán thuế là đầu mối tiếp nhận dữ liệu thông tin và đối chiếu với danh sách làm thủ tục kê khai thuế. Kết quả chỉ có 320 doanh nghiệp nộp tờ khai. Đội kê khai thư đôn đốc yêu cầu doanh nghiệp nộp đầy đủ tờ khai và báo cáo thuế

Song song với việc kiểm soát các doanh nghiệp mới thành lập thì đội kê khai còn phải làm nhiệm vụ kiểm soát tờ khai quyết toán và đối chiếu, phân tích tại dữ liệu của cơ quan thuế những tờ khai có dấu hiệu vi phạm hay không và kịp thời chuyển cho bộ phận kiểm tra các trường hợp về vi phạm tờ khai để xử lý, ra thông báo yêu cầu đơn vị giải trình, điều chỉnh. Nếu đơn vị không giải trình thì lập kế hoạch thanh, kiểm tra tại doanh nghiệp trình lãnh đạo phê duyệt.

3.2.2.2 Kiểm soát ở khâu tạm nộp thuế TNDN:

Chi cục thuế Thanh Trì kiểm soát ở khâu tạm nộp thuế TNDN, Cán bộ kiểm soát phải đối chiếu với tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước để xác định tỉ lệ thu nhập của năm trước liền kề nếu có sự chênh lệch giảm phải yêu cầu doanh nghiệp giải trình, xác định nguyên nhân gây biến động. Căn cứ vào tờ khai thuế GTGT phát sinh, để yêu cầu doanh nghiệp tạm nộp số thuế TNDN. cần xác định lý do chênh lệch doanh thu tính thuế trên tờ khai thuế TNDN so với doanh thu trên tờ khai GTGT.

Do vậy cán bộ kiểm soát cần rút số liệu quyết toán năm trước để xác định các khoản mục doanh thu, chi phí, lợi nhuận phát sinh trong kỳ tăng (+) hoặc giảm (-) biến động bất thường so với cùng kỳ, hoặc so với bình quân quý của năm trước; Xác định các chỉ tiêu điều chỉnh tăng lợi nhuận, điều chỉnh giảm lợi nhuận trong kỳ tính thuế; Chỉ tiêu thu nhập miễn thuế, chuyển lỗ trong kỳ tính thuế; Xác định tỷ lệ lãi quyết toán năm trước; Đối chiếu tỷ lệ lãi giữa năm quyết toán và tờ khai quý của DN nếu phát sinh số liệu chênh lệch phát hành thông báo yêu cầu các doanh nghiệp giải trình điều chỉnh tờ khai quý để thực hiện nộp thuế kịp thời theo quy định.

Phân công quyền kiểm soát tạm nộp thuế TNDN theo ngưỡng doanh thu của các công ty:

- + Doanh thu từ ngưỡng 50 tỷ trở lên: Phân công cho Chi cục trưởng theo dõi, đôn đốc và chịu trách nhiệm

- + Doanh thu từ 25 tỷ đến dưới 50 tỷ: Phân công cho 2 lãnh đạo Phó chi cục trưởng phụ trách và chịu trách nhiệm

- + Doanh thu từ 1 tỷ đến dưới 25 tỷ: Phân công cho các đội trưởng liên quan đến kiểm soát thuế TNDN đôn đốc, theo dõi, chịu trách nhiệm và báo cáo

3.2.2.3 Kiểm soát hồ sơ khai thuế

a. Kiểm tra hồ sơ tại Chi cục thuế Thanh Trì:



Sơ đồ 3.3: Quy trình kiểm tra hồ sơ khai thuế tại CCT Thanh Trì

Các hồ sơ khai thuế được gửi đến cơ quan thuế (trừ hồ sơ khai thuế GTGT được kê khai qua mạng) được kiểm tra bằng phương pháp thủ công.

- Lựa chọn danh sách người nộp thuế để kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế tối thiểu là 20% số lượng doanh nghiệp hoạt động đang quản lý thuế như sau:

+ Từ 15% số lượng người nộp thuế trở lên lựa chọn bằng ứng dụng lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế theo rủi ro (TPR);

+ Từ 5 % số lượng người nộp thuế trở lên lựa chọn qua thực tiễn quản lý thuế tại địa phương có rủi ro cao, có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế, khai sai số thuế phải nộp.

- Kiểm tra các căn cứ tính thuế liên quan đến việc xác định số thuế phải nộp; số tiền thuế được miễn, giảm; số tiền hoàn thuế theo bộ chỉ tiêu được ban hành áp dụng thống nhất trên toàn quốc.

+ Chậm nhất là 25 ngày sau ngày kết thúc hạn nộp hồ sơ khai thuế, công chức kiểm tra sử dụng phần mềm ứng dụng kiểm tra hồ sơ khai thuế để kiểm tra gán điểm cho từng tiêu chí; theo đó ứng dụng sắp xếp người nộp thuế (hồ sơ khai thuế) theo từng tiêu chí rủi ro và đưa ra nhận xét, cảnh báo đối với từng tiêu chí;

+ Công chức kiểm tra in danh sách người nộp thuế sắp xếp theo mức độ rủi ro từ cao xuống thấp và in nhận xét, cảnh báo rủi ro đối với từng người nộp thuế trên hệ thống.

b. Kiểm tra hồ sơ tại trụ sở người nộp thuế:

	Trình tự thực hiện	Biểu mẫu	Trách nhiệm	Thời gian
1	KH và chuyên để KTra			
	Lập KH KTra	03/QTKT	Đội kiểm tra số 1, số 2	05/12 hàng năm
	Phê duyệt	03/QTKT	Chi cục phó kiểm soát rồi báo cáo lại chi cục trưởng	Chậm nhất 30/12 hàng năm
	Chuẩn bị KTra trụ sở NNT	03/KTTT ; 04/QTKT; 05/QTKT	Đoàn kiểm tra	03 ngày làm việc kể từ ngày ký QĐ
2	b) Hoàn KTra ↔ a) Bãi bỏ QĐ KTra	19/KTTT; 06/QTKT	Chi cục phó kiểm soát rồi báo cáo lại chi cục trưởng	Trong 05 ngày làm việc từ khi nhận QĐ KTra
3	Thực hiện Kiểm tra	05/KTTT; 07/QTKT; 18/KTTT	Đoàn kiểm tra	Trong vòng 05 ngày
4	Lập Biên bản KTra	04/KTTT	Đoàn kiểm tra	Không quá 05 ngày từ khi kết thúc kiểm tra
5	Xử lý Kết quả KTra	08/QTKT; 20/KTTT	Đoàn kiểm tra	Chậm nhất 05 ngày từ khi ký BBKT
6	Giám sát kết quả KTra	10/QTKT; 11/QTKT	Đoàn kiểm tra	90 ngày

Sơ đồ 3.4: Quy trình kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế

tại CCT Thanh Trì

Việc lập kế hoạch kiểm tra tại trụ sở NNT phải theo nguyên tắc phân tích đánh giá rủi ro trên cơ sở ứng dụng phần mềm quản lý rủi ro được Tổng cục Thuế ban hành thực hiện thống nhất; đồng thời căn cứ thực tiễn quản lý thuế tại địa phương lựa chọn NNT có rủi ro để đưa vào kế hoạch kiểm tra thuế.

NNT đưa vào kế hoạch kiểm tra, chuyên đề kiểm tra được lựa chọn như sau:

+ Lựa chọn trên phần mềm ứng dụng TPR: Đạt từ 80% - 85% số lượng NNT thuộc danh sách NNT sắp xếp theo mức độ rủi ro trên ứng dụng TPR (sau khi đã lựa chọn đưa vào kế hoạch thanh tra thuế); việc lựa chọn NNT đưa vào kế hoạch kiểm tra, chuyên đề kiểm tra phải thực hiện rà soát, chọn lọc và loại trừ những NNT có rủi ro thấp, đồng thời bổ sung NNT có rủi ro cao phù hợp với tiêu chí rủi ro về thuế tại địa phương.

+ Lựa chọn NNT từ thực tiễn quản lý thuế tại địa phương: Đạt 15% – 20% số lượng NNT có rủi ro cao, có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế, khai sai số thuế phải nộp qua thực tiễn quản lý thuế tại địa phương

Chuẩn bị kiểm tra tại trụ sở NNT

Ban hành quyết định kiểm tra: Trường hợp qua kiểm tra hồ sơ khai thuế mà không đủ cơ sở để ấn định thuế thì ban hành quyết định kiểm tra tại trụ sở NNT hoặc Trường hợp qua phân tích, đánh giá việc chấp hành pháp luật thuế của NNT xác định có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Cơ quan thuế thực hiện ban hành quyết định kiểm tra tại trụ sở NNT

Quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở của NNT phải được gửi ngay cho bộ phận kê khai và kế toán thuế và gửi cho NNT chậm nhất là ba ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định.

Thực hiện kiểm tra tại trụ sở NNT

Việc kiểm tra thuế tại trụ sở của NNT phải được tiến hành chậm nhất là

10 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định kiểm tra thuế. Sau khi công bố quyết định kiểm tra, Đoàn kiểm tra thuế và NNT phải có biên bản xác định thời gian và nội dung công bố quyết định kiểm tra.

Thời hạn kiểm tra tại trụ sở của NNT không quá 5 ngày làm việc thực tế, kể từ ngày bắt đầu công bố quyết định kiểm tra tại trụ sở NNT. Trong trường hợp xét thấy cần phải kéo dài thời gian để xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ thì chậm nhất là trước một ngày kết thúc thời hạn kiểm tra,

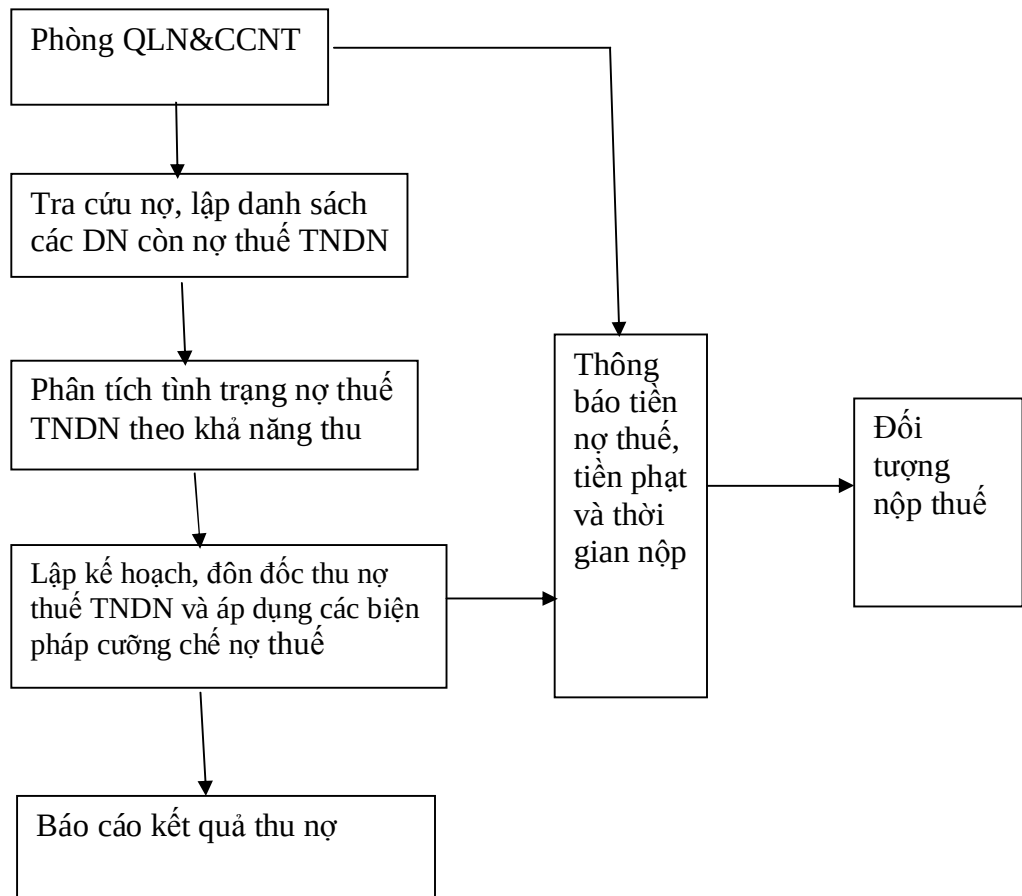
Lập biên bản kiểm tra

Biên bản kiểm tra được lập căn cứ vào số liệu và tình hình được phản ánh trong biên bản kiểm tra từng phần việc mà Trưởng đoàn kiểm tra đã giao cho từng thành viên trong đoàn thực hiện và phải được thống nhất trong Đoàn kiểm tra trước khi công bố công khai với NNT lập theo Mẫu số 04/KTTT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính

Xử lý kết quả kiểm tra tại trụ sở của NNT

Chậm nhất là 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký Biên bản kiểm tra thuế, Trưởng đoàn kiểm tra phải Báo cáo trưởng bộ phận kiểm tra để trình Thủ trưởng cơ quan thuế về kết quả kiểm tra thuế và Dự thảo các quyết định xử lý về thuế hoặc kết luận kiểm tra thuế.

3.2.2.4. Kiểm soát thu nợ thuế thu nhập doanh nghiệp:



Sơ đồ 3.5. Quy trình kiểm soát nợ thuế TNDN tại CCT Thanh Trì

Bước 1: Hàng tháng, ngay sau ngày ban hành thông báo tiền thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp (TB07), công chức Phòng QLN&CCNT Tra cứu nợ, lập danh sách các DN còn nợ: Rà soát cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế và các văn bản, tài liệu do các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, cập nhật vào danh sách, thu thập và xác minh thông tin của đối tượng chuẩn bị cưỡng chế, gửi ngay TB07 cho đối tượng còn nợ thuế để họ biết số nợ của mình còn đi nộp.

Bước 2: Phân tích tình trạng nợ thuế: Đơn đốc, gửi mail, gọi điện nhắc nhở NNT có khoản nợ chưa đến hạn hoặc đã đến hạn cần phải thực hiện

cưỡng chế, xem họ có nộp được tiền không? Nếu có khả năng nộp được thì gia hạn cho họ nộp còn không thì thông báo biên pháp cưỡng chế đối với đơn vị khi còn nợ tiền thuế.

Bước 3: Lập kế hoạch, đơn đốc thu nợ thuế và áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế

Nếu chuẩn bị cưỡng chế tài khoản: Các tài khoản mở tại tổ chức tín dụng: nơi mở, số tài khoản; Số dư trong tài khoản; Sao kê các giao dịch qua tài khoản trong vòng 03 tháng gần nhất trở về trước, kể từ thời điểm nhận được văn bản đề nghị xác minh thông tin; Thông tin khác có liên quan đến tài khoản và giao dịch qua tài khoản.

Nếu chuẩn bị cưỡng chế hóa đơn: Căn cứ lập danh sách là đối tượng bị cưỡng chế có sử dụng hóa đơn tự in do các tổ chức/ cá nhân kinh doanh tự in; hóa đơn đặt in do các tổ chức/ cá nhân kinh doanh hoặc cơ quan thuế đặt in; hóa đơn điện tử do các tổ chức/ cá nhân kinh doanh khởi tạo, lập theo quy định của pháp luật

Bước 4: Tổng hợp báo cáo kết quả thu nợ.

3.2.3. Thực trạng nội dung kiểm soát quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi Cục thuế Huyện Thanh Trì.

3.2.3.1 Kiểm soát ở khâu đăng ký, cấp mã, xử lý tính thuế:

Công việc Quản lý đăng ký thuế, kê khai và xử lý tính thuế do Đội Kê khai kế toán thuế và Tin học đảm nhiệm, Đội này có chức năng quản lý và vận hành hệ thống trang thiết bị tin học; triển khai, cài đặt, hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý thuế. Bên cạnh đó, Đội còn lập báo cáo về các số liệu như: số phải nộp, đã nộp, số chưa nộp các loại tờ khai thuế.

- **Công tác đăng ký thuế:**

Kiểm tra về số lượng, nội dung hồ sơ:

Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ đường truyền cơ sở dữ liệu đăng kí quốc gia về cấp mã số doanh nghiệp, bộ phận đăng ký thuế thực hiện kiểm tra thông tin hồ sơ đăng ký thuế: nếu hồ sơ đúng thì xác nhận vào tờ khai cấp MST, nếu hồ sơ sai thông báo trả bộ phận một cửa để NNT lập bộ hồ sơ thay thế, chỉnh sửa hoặc bổ sung những giấy tờ còn thiếu vào hồ sơ.

Xử lý hồ sơ khai thuế:

+ Sau khi kiểm tra đầy đủ thông tin hồ sơ đăng ký thuế. Cán bộ tiến hành cập nhật tờ khai, quyết toán vào hệ thống đăng ký thuế.

+ Hệ thống ĐKT tự động kiểm tra, đối chiếu các thông tin trên hồ sơ ĐKT đã nhập.

Báo cáo kết quả:

Trả kết quả ĐKT cho NNT: Trả kết quả cho bộ phận một cửa để trả kết quả cho NNT

• **Công tác kê khai thuế và xử lý tính thuế TNDN:** Chi cục thuế huyện Thanh Trì thực hiện Luật quản lý thuế với cơ chế người nộp thuế tự khai, tự tính, tự nộp và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hiện nay, các tờ khai thuế đều tự động cập nhật vào hệ thống quản lý thuế của cơ quan thuế. Nhiệm vụ Bộ phận Kê khai thuế phải tổng hợp để xác định được số hồ sơ phải nộp, đã nộp, không nộp, các lỗi số học và tính pháp lý của hồ sơ khai thuế, qua đó bộ phận kê khai và kế toán thuế có những điều chỉnh và kiến nghị xử lý kịp thời tạo điều kiện để NNT chấp hành tốt pháp luật thuế.

Kiểm tra nội dung hồ sơ khai thuế

- Xác định sai thông tin định danh của NNT, Bộ phận KKKTT&TH thực hiện đối chiếu thông tin định danh của NNT đã khai trên HSKT với các thông tin định danh của có trong hệ thống đăng ký thuế, nếu phát hiện có sai lệch về thông tin định danh của NNT thì thực hiện theo trình tự Quy trình

- Xác định hồ sơ khai thuế có lỗi số học: Hệ thống máy tính thực hiện

kiểm tra tự động số liệu của các chỉ tiêu kê khai trên HSKT của NNT để phát hiện các HSKT có lỗi số học. Bộ phận KKKTT&TH căn cứ HSKT có lỗi số học theo kết quả kiểm tra của hệ thống ứng dụng quản lý thuế và thực hiện các công việc sau:

- + Lập Thông báo yêu cầu NNT giải trình, điều chỉnh hồ sơ khai thuế chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm kết thúc việc nhập HSKT.

- + Theo dõi việc điều chỉnh, giải trình HSKT của NNT, đại lý thuế theo thông báo của cơ quan thuế.

- Trường hợp HSKT sai lỗi số học có ảnh hưởng đến số thuế phải nộp của NNT mà các lỗi có căn cứ xác định rõ ràng, quá thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày gửi Thông báo yêu cầu NNT giải trình, điều chỉnh hồ sơ khai thuế mà NNT hoặc đại lý thuế không thực hiện điều chỉnh các lỗi số học đó Bộ phận KKKTT&TH chuyển cho Bộ phận Kiểm tra thuế thực hiện các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Kiểm tra tính chấp hành, tuân thủ

Đối với việc NNT nộp chậm, không nộp tờ khai quyết toán:

Bộ phận KKKTT&TH lập Thư nhắc nộp hồ sơ khai thuế gửi NNT hoặc đại lý thuế trước thời hạn phải nộp HSKT theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành

Sau thời hạn nộp HSKT hoặc thời hạn gia hạn nộp HSKT của NNT, Bộ phận KKKTT&TH thực hiện theo dõi, đôn đốc NNT nộp HSKT

- + Rà soát, đối chiếu danh sách NNT đồng thời lập Thông báo yêu cầu nộp hồ sơ khai thuế, gửi NNT hoặc đại lý thuế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp HSKT hoặc kết thúc thời hạn gia hạn nộp HSKT.

+Trường hợp không liên lạc được với NNT qua điện thoại, trong thời hạn 02 ngày làm việc, lập Phiếu đề nghị giải quyết chuyển Bộ phận Kiểm tra thuế để thực hiện kiểm tra địa bàn, xác minh sự tồn tại của NNT tại địa chỉ đăng ký với cơ quan thuế để xác định rõ lý do; theo dõi, đôn đốc kết quả trả lời của Bộ phận Kiểm tra thuế để tiếp tục xử lý. Bộ phận Kiểm tra thuế thực hiện kiểm tra địa chỉ trụ sở của NNT điền kết quả kiểm tra vào Phiếu đề nghị giải quyết, chuyển cho Bộ phận KKKTT&TH trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu đề nghị giải quyết

Báo cáo:

Trường hợp HSKT nộp qua giao dịch điện tử quá thời hạn quy định, Bộ phận KKKTT&TH thực hiện tra cứu HSKT của NNT qua trang thông tin điện tử, xác định các trường hợp chậm nộp HSKT (đối với tờ khai chính thức lần 1) để làm căn cứ lập biên bản.

Căn cứ ngày chậm nộp HSKT của NNT, các bộ phận nêu trên thực hiện:

- Xác định mức độ vi phạm, nguyên nhân nộp chậm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với NNT có HSKT nộp quá thời hạn quy định.
- Lập Biên bản vi phạm hành chính về thuế
- Theo dõi, đôn đốc NNT ký biên bản: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày NNT nộp HSKT quá thời hạn quy định, nếu NNT không ký biên bản thì Bộ phận KKKTT&TH ra thông báo yêu cầu NNT ký biên bản; nếu NNT vẫn không ký biên bản thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày NNT nộp HSKT quá thời hạn quy định, Bộ phận KKKTT&TH phải ghi rõ vào bản biên bản lưu tại cơ quan thuế các lý do và trình tự đã thực hiện trong quá trình lập biên bản để làm căn cứ xử phạt theo quy định.

Ví dụ 2: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Thắng Lợi, MST: 01012345678 thành lập vào Quý 2 năm 2019, đơn vị đã nộp tờ khai lệ phí môn bài và số thuế môn bài là 2.000.000 đ (do vốn điều lệ công ty là <10 tỷ).

Tuy nhiên, đơn vị chưa làm thủ tục kê khai thuế GTGT quý 1/2019. Đội Kế khai – kế toán thuế và tin học đã thực hiện gọi điện thoại nhắc nhở và gửi thư đôn đốc nộp tờ khai lần 1 (phụ lục 3.1) về địa chỉ đơn vị Thắng Lợi đăng kí với cơ quan thuế, sau 6 ngày đơn vị vẫn chưa nộp tờ khai. Đội kê khai phải tiếp tục gửi thư đôn đốc tờ khai lần 2, và theo quy trình là hết 2 lần (Phụ lục 3.2) gửi thư đôn đốc sẽ chuyển phiếu phối hợp lên Đội Kiểm tra thuế để đi xác minh địa điểm xem thực tế đơn vị Thắng Lợi có hoạt động tại địa chỉ đã đăng kí không mà không thấy phản hồi thư của cơ quan quản lý. Sau khi xuống địa bàn công ty, cán bộ kiểm tra thấy đơn vị có treo biển và vẫn hoạt động bình thường, có nhắc nhở đơn vị nộp tờ khai dù chưa phát sinh cũng phải nộp tờ khai vào hệ thống quản lý thuế. Đơn vị đồng ý thực hiện nộp tờ khai Q1/2019. Tình huống phát sinh theo 2 chiều hướng như sau:

- Đơn vị nộp tờ khai luôn thì xác nhận cho đơn vị tiếp tục được hoạt động tại địa chỉ đã đăng kí
- Đơn vị tiếp tục không nộp tờ khai, cơ quan thuế chuyển hồ sơ sang công an xử lý.

Kèm theo thư nhắc nộp hồ sơ khai thuế của đội Kế khai Kế toán thuế (Phụ lục số 3.1, 3.2)

3.2.3.2 Kiểm soát ở khâu tạm nộp thuế TNDN:

Kiểm tra tính đầy đủ, đúng quy định của Mẫu biểu: Doanh nghiệp phải kê khai đúng mẫu tờ khai thuế do Bộ Tài chính quy định, không được thay đổi khuôn dạng, thêm, bớt hoặc thay đổi vị trí của bất kỳ chỉ tiêu nào trong tờ khai thuế. Tờ khai lập đầy đủ thông tin đầy đủ các mẫu biểu, phụ lục kèm theo, cụ thể như sau: Đối với Tờ khai thuế TNDN quyết toán năm:

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN theo mẫu số 03/TNDN;
- Báo cáo tài chính (đúng mẫu và đủ các nội dung bắt buộc theo chế độ kế toán tương ứng với doanh nghiệp);

+ Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03-1A/TNDN, mẫu số 03-1B/TNDN, mẫu số 03-1C/TNDN.

+ Phụ lục chuyển lỗ theo mẫu số 03-2/TNDN.

+ Các Phụ lục về ưu đãi về thuế TNDN:

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 151/2014/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung thay đổi các nghị định về thuế TNDN: DN phải thực hiện tạm nộp số thuế TNDN của quý chậm nhất vào ngày thứ 30 của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế, và không phải nộp tờ khai thuế TNDN tạm tính hàng quý. Do đó khâu kiểm soát tạm nộp này chưa có gì ràng buộc được doanh nghiệp là bắt buộc phải nộp theo tờ khai như thời kì trước.

+ Trong một số trường hợp các doanh nghiệp kê khai không chính xác số thuế tạm nộp quý bằng cách xác định không chính xác chi phí dẫn tới không phát sinh số thuế TNDN phải nộp hoặc phát sinh thấp. Cán bộ kiểm tra phải đối chiếu với tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước để xác định tỉ lệ thu nhập của năm trước liên kết nếu có sự chênh lệch giảm phải yêu cầu doanh nghiệp giải trình, xác định nguyên nhân gây biến động .

+ Doanh nghiệp có thể không nộp số thuế TNDN phải tạm nộp hàng quý như trước đây: Do vậy cán bộ kiểm soát cần rút số liệu quyết toán năm trước để xác định các khoản mục doanh thu, chi phí, lợi nhuận phát sinh trong kỳ tăng (+) hoặc giảm (-) biến động bất thường so với cùng kỳ, hoặc so với bình quân quý của năm trước; Xác định các chỉ tiêu điều chỉnh tăng lợi nhuận, điều chỉnh giảm lợi nhuận trong kỳ tính thuế; Chỉ tiêu thu nhập miễn thuế, chuyển lỗ trong kỳ tính thuế; Xác định tỷ lệ lãi quyết toán năm trước; Đối chiếu tỷ lệ lãi giữa năm quyết toán và căn cứ vào doanh thu trên tờ khai GTGT của DN để yêu cầu các doanh nghiệp giải trình nộp tạm tính số thuế TNDN.

Ví dụ 3: Sau khi lọc dữ liệu trên hệ thống kiểm soát của cơ quan thuế,

Công ty TNHH Xây dựng và cơ điện Minh Tâm không tạm nộp thuế TNDN từ quý 1/2019. Cán bộ thuế tiến hành đối chiếu doanh thu quý 1,2 năm 2019 của tờ khai thuế GTGT và theo báo cáo công ty nộp thì doanh thu trong năm 2018 là: 21.796.226.814đ và thuế TNDN phải nộp trong năm là 33.922.881đ. Tuy nhiên, từ đầu năm 2019 đến giờ đơn vị vẫn chưa nộp tiền thuế TNDN tạm tính. Cán bộ quản lý gọi điện thoại nhắc nhở và gửi thư đôn đốc yêu cầu giải trình việc tạm nộp thuế TNDN quý 1, quý 2 năm 2019 đối với đơn vị. Tuy nhiên, đơn vị trình bày từ đầu năm doanh nghiệp không phát sinh thuế, doanh nghiệp hiện đang lỗ. Cán bộ quản lý đối chiếu tờ khai GTGT cùng kỳ năm ngoái và yêu cầu đơn vị nộp tạm tính thuế TNDN, Nếu lỗ thì tiền thuế đã nộp vào cũng vẫn ở đó, nếu đến cuối năm có phát sinh thì cũng không tính chênh lệch số tạm tính với số quyết toán (theo điều 17 Thông tư 151/2014), và hướng dẫn doanh nghiệp tính ra số tạm tính phải nộp: lấy doanh thu năm ngoái chia cho 4 quý và nhân với lãi suất ngân hàng hiện nay để doanh nghiệp tự chủ động đi nộp số thuế tạm tính thuế TNDN. Còn nếu doanh nghiệp khẳng định lỗ thì sẽ thực hiện kiểm tra quyết toán tại trụ sở để xem có thật sự lỗ như doanh nghiệp trình bày không. Cán bộ quản lý đã báo cáo lãnh đạo đội và lãnh đạo Chi cục Phó phụ trách về trường hợp của công ty Minh Tâm, yêu cầu đơn vị giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến thuế TNDN Quý 1,2 năm 2019

Đính kèm thông báo giải trình yêu cầu đơn vị lên làm việc (phụ lục 3.3) và báo cáo quyết toán mẫu 03/TNDN năm 2018 Của đơn vị (phụ lục số 3.4)

3.2.3.3 Kiểm soát ở khâu hồ sơ:

a. Kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế:

- Kiểm soát số lượng, đối chiếu, so sánh

Theo chỉ đạo của Chi cục trưởng, hàng tháng cán bộ của hai đội kiểm tra kiểm tra kiểm tra 100% hồ sơ khai thuế. Cán bộ thuế kiểm tra nội dung kê

khai trong hồ sơ khai thuế, đối chiếu với cơ sở dữ liệu của người nộp thuế, so sánh với dữ liệu nộp thuế cùng ngành nghề, cùng mặt hàng kinh doanh để phân tích, đánh giá nhằm phát hiện ra các trường hợp khai chưa đầy đủ, chính xác dẫn đến việc thiếu thuế, gian lận thuế. Trong quá trình phân tích, đánh giá phát hiện nghi vấn, cán bộ kiểm tra ra thông báo yêu cầu DN cung cấp hồ sơ giải trình.

- Kiểm tra nội dung hồ sơ:

- + Kiểm tra tính đầy đủ, đúng quy định của Mẫu biểu hồ sơ khai thuế: Khi kiểm tra tính đầy đủ, đúng quy định của Mẫu biểu hồ sơ khai thuế, cán bộ kiểm tra cần xác định việc hồ sơ khai thuế đã được lập đúng mẫu tờ khai thuế và các mẫu phụ lục kèm theo tờ khai thuế do Bộ Tài chính quy định, không được thay đổi khuôn dạng, thêm, bớt hoặc thay đổi vị trí của bất kỳ chỉ tiêu nào trong tờ khai thuế; đủ các phụ lục theo quy định đối từng trường hợp cụ thể; tờ khai và các phụ lục lập đủ thông tin

- + Kiểm tra số liệu, căn cứ tính thuế: việc kiểm tra số liệu và các căn cứ tính thuế để xác định số thuế phải nộp; số tiền thuế miễn, giảm; số tiền hoàn thuế... được thực hiện theo phương pháp đối chiếu so sánh

- + Phân tích, đánh giá rủi ro & trọng yếu: Thông thường, một hồ sơ khai thuế sau khi thực hiện các bước kiểm tra thủ tục và kiểm tra số liệu, căn cứ tính thuế thường có một số nội dung khiến cán bộ kiểm tra thuế cảm thấy chưa thật sự chắc chắn hoặc có nghi vấn... Trong trường hợp này, cán bộ kiểm tra thuế thường có 2 lựa chọn: (1) Tiến hành làm rõ tất cả các nội dung nêu trên; (2) Phân tích, đánh giá rủi ro & trọng yếu nhằm xác định một số vấn đề cần tập trung làm rõ

- + Đề nghị NNT giải trình: Sau khi xác định các rủi ro, các số liệu khai thuế chưa chính xác hoặc những chỉ tiêu cần làm rõ liên quan đến số thuế phải nộp; số tiền thuế được miễn, giảm; số thuế được hoàn... cán bộ kiểm tra thuế

phải báo cáo Lãnh đạo cơ quan thuế ra thông báo bằng văn bản đề nghị người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin tài liệu

+ Kiểm tra, xác thực thông tin giải trình: Kiểm tra thông tin giải trình còn là việc cán bộ thuế đối chiếu các thông tin giải trình với yêu cầu giải trình, yêu cầu cung cấp thông tin nêu tại thông báo của cơ quan thuế.

- Báo cáo:

+ Đánh giá tổng thể hồ sơ khai thuế và giải trình của NNT: Việc đánh giá tổng thể này sẽ giúp cán bộ thuế xác định NNT cần tiếp tục giải trình bổ sung thông tin hoặc NNT đã kê khai thuế đúng quy định hoặc cơ quan thuế cần tiến hành các thủ tục ấn định/kiểm tra, thanh tra tiếp theo.

+ Đề xuất phương án xử lý: Sau quá trình đánh giá tổng thể hồ sơ khai thuế và giải trình của NNT, cán bộ kiểm tra thuế sẽ thực hiện báo cáo, đề xuất Lãnh đạo cơ quan thuế chấp thuận hồ sơ khai thuế, giải trình của NNT hoặc tiến hành ấn định thuế / kiểm tra, thanh tra tại trụ sở NNT

+ Kết thúc kiểm tra tại bàn: Thực hiện phê duyệt của Lãnh đạo cơ quan thuế về việc xử lý sau kiểm tra tại bàn, cán bộ kiểm tra cần thực hiện kịp thời, đúng quy định sẽ đảm bảo phát huy hiệu quả công tác kiểm tra tại bàn hồ sơ khai thuế của NNT và được qui định cụ thể tại Điều 60 Thông tư 156/2013/TT-BTC

- Xử lý kết quả:

Giám sát thực hiện kiến nghị, cam kết: Sau khi nhận được thông báo đề nghị giải trình, cung cấp bổ sung thông tin, tài liệu từ cơ quan thuế và trao đổi với cán bộ kiểm tra thuế, NNT đã nhận ra những sai sót, vi phạm của mình. NNT có xu hướng đề nghị cán bộ kiểm tra thuế hướng dẫn khắc phục và/hoặc tự giác khắc phục hoặc có những cam kết khắc phục. Thủ tục này chỉ kết thúc khi cán bộ kiểm tra thuế xác định NNT đã hoàn tất kê khai, nộp thuế bổ sung theo như nội dung kiến nghị.

Ví dụ 4: Đơn vị Công ty TNHH thực phẩm quốc tế Cánh đồng Việt, có Mst: 01012233445. Trong các hồ sơ khai thuế của NNT có thể tiến hành kiểm tra theo các yếu tố rủi ro. Các yếu tố rủi ro dựa trên việc phân tích các khoản mục có phát sinh lớn hoặc bất thường trên hồ sơ khai thuế (Tờ khai thuế GTGT, QTT TNDN, báo cáo tài chính, QTT TNCN hay các hồ sơ khác). Cán bộ đã đọc BCTC 2 năm liên nhau của đơn vị và các tờ khai thuế GTGT đã kê khai. Khi xem các hồ sơ của đơn vị cán bộ thuế nhận thấy hồ sơ khai thuế của đơn vị có vấn đề và đã ra Thông báo giải trình để đơn vị làm việc rõ nội dung số thuế phải nộp NSNN.

Kèm theo phiếu nhận xét hồ sơ khai thuế của công ty, tờ trình lãnh đạo ban hành giải trình đối với đơn vị và thông báo giải trình ở phụ lục 3.5

Hiện nay theo quy định của luật quản lý thuế thì các doanh nghiệp tự khai, tự tính, tự nộp thuế do vậy đòi hỏi tính tự giác cao của doanh nghiệp. Qua kiểm tra tờ khai thì hầu hết các doanh nghiệp đã kê khai chính xác các chỉ tiêu trên hồ sơ khai thuế và nộp tờ khai đúng hạn chỉ còn một số ít các doanh nghiệp còn xảy ra tình trạng kê nhầm thuế suất, tính toán sai số thuế phải nộp... công tác kiểm tra tờ khai đã phát hiện kịp thời những sai sót từ đó nhắc nhở và yêu cầu doanh nghiệp kê khai lại. Tuy nhiên bên cạnh các doanh nghiệp nộp tờ khai đúng hạn thì còn nhiều doanh nghiệp nộp chậm thậm chí là không nộp tờ khai. Theo báo cáo, tổng số Báo cáo tài chính năm 2018 phải nộp là 6.998 bản, nhưng số thực tế cơ quan thuế chỉ nhận được tính đến hết ngày 31/03/2019 là 6.718 bản, như vậy tỷ lệ nộp tờ khai mới chỉ đạt 96%. Việc thực hiện kê khai qua internet đã được chi cục áp dụng và đạt được kết quả khá tốt, tính đến hết ngày 30/06/2019 đã có hơn 90% DN thực hiện kê khai qua mạng.

b. Kiểm soát hồ sơ khai thuế tại trụ sở NNT

- Kiểm tra hồ sơ khai thuế:

Kiểm tra việc ghi chép phản ánh các chỉ tiêu trong hồ sơ khai thuế. Trường hợp phát hiện người nộp thuế không ghi chép, phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu trong hồ sơ khai thuế, cán bộ kiểm tra thuế phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan Thuế ra thông báo yêu cầu người nộp thuế bổ sung các chỉ tiêu chưa phản ánh trong hồ sơ khai thuế.

- Kiểm tra các căn cứ tính thuế để xác định số thuế phải nộp; số tiền thuế được miễn, giảm; số tiền hoàn thuế... theo phương pháp đối chiếu so sánh như sau:

- + Đối chiếu với các quy định của các văn bản pháp luật về thuế.
- + Đối chiếu các chỉ tiêu trong tờ khai thuế với các tài liệu kèm theo.
- + Đối chiếu các chỉ tiêu phản ánh trong tờ khai thuế, các tài liệu kèm theo tờ khai thuế với tờ khai thuế, các tài liệu kèm theo tờ khai thuế tháng trước, quý trước, năm trước.
- + Đối chiếu với các dữ liệu của người nộp thuế có quy mô kinh doanh tương đương, có cùng ngành nghề, mặt hàng kinh doanh.
- + Đối chiếu với các thông tin, tài liệu thu thập được từ các nguồn khác.
- Việc phân tích thông tin kê khai thuế chú trọng vào so sánh các tỷ suất thuế hiệu quả (số thuế đã nộp hoặc phải nộp so với cùng kỳ...), kết quả sản xuất kinh doanh (lợi nhuận và thuế TNDN phải nộp ...) để xác định biến động phát sinh trong kỳ so với hình thái kinh doanh; chú trọng đến sự biến động của các chỉ tiêu làm giảm nghĩa vụ thuế phát sinh. Đối với thuế GTGT: chú trọng đến sự biến động của các chỉ tiêu làm giảm nghĩa vụ thuế phát sinh như: doanh số mua vào, thuế GTGT đầu vào (tăng bất thường); doanh số bán ra, thuế GTGT đầu ra (giảm), các điều chỉnh tăng thuế GTGT đầu vào và giảm thuế GTGT đầu ra, tỷ lệ doanh thu xuất khẩu trên tổng doanh thu, tốc độ tăng doanh số mua vào so với doanh số bán ra... Đối với thuế TNDN: doanh thu tăng nhưng thuế phải nộp giảm hoặc tỷ lệ thu nhập chịu thuế giảm...

- Kiểm tra nội dung hồ sơ:

Kiểm tra về doanh thu:

Doanh thu là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng lớn đến việc xác định thu nhập chịu thuế, qua đó ảnh hưởng đến số thuế TNDN phải nộp do đó các doanh nghiệp thường tìm mọi cách để khai giảm doanh thu. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là yếu tố có ảnh hưởng quyết định đến việc xác định thu nhập chịu thuế và số thuế phải nộp. Doanh thu của các ĐTNT có thể nhận được từ nhiều nguồn khác nhau do đó cơ quan thuế rất khó theo dõi, kiểm soát. Do đó, cơ quan thuế phải đặc biệt phải quan tâm quản lý chặt chẽ doanh thu tính thuế.

Bảng 3.4: Bảng tổng hợp kết quả kiểm tra doanh thu tính thuế của doanh nghiệp thương mại, dịch vụ và khác năm 2016

Đơn vị tính: triệu đồng

Ngành nghề kinh doanh	Số doanh nghiệp được kiểm tra	Tổng doanh thu kê khai	Doanh thu kiểm tra	Chênh lệch giữa kiểm tra và kê khai
Thương mại	76	5.814	9.970	4.156
Dịch vụ	52	5.300	7.454	2.154
Khác	19	574	1.592	1.018
<i>Tổng</i>	<i>147</i>	<i>11.688</i>	<i>19.016</i>	<i>7.328</i>

Bảng 3.5: Bảng tổng hợp kết quả kiểm tra doanh thu tính thuế của doanh nghiệp thương mại, dịch vụ và khác năm 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

Ngành nghề kinh doanh	Số doanh nghiệp được kiểm tra	Tổng doanh thu kê khai	Doanh thu kiểm tra	Chênh lệch giữa kiểm tra và kê khai
Thương mại	216	8.799	16.581	7.782
Dịch vụ	112	8.732	12.486	3.754
Khác	72	5.512	6.961	1.449
<i>Tổng</i>	<i>400</i>	<i>23.043</i>	<i>36.028</i>	<i>12.985</i>

Bảng 3.6: Bảng tổng hợp kết quả kiểm tra doanh thu tính thuế của doanh nghiệp thương mại, dịch vụ và khác năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

Ngành nghề kinh doanh	Số doanh nghiệp được kiểm tra	Tổng doanh thu kê khai	Doanh thu kiểm tra	Chênh lệch giữa kiểm tra và kê khai
Thương mại	219	15.432	24.483	9.051
Dịch vụ	123	14.562	19.276	4.714
Khác	98	12.459	15.437	2.978
<i>Tổng</i>	<i>440</i>	<i>42.453</i>	<i>58.296</i>	<i>15.843</i>

Nguồn: Biên bản kiểm tra các doanh nghiệp các năm 2016, 2017, 2018 của chi cục thuế Huyện Thanh Trì

Qua công tác kiểm tra một số doanh nghiệp thuộc 3 ngành trên ta thấy, chỉ có một số ít các doanh nghiệp kê khai đúng doanh thu, còn lại các doanh nghiệp đều kê khai giảm doanh thu. Ví dụ ở năm 2017, cũng nhờ công tác kiểm tra đã bổ sung vào doanh thu tính thu nhập chịu thuế của các doanh nghiệp này số tiền 15.843 triệu đồng, trung bình mỗi doanh nghiệp bỏ sót hơn 36 triệu đồng doanh thu.

Từ thực tế trên cho thấy, công tác quản lý doanh thu chịu thuế TNDN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn còn rất nhiều bất cập. Yêu cầu đặt ra đối với các cán bộ thuế là phải sáng suốt nhìn nhận phân tích những nguyên nhân nào xuất phát từ trình độ hạch toán kế toán, chưa am hiểu pháp luật thuế hay là cố ý gian lận, từ đó có biện pháp xử lý kịp thời và hướng dẫn các doanh nghiệp trong việc kê khai để hạn chế các vi phạm, áp dụng các biện pháp phù hợp để quản lý doanh thu tốt hơn.

Trên cơ sở kê khai của các doanh nghiệp, cơ quan thuế quản lý sẽ tiến hành kiểm tra, xác minh tính đầy đủ, hợp lý của các khoản doanh thu. Cơ

quan thuế phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm kinh doanh, quy mô vốn của từng doanh nghiệp, báo cáo quyết toán thuế, báo cáo tài chính năm, thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, các hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán...của các doanh nghiệp.

Mục tiêu của công tác quản lí doanh thu tính thuế là phải xác định đầy đủ các doanh thu trong không tính thuế của cơ sở kinh doanh. Phương pháp xác định doanh thu chủ yếu là kiểm tra sổ kế toán và đối chiếu so sánh giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp với số liệu của khách hàng, với các chứng từ gốc như: hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho; so sánh giữa sổ kế toán tổng hợp với sổ kế toán chi tiết; so sánh giữa lượng hàng nhập kho và lượng hàng xuất kho...

Dựa trên Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính để xác định doanh thu tính thuế TNDN bao gồm:

- Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Doanh thu từ hoạt động Tài chính
- Các khoản thu nhập chịu thuế khác như thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản; thu về vi phạm hợp đồng kinh tế sau khi đã trừ đi tiền phạt; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; các khoản thu nhập bị bỏ sót nay mới phát hiện ra...

Vi dụ 5: Công ty TNHH TAT Việt Nam, MST: 0101458753 khi đoàn kiểm tra xuống kiểm tra hồ sơ nhận thấy công ty có chênh lệch doanh thu với các vấn đề hoạt động của doanh nghiệp, đoàn kiểm tra đã ghi nhận và giải trình biên bản với kết luận như sau tại phụ lục 3.6

Qua ví dụ phân tích trên ta thấy một thực trạng đó là tình trạng che giấu doanh thu của các công ty trên địa bàn Huyện Thanh Trì khá phổ biến và nghiêm trọng. Hiện tượng này không chỉ xảy ra ở một số đơn vị mà còn diễn

ra ở rất nhiều doanh nghiệp khác nhau và ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác nhau. Nguyên nhân chính dẫn đến hiện tượng này là:

- + Đối tượng nộp thuế chưa có ý thức tự giác cao trong việc chấp hành Luật thuế TNDN, cố tình cung cấp số liệu không chính xác với thực tế cho cơ quan thuế nhằm trốn thuế.

- + ĐTNT không chấp hành tốt các quy định về công tác hạch toán kế toán dẫn đến hạch toán sai doanh thu tính thu nhập chịu thuế trong kỳ.

- + ĐTNT cố tình kê khai thiếu doanh thu của một số hoạt động, một số nguồn thu nhập.

- + Công tác quản lý hoá đơn chưa tốt, dẫn đến bỏ sót hoá đơn khi kê khai

Thực trạng quản lý doanh thu tính thuế này đặt ra nhiều thách thức cho các cơ quan có thẩm quyền nói chung và Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì nói riêng, cần phải đưa ra những biện pháp tình thế cũng như lâu dài để giải quyết thực trạng này.

Kiểm tra về chi phí:

Phương pháp chủ yếu để quản lý chi phí hợp lí: Kiểm tra các khoản chi phí theo kê khai của cơ sở kinh doanh có liên quan trực tiếp đến việc tạo ra thu nhập và doanh thu hay không, chi có đúng định mức quy định không?. Kiểm tra tính hợp pháp của các chứng từ. Kiểm tra các điều kiện xác định cho các khoản chi, chẳng hạn doanh nghiệp cú trích khấu hao nhanh thì tài sản trích khấu hao nhanh có đủ điều kiện không; việc trích lập dự phòng có đúng chế độ không? có vượt qua mức khống chế không... So sánh đối chiếu các chứng từ chi quan trọng của cơ sở kinh doanh với số liệu của các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho cơ sở kinh doanh..

- + Kiểm tra Chi phí tiền lương:

Nội dung: Kiểm tra quy định về tiền lương, tiền công (căn cứ trên việc

kiểm tra chọn mẫu một số hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và các quyết định liên quan tới các khoản chi lương, thưởng cho người lao động).

Kiểm tra về quy chế trả lương, quy trình quản lý ghi chép, kiểm tra chọn mẫu việc chấm công và theo dõi thời gian lao động.

Ví dụ 6: Trong việc kê khai chi phí tiền lương tiền công không chính xác là trường hợp của công ty CP Usaka Việt Nam: theo biên bản kiểm tra quyết toán thuế ngày 28/06/2019. Trong năm 2018, công ty đã hạch toán chi phí phụ cấp trách nhiệm cho 03 người không có hợp đồng lao động vào chi phí TLTC được trừ, làm tăng chi phí TLTC thêm 14.707.500 triệu đồng. Đoàn kiểm tra đã kết luận đối với trường hợp này tại phụ lục 3.7

+ Kiểm tra Chi phí hoạt động tài chính:

Nội dung: Kiểm tra về việc phê chuẩn thủ tục, chứng từ, hợp đồng khế ước vay.

Kiểm tra, tính toán về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức hoàn trả, tài sản thế chấp...

Kiểm tra quá trình hạch toán các khoản tiền vay trên sổ kế toán.

Đối chiếu nghiệp vụ phát sinh tiền vay với nghiệp vụ về thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng..

Hành vi vi phạm: Chi phí lãi vay để góp vốn điều lệ, Chi phí lãi vay với lãi suất vượt quá 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố cùng thời điểm, Chi phí lãi vay do sử dụng tiền vay để góp vốn điều lệ các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, Chi phí lãi vay không phù hợp với doanh thu tính thuế trong kỳ, Chi phí lãi vay không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ

Ví dụ 7: Tại thời kì kiểm tra năm 2018 đối với công ty Cổ phần Thiết Bị Cường Anh, đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra Chi phí lãi vay và nhận thấy

sai phạm đó là: phần chi phí lãi vay vượt mức không chế được cho phép.

Vào tháng 5/2018, công ty có huy động khoản vay ngắn hạn từ cán bộ công nhân viên số tiền 1.000.000.000 đồng để mở rộng quy mô sản xuất với lãi suất là 16%, lãi vay đã ghi nhận trong năm là 133.333.333 đồng. Cùng thời điểm đó thì lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%. Khi quyết toán thuế, cơ quan thuế không chấp nhận phần chi phí trả lãi tiền vay vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm vay. Trong trường hợp này cơ quan thuế chỉ chấp nhận lãi suất là 13,5%, tương ứng chi phí lãi vay được chấp nhận chỉ là 112.500.000 đồng, giảm 20.833.333 đồng. Nhận thấy sự sai trong phần chi phí lãi vay tại đơn vị đoàn kiểm tra đã ghi nhận kết quả trong biên bản kiểm tra thuế 2018 đối với phần thuế TNDN tại phụ lục 3.8

+ Kiểm tra chi phí giá vốn hàng bán:

Nội dung:

Đối chiếu các sổ kế toán chi tiết, tổng hợp.

Đối chiếu giá trị lô hàng (số lượng, số tiền) với cân đối nhập xuất tồn hàng tồn kho;

Đối chiếu giá vốn hàng bán tương ứng với doanh thu bán hàng.

Đối chiếu với hoá đơn mua hàng và chứng từ vận chuyển bán hàng.

Kiểm tra điều kiện ghi nhận giá vốn và phương pháp xác định giá vốn có đúng không?

Phân loại chi tiết giá vốn để xác định kết quả kinh doanh từng mặt hàng;

Kiểm tra ngày của các nghiệp vụ hàng bán tiêu thụ vào cuối kỳ và đầu kỳ kế toán.

Ví dụ 8: Công ty TNHH Bao Bì Tân Đạt, có MST: 0121121214 là công ty sản xuất bao bì, đoàn kiểm tra được phát hiện chủ yếu là các hành vi như

hạch toán trùng giá vốn, hạch toán trong giá vốn các khoản chi phí vượt định mức tiêu hao do chính người nộp thuế xây dựng. Kiểm tra chi phí tiêu hao NVL: So sánh mức tiêu hao thực tế so với định mức tiêu hao. Theo quy định của chế độ kế toán thì các khoản hao hụt về nguyên vật liệu, nhiên liệu trong định mức được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh và vượt định mức thì không được tính. Giám đốc Công ty TNHH Bao Bì Tân Đạt phải tự xây dựng định mức tiêu hao vật tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật về định mức tiêu hao vật tư đã xây dựng. Tuy nhiên, Công ty TNHH Bao Bì Tân Đạt đã không xây dựng định mức tiêu hao vật tư thì toàn bộ số vật tư tiêu hao trong quá trình sản xuất được coi là giá trị vật tư hao hụt vượt định mức. Mọi trường hợp tổn thất vật tư, hàng hoá đều không được tính giá trị vật tư, hàng hoá tổn thất vào chi phí hợp lý. Phát hiện được điểm sai phạm về sản xuất tại đơn vị, đoàn kiểm tra đã ghi nhận kết quả trong biên bản kiểm tra thuế 2018 đối với phân thuế TNDN tại phụ lục 3.9

Kiểm tra thu nhập khác

Bên cạnh việc quản lý doanh thu tính thuế, chi phí được trừ chúng ta cũng phải chú ý đến công tác quản lý thu nhập chịu thuế khác. Mặc dù khoản thu nhập chịu thuế khác chiếm tỷ trọng không cao nhưng cũng phần nào ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp. Đây là những khoản thu nhập không phải từ hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp mà đó là những khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính hay là những khoản thu nhập bất thường của doanh nghiệp như: lãi từ khoản chênh lệch do mua bán chứng khoán, lãi từ hoạt động cho vay vốn hay từ hoạt động liên doanh, liên kết, góp vốn đất đai và bằng tiền hàng hoá vật tư khác đem lại, các khoản kinh doanh về bất động sản hay các khoản thu từ những năm trước bỏ sót nay mới phát hiện, hay những khoản thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, các khoản thu về hoa hồng khuyến mại do mua nguyên vật liệu...

Thu nhập khác không phải là những khoản thu nhập từ hoạt động chính của doanh nghiệp. Do đó, để kiểm tra cũng rất khó khăn. Doanh nghiệp thường cố tình kê khai còn cán bộ thuế thì hay chủ quan với những khoản thu nhập này.

Ví dụ 9: Công ty TNHH Thương mại và xây lắp Hà Long (mã số thuế: 0104953776) năm 2018, đoàn kiểm tra đã xác định lại tăng tu nhập khác 400 triệu đồng do doanh nghiệp thanh lý TSCĐ nhưng không hạch toán vào doanh thu bán TSCĐ mà hạch toán vào Doanh thu bán hàng hóa dịch vụ.

Kiểm tra về ưu đãi đầu tư thuế TNDN:

Doanh nghiệp có thực hiện kê khai miễn thuế, giảm thuế, ưu đãi về thuế suất trong thời kỳ thanh tra, kiểm tra hay không?

Khi kiểm tra Tờ khai 03/TNDN có phát sinh số liệu tại các chỉ tiêu miễn, giảm thuế TNDN, ưu đãi về thuế suất thuế TNDN thì đối chiếu với Phụ lục thuế TNDN được ưu đãi theo quy định.

Tại các Phụ lục thuế TNDN được ưu đãi, xem xét năm thành lập doanh nghiệp để áp dụng chính sách ưu đãi phù hợp, kiểm tra các điều kiện về lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn doanh nghiệp đáp ứng với số thuế miễn giảm doanh nghiệp kê khai tương ứng.

Các chỉ tiêu thuế TNDN được miễn, giảm: Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi tại Phụ lục và Tờ khai quyết toán khớp với nhau; Nếu không phù hợp về mặt số liệu, đề nghị DN giải trình.

Phương pháp tính toán xác định số thuế TNDN được ưu đãi có đúng hay không?

Mọi trường hợp hưởng ưu đãi về thuế đều có điều kiện. Các điều kiện này thay đổi trong từng giai đoạn nên hàng năm cơ quan thuế khi thanh tra kiểm tra về miễn giảm thuế phải thường xuyên quan tâm đến nội dung này (Đính kèm các trường hợp tại phụ lục 3.10)

Công tác kiểm tra quyết toán thuế TNDN luôn được chi cục chú trọng nhằm hạn chế thất thu thuế, nâng cao năng lực của cơ quan thuế trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi gian lận, trốn thuế, phát huy tính tự giác chấp hành và tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc thực hiện đúng quy định về kê khai, nộp thuế.

Trong quá trình kiểm tra, phân tích tờ khai hàng tháng và Báo cáo tài chính, cán bộ kiểm tra thấy có khả năng DN có hành vi gian lận về thuế, cán bộ kiểm tra ra thông báo giải trình, bổ sung thông tin, yêu cầu đơn vị mang hồ sơ lên cơ quan thuế giải trình. Trong trường hợp đơn vị không thể giải trình tại cơ quan thuế, cán bộ kiểm tra sẽ làm tờ trình để được kiểm tra quyết toán tại trụ sở đơn vị. Công tác này đã đạt được kết quả nhất định. Chúng ta có thể phân tích bảng số liệu sau:

Bảng 3.7: Kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở DN giai đoạn 2016 - 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Số đơn vị đã kiểm tra, kết luận	Kết quả truy thu và phạt			
		Tổng	Thuế TNDN	Thuế GTGT	Phạt
2016	274	60.878	30.756	15.156	14.966
2017	391	61.012	32.273	15.850	12.889
2018	436	66.860	35.132	17.559	14.169

Nguồn: Chi cục thuế Huyện Thanh Trì - 2018

Bảng 3.7 cho thấy, số DN kiểm tra quyết toán đã tăng dần qua các năm, tuy nhiên con số này nếu so sánh với tổng số công ty trên địa bàn thì thực sự vẫn còn khiêm tốn. Năm 2016, Chi cục đã tiến hành kiểm tra 274 DN với số thuế truy thu là 60.878 triệu đồng, trong đó riêng thuế TNDN là 30.756 triệu đồng. Sang năm 2017, 2018 số DN kiểm tra quyết toán thuế tăng lên có thể thấy số thuế TNDN phạt và truy thu cũng tăng lên 35.132 triệu đồng, con số

này không hề nhỏ. Điều này càng chứng tỏ rằng, sai sót trong hồ sơ của ĐTNT là phổ biến, ý thức của các ĐTNT chưa cao, càng tiến hành kiểm tra được nhiều hồ sơ sẽ càng phát hiện ra nhiều vi phạm, số thuế truy thu vào NSNN càng lớn.

3.2.3.4. Kiểm soát ở khâu nợ thuế:

Nợ đọng thuế là số tiền thuế mà người nộp thuế phải nộp trong kỳ tính thuế nhưng hết hạn nộp thuế vẫn chưa nộp cho cơ quan thuế hoặc là nộp nhưng vẫn còn thiếu. Trong những năm qua chi cục thuế đã có nhiều biện pháp nhằm tăng cường thu hồi nợ đọng như: sắp hết thời hạn nộp thuế, chi cục gọi điện nhắc nhở, thông báo nộp thuế cho các doanh nghiệp; tiến hành phân loại nợ thuế để có các biện pháp đôn đốc thu nợ thích hợp; đẩy mạnh công tác thu thuế trong mỗi tháng hạn chế tình trạng nợ mới phát sinh; Một số doanh nghiệp có số nợ lớn, kéo dài chi cục đã mời lên cơ quan thuế để làm việc và đôn đốc nộp nợ đọng. Bên cạnh đó, Chi cục còn phối hợp với cơ quan công an để xử lý đối với một số đối tượng chây ỳ, kết hợp với ngân hàng trong việc thu nợ.

Bảng 3.8: Tình hình ghi thu, thực thu thuế TNDN giai đoạn 2016 - 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Ghi thu TNDN	Thực thu TNDN	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ %
2016	250.176	228.538	21.638	8,6
2017	200.915	192.950	7.965	4
2018	281.162	262.301	18.861	6,7

Nguồn: Chi cục thuế Huyện Thanh Trì

Nhìn vào bảng số liệu 3.8 cho thấy, tỷ lệ thuế TNDN trong tổng số thu năm 2016 là 250.176 triệu đồng, chi cục thuế đã thu được 228.538 triệu đồng tương ứng với 91.4%. Năm 2017, ghi thu thuế TNDN là 200.915 triệu đồng,

Chi cục đã thu được 192,950 triệu đồng, giảm mức nợ xuống còn 4%. Có thể nói năm 2017 chi cục đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu nộp NS của mình, tỷ lệ nợ thuế TNDN chỉ 4%, phần lớn là do các DN mới thành lập trên địa bàn đang được ưu đãi về thuế. Năm 2018 tỷ lệ nợ thuế lại vượt lên 6,7%, tương ứng với tổng ghi thu là 281.162 triệu đồng, thực thu đạt 262.301 triệu đồng. Con số này xuất phát từ thực tế, nó phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của DN trên địa bàn. Tuy các công ty trên địa bàn đã có sự phát triển đáng kể, nhưng số thuế thu được từ các DN lại có khuynh hướng giảm đi. Một phần là do các công ty trên địa bàn chủ yếu là các công ty vừa và nhỏ. Hơn nữa số DN mới thành lập chiếm tỷ lệ lớn; do đó, có rất nhiều DN vẫn còn đang trong giai đoạn ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN hoặc chưa phát sinh nghĩa vụ thuế.

Có thể thấy, mặc dù số thuế TNDN thu được không hề nhỏ nhưng số thuế thu được chưa tương xứng với quy mô số lượng DN trên địa bàn. Tình trạng thất thu thuế còn tương đối nhiều. Thực tế này đặt ra yêu cầu phải cấp thiết là cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan trong việc quản lý hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn từ đó có thể giảm tới mức thấp nhất tình trạng thất thu thuế.

Mặc dù Chi cục đã áp dụng nhiều biện pháp để thu hồi nợ đọng, cường chế thuế như phối hợp với cơ quan công an, phòng tòa ngân hàng, thu qua ngân hàng, thu qua bên thứ ba. Nhưng nhiều ngân hàng không chịu hợp tác, hoặc hợp tác một cách miễn cưỡng, kéo dài thời gian và khi ngân hàng thông báo cho chi cục thì trên tài khoản của đơn vị số dư là không đáng kể nên việc thu hồi nợ thuế qua ngân hàng cũng rất hạn chế. Điều này được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 3.9: Số liệu tình hình nợ đọng thuế TNDN*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chi tiêu	Năm 2017	Năm 2018	So sánh	
			Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
Nợ khó thu	4.941	6.231	1.290	26,1
Nợ chờ xử lý	8.919	9.541	622	6,9
Nợ thông thường	10.635	13.220	2.585	24,3
Tổng nợ	24.495	28.692	4.497	18,4

Nguồn: Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì - 2018

Qua bảng số liệu trên ta thấy, số thuế TNDN nợ đọng của các công ty vẫn còn lớn, nợ năm sau cao hơn năm trước nhiều, đây là tín hiệu không tốt trong công tác quản lý và thu hồi nợ đọng, mặc dù Chi cục đã thường xuyên phân loại và phân tích nguyên nhân các khoản nợ, đồng thời tăng cường áp dụng các biện pháp đôn đốc nợ và cưỡng chế nợ thuế, Cụ thể: năm 2017 tổng nợ về thuế TNDN của công ty trên địa bàn Huyện là 24.495 triệu đồng, đến năm 2015 tăng lên 28.692 triệu đồng, tăng 4.497 triệu đồng tương ứng tỉ lệ tăng 18,4%. Thêm vào đó, nợ khó thu năm 2018 tăng cao so với năm 2017, tăng 1.290 triệu đồng tương ứng tăng 26,1%, nợ thông thường cũng tăng cao, từ 10.635 triệu đồng lên 13.220 triệu đồng (tăng 2.585 triệu đồng, tương ứng tăng 24,3%), cho thấy công tác quản lý thu thuế ở Chi cục đối với công ty trên địa bàn chưa đạt hiệu quả cao, chưa giải quyết được các số nợ từ năm trước lại đã xuất hiện nợ mới phát sinh. Tỷ lệ nợ khó thu tăng cao rất đáng lo ngại, sẽ gây thất thu thuế lớn, đặc biệt là trong giai đoạn các khoản thu đều có xu hướng giảm đi, thu NSNN đang gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ nợ thông thường gia tăng khiến cho nhiệm vụ thu hồi nợ năm tới càng trở nên nặng nề hơn.

+ Các doanh nghiệp có số tiền nợ thuế lớn hầu hết không có tiền trong tài khoản tại các ngân hàng nên nhiều trường hợp không thực hiện cưỡng chế được, hoặc có trường hợp ngân hàng chậm cung cấp thông tin dẫn đến không có cơ sở để xử lý, do đó số nợ thu được còn ít so với yêu cầu đặt ra.

+ Do một số doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, khó khăn về tình hình tài chính nên không có khả năng nộp thuế TNDN.

+ Về phía cơ quan thuế: Công tác đôn đốc và kiểm tra thu nộp thuế TNDN đã được hai Đội kiểm tra thuế triển khai tương đối tốt, tuy nhiên cũng phải thấy rằng, việc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật đến với ĐTNT là chưa thực sự tốt, hiện tượng các đơn vị kê khai sai, nộp tiền sai dẫn đến nợ ảo, nợ cần điều chỉnh do không nắm bắt kịp thời chính sách pháp luật còn xảy ra nhiều.

=> ***Qua những phân tích tại các công ty trên địa bàn huyện Thanh Trì***, ta thấy công tác kiểm soát quản lý căn cứ tính thuế TNDN của Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì mặc dù đã đạt được rất nhiều kết quả khả quan nhưng bên cạnh đó vẫn còn khá nhiều bất cập, tồn tại. Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì đã có rất nhiều biện pháp để khắc phục: mở sổ theo dõi nắm chắc tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý; tăng cường công tác xác minh hoá đơn, chứng từ và rà soát lại hoá đơn để phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp sử dụng hoá đơn trái phép, tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, tuyên truyền hỗ trợ tới ĐTNT... Nhưng để có thể giải quyết triệt để những vấn đề kể trên, chúng ta cần phải đánh giá lại một cách tổng thể và có những biện pháp cụ thể hơn nữa.

3.3. Đánh giá thực trạng kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì

3.3.1. Ưu điểm

Từ thực trạng trên, có thể thấy công tác kiểm soát quản lý thuế TNDN đối với các DN trên địa bàn Huyện thời gian qua đã đạt được những kết quả khá khả quan. Những kết quả đó có thể khái quát trên một số mặt như sau:

a. Bộ máy kiểm soát:

Chi cục thuế Huyện Thanh Trì đã triển khai đồng bộ các giải pháp trong kiểm soát quản lý thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng, được thể hiện trong các nội dung sau:

Trước hết do sự chỉ đạo thống nhất của Ban lãnh đạo Chi cục: Luôn đi theo chỉ đạo của Cục thuế TP Hà nội; Sát sao chỉ đạo cán bộ công chức luôn làm theo 10 điều kỷ luật của ngành, và quy chế của cơ quan, trong quan hệ quản lý với NNT luôn đúng mực, chủ động và nhiệt tình hỗ trợ hướng dẫn tuyên truyền giải thích để NNT hiểu, làm theo quy định của pháp luật và tránh để NNT phải đi lại nhiều.

Đội ngũ cán bộ từ công tác kê khai đến thanh tra kiểm tra tại Chi cục thuế đều được đào tạo và nâng cao năng lực quản lý: Trình độ quản lý đồng đều, chủ yếu trình độ đại học và trên đại học. Công tác tổ chức, bồi dưỡng cán bộ thuế làm nhiệm vụ kiểm soát thuế TNDN tại chi cục được chú ý do vậy trình độ của các cán bộ được tăng lên, góp phần tăng cường hiệu quả công tác quản lý thuế TNDN. Ngoài ra, việc luân phiên, luân chuyển cán bộ thường xuyên tại Chi cục cũng được chú trọng, nhằm tạo cho cán bộ được cọ sát với nhiều công việc khác nhau để khi cần có thể đảm nhận công việc được giao một cách chủ động, tránh tình trạng phải học việc.

Việc áp dụng công nghệ tin học vào công tác quản lý thuế nên có thể quản

lý được sát sao các người nộp thuế cũng như việc sử dụng hóa đơn của các doanh nghiệp.

b. Quy trình kiểm soát quản lý thuế TNDN

Việc áp dụng quy trình quản lý thuế TNDN của Chi cục đã đi theo quy chuẩn từ khâu đăng ký thuế, kê khai thuế, tổng hợp dự toán, thanh tra kiểm tra thuế: hệ thống hồ sơ và hướng dẫn thực hiện quy trình rõ ràng, công khai; xác định rõ các thủ tục hành chính và trách nhiệm của các bộ phận quản lý trong quá trình thực hiện thu nộp. Chi cục thuế Huyện Thanh Trì là chi cục đầu tiên thuộc Cục thuế Hà Nội thực hiện và bảo đảm chất lượng quản lý theo tiêu chuẩn quản lý ISO 9002. Điều đó chứng minh quá trình thực hiện theo quy trình của Chi cục là đảm bảo về thời gian, chất lượng và hiệu quả công việc.

Trong những năm gần đây, Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì đã làm khá tốt công tác quản lý ĐTNT. Thực hiện một cách có hệ thống những công việc liên quan đến quản lý ĐTNT như: nhận, giải quyết hồ sơ điều chỉnh đăng ký thuế, lưu trữ dữ liệu về doanh nghiệp, phân cấp quản lý các công ty giữa các Đội trong nội bộ Chi cục thuế. Ngoài ra, vào ngày mùng 10 hàng tháng, Đội KKKTT&TH lập báo cáo thống kê tình hình đăng ký thuế của tháng trước (tình hình tăng, giảm số doanh nghiệp theo từng loại hình doanh nghiệp, theo địa bàn quản lý và tình trạng doanh nghiệp ngừng hoạt động, phá sản, giải thể, v.v....) để báo cáo lãnh đạo Chi cục thuế và đưa thông tin lên mạng nội bộ để các Đội liên quan có thể khai thác. Bên cạnh đó, Đội KKKTT&TH tiến hành nhận và xử lý hồ sơ đóng MST của doanh nghiệp, phối hợp với Đội kiểm tra, bộ phận quản lý ấn chỉ để quyết toán thuế, quyết toán sử dụng hóa đơn và ra thông báo doanh nghiệp đóng MST.

Tất cả những nội dung trên góp phần làm cho công tác quản lý thuế TNDN của Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì đạt hiệu quả khá cao. Cán bộ thuế tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong đăng ký thuế, nắm bắt được số lượng

doanh nghiệp đã đăng kí thuế và có biện pháp quản lý, đơn đốc thu nộp.

c. Nội dung kiểm soát quản lý thuế TNDN

* Trong công tác thanh tra, kiểm tra, Chi cục thuế Huyện Thanh Trì luôn học hỏi để áp dụng những phương pháp làm việc mới, đem lại kết quả khả quan. Cụ thể: Chi cục không kiểm tra dàn trải tất cả các doanh nghiệp đang hoạt động, mà thực hiện theo chuyên đề. Chẳng hạn như đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, thường các DN này không xuất hóa đơn đầu ra đúng thời điểm khi khách hàng thanh toán theo tiến độ công trình, trong thực tế các doanh nghiệp này thường chỉ xuất hóa đơn khi công trình đã hoàn thành và bàn giao. Vì vậy, thực tế đoàn kiểm tra của Chi cục đã đẩy doanh thu về đúng năm thời điểm nhân tiền thanh toán, nhờ vậy năm đó sẽ phát sinh số thuế TNDN phải nộp và tính phạt chậm nộp từ thời điểm phải nộp thuế đến thời điểm thanh tra, kiểm tra. Ngoài ra việc kiểm tra theo chuyên đề thuế GTGT hoặc theo chuyên đề DN ngoài quốc doanh có doanh thu lớn trên 50 tỷ đồng/năm... cũng đem lại những hiệu quả tích cực trong công tác quản lý thu tại Chi cục.

Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong tất cả các nội dung quản lý từ quản lý doanh thu tính thuế, chi phí được trừ, thu nhập khác...

Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì đã tiến hành hướng dẫn kê khai, nhận và kiểm tra hồ sơ khai thuế của các doanh nghiệp. Từ đó phát hiện ra rất nhiều sai phạm trong vấn đề kê khai căn cứ tính thuế của các công ty cổ phần và tiến hành xử lý các doanh nghiệp có hành vi sai phạm. Những sai phạm này của doanh nghiệp cũng là căn cứ để Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì có thể đánh giá lại công tác quản lý thuế TNDN đối với công ty cổ phần của Chi cục, đồng thời tìm biện pháp khắc phục những vấn đề còn tồn tại để nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Để đạt được kết quả trên, Chi cục đã tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ cho doanh nghiệp, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế như hồ sơ khai thuế GTGT hàng tháng, hồ sơ khai tạm tính thuế TNDN để phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp không tự giác chấp hành, cố tình kê khai sai, căn chỉnh thuế đầu ra, đầu vào, hợp thức chi phí để làm giảm số thuế phải nộp. Tăng cường công tác kiểm tra, đối chiếu hoá đơn, qua công tác kiểm tra đối chiếu xác minh hoá đơn để ngăn chặn những đối tượng hợp thức hoá đơn đầu vào hoặc sử dụng hoá đơn bất hợp pháp.

Chi cục thuế được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của cấp trên cùng với đó là sự phối hợp hoạt động có hiệu quả với các cơ quan nhà nước khác như ngân hàng, công an, quản lý thị trường trong việc tổ chức thu thuế.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác kiểm soát quản lý thuế TNDN trên địa bàn Huyện vẫn còn tồn tại không ít những khó khăn, những mặt còn hạn chế.

3.3.2. Nhược điểm

Công tác quản lý thuế thực hiện theo chức năng, các quy trình được áp dụng thống nhất đã thực sự chuyển biến công tác quản lý thu của các DN nhưng việc phối hợp giữa các bộ phận chức năng như Kế khai kế toán thuế - kiểm tra thuế - quản lý nợ chưa chặt chẽ đồng bộ. Một số đơn vị chưa chủ động trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chức năng của mình vì vậy đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến các khâu sau, bộ phận sau và dẫn đến kết quả của toàn bộ hệ thống không đạt yêu cầu đặt ra.

Trước tình hình một bộ phận không nhỏ người nộp thuế chưa thực sự tự giác tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp; nộp đúng, nộp đủ số thuế đã kê khai. Một số DN cố tình gian lận thuế với các hành vi, thủ đoạn ngày càng tinh vi và phức tạp. Tình trạng thành lập DN không để kinh doanh mà chỉ buôn bán, sử dụng hoá đơn bất hợp pháp, tiếp tay cho DN khác hợp thức hoá,

trốn thuế, rút tiền nhà nước dưới nhiều hình thức vẫn còn tồn tại. Tình trạng nợ đọng, chây ỳ nộp thuế ở một số địa phương chậm được khắc phục... song cơ quan thuế chưa có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi.

Phương pháp quản lý rủi ro ở các chức năng đều chưa thực hiện tốt do còn lúng túng trong việc triển khai quản lý thuế theo chức năng.

Một số đơn vị chưa có biện pháp theo dõi, giám sát chặt chẽ người nộp thuế nên chưa nắm được chính xác các trường hợp ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, các trường hợp di chuyển địa bàn, chia tách, sáp nhập,... do đó chưa quản lý đầy đủ, chặt chẽ người nộp thuế.

- Nguyên nhân

Một là, môi trường quản lý thuế chưa tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý thuế.

Trình độ hiểu biết về thuế ý thức chấp hành các luật, pháp lệnh về thuế của đại bộ phận nhân dân, kể cả cán bộ, đảng viên trong các cơ quan Nhà nước còn nhiều hạn chế chưa tạo được dư luận rộng rãi lên án mạnh mẽ các hành vi trốn thuế, gian lận về thuế, thậm chí còn khá nhiều trường hợp thờ ơ, khuyến khích, đồng tình. Các giải pháp quản lý kinh tế xã hội chưa được cải cách đồng bộ để hỗ trợ cho công tác quản lý thuế như: quản lý thanh toán không dùng tiền mặt, quản lý đăng ký kinh doanh, quản lý xuất nhập khẩu,... đã làm hạn chế rất nhiều đến kết quả quản lý thuế.

Hai là, việc tổ chức triển khai quản lý thuế của cơ quan thuế và nâng cao trình độ của cán bộ thuế còn hạn chế chưa đáp ứng so với yêu cầu quản lý thuế hiện đại, khoa học.

Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm về thuế của Chi cục chưa được đặt lên đúng tầm và chưa phù hợp với thực trạng của nước ta là trình độ dân trí thấp, nhận thức trách nhiệm pháp luật chưa cao. Chức năng và quyền hạn của thanh tra, kiểm tra thuế còn bị bó hẹp chưa trở thành công

cụ có hiệu lực để chống thất thu ngân sách và răn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm về thuế.

Ứng dụng công nghệ tin học trong việc quản lý thuế còn ở mức thấp, mới tập trung chủ yếu vào công việc quản lý về đăng ký thuế, cấp mã số thuế, quản lý biên lai, ấn chỉ.

Song song với điều đó là việc số lượng các DN ngày một gia tăng cả về khối lượng và quy mô vốn đầu tư, trong khi nguồn nhân lực và các công cụ hỗ trợ tin học hóa không đáp ứng được cũng tạo ra một khối lượng không nhỏ các vấn đề tồn tại trong công tác quản lý thuế hiện nay vẫn chưa thực sự được giải quyết như việc phân tích đánh giá rủi ro xây dựng mức độ cảnh báo hành vi vi phạm về thuế của ĐTNT vẫn còn hạn chế.

Một bộ phận cán bộ quản lý thuế trình độ hiểu biết và thực thi về chính sách thuế còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu quản lý hiện đại và yêu cầu cải cách hành chính trong quản lý thuế.

Những hạn chế nêu trên được thể hiện cụ thể

a. Bộ máy kiểm soát

Thứ nhất, về bộ máy tổ chức: Do biên chế của Chi cục ít, chỉ có 79 người bố trí ở 9 Đội thuế và Ban lãnh đạo nên khó luân chuyển giữa các bộ phận. Thứ hai, bố trí nguồn nhân lực kiểm tra còn bất cập, chưa đảm bảo biên chế: Số lượng công chức kiểm tra thuế thiếu về số lượng, công tác đào tạo, bồi dưỡng cho lực lượng cán bộ thuế chưa chuyên nghiệp, chuyên sâu lại chỉ giới hạn theo hình thức tập huấn ngắn hạn, không được đào tạo kỹ năng theo chức năng nhiệm vụ của từng vị trí công việc. Thứ ba, Một số cán bộ làm công tác kiểm soát thuế TNDN rất yếu về kỹ năng và nghiệp vụ kiểm tra thuế và khả năng sử dụng các thiết bị tin học, không có trình độ ngoại ngữ

Công tác chỉ đạo điều hành chưa thường xuyên liên tục, công tác tổ chức cán bộ, tổ chức rà soát, đánh giá, phân tích, dự báo những yếu tố ảnh hưởng đến

công tác kiểm soát quản lý thuế TNDN trên địa bàn chưa thực sự được quan tâm.

Sau khi giao chỉ tiêu nhiệm vụ, một số lĩnh vực lãnh đạo Chi cục thuế chưa thực sự quan tâm tới công tác kiểm soát thuế TNDN, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của từng cán bộ, từng đội theo đúng quy trình quản lý thuế và quy chế công tác. Chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của ngành thuế; giải quyết một số vấn đề bức xúc của doanh nghiệp chưa quyết liệt nên kết quả còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính; vẫn còn một số đội thuế chuyên môn thực hiện chưa tốt chức năng tham mưu quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực được giao; chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa nghiêm; công tác phối hợp giữa các đội, các cơ quan trong giải quyết một số vấn đề liên quan chưa chặt chẽ.

Lãnh đạo Chi cục chưa thực sự quan tâm và nhận thức được tầm quan trọng của công tác dự báo tình hình kinh tế tại địa phương và xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá công tác quản lý thu thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng.

Số lượng DN trên địa bàn Huyện Thanh Trì tăng lên nhanh chóng: năm 2017 có 3.835 doanh nghiệp đến năm 2019 đã tăng lên 6.184 doanh nghiệp, số thu NSNN năm 2018 là trên 1.700 tỷ đồng. Trong khi đó, số lượng cán bộ công chức thuế tại Chi cục thuế vẫn còn thiếu, khối lượng công việc lớn nên chất lượng công việc chưa cao. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý thu thuế của Chi cục thuế.

Ngành thuế đang được cải cách và hiện đại hóa, đòi hỏi trình độ chuyên môn cũng như trình độ tin học của cán bộ công chức thuế ngày càng phải được nâng cao. Nhưng một số cán bộ công chức thuế tại Chi cục rất yếu về kỹ năng và nghiệp vụ, chưa đầu tư vào nghiên cứu, học hỏi, dẫn đến năng lực một số cán bộ thuế còn hạn chế, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả công việc. Khả năng sử dụng các thiết bị tin học, không có trình độ ngoại ngữ. Thậm chí một

số cán bộ làm công tác kiểm soát thuế TNDN còn chưa nắm vững các chính sách thuế, chưa thành thạo về kế toán DN, phân tích đánh giá tài chính DN để có điều kiện phát hiện các gian lận về thuế. Thậm chí một số cán bộ kiểm tra thuế có biểu hiện vụ lợi, ý thức và trách nhiệm pháp luật thấp, lợi dụng công tác kiểm tra thuế phiền hà, sách nhiễu ĐTNT.

b. Quy trình kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp

Việc thực hiện qui trình quản lý thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng chưa đồng bộ, nhiệm vụ ưu tiên cho mục tiêu thực hiện dự toán thu được “quan tâm hàng đầu” trong khi dự toán không sát thực tế đang là hiện tượng phổ biến; công tác lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra chưa sát thực tế vì phạm do phân tích hồ sơ khai thuế còn thủ công, chưa có tiêu chí phân tích rủi ro khi lựa chọn NNT kiểm tra thuế.

Chính sách quản lý thuế hiện hành vẫn còn bất cập gây khó khăn, lúng túng trong quá trình thực hiện, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác quản lý thu thuế. Theo Luật Quản lý thuế, đã sử dụng kết hợp đan xen nhiều nguyên tắc nhưng chủ yếu theo nguyên tắc trình tự thời gian, trong khi đó bộ máy quản lý thuế được thiết kế theo mô hình chức năng. Điều này sẽ dẫn đến những điểm chưa thực sự tương thích giữa Luật Quản lý thuế với thực tiễn vận hành của bộ máy quản lý thuế trong việc tổ chức thực hiện các luật thuế, đặc biệt, khi áp dụng cơ chế quản lý thuế theo mô hình “một cửa”. Bởi thực tế cho thấy, việc tổ chức bộ máy ngành thuế theo chức năng dẫn đến bất kỳ bộ phận nào cũng có thể yêu cầu doanh nghiệp trực tiếp làm việc, giải trình khi doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế của mình. Song khi cần hướng dẫn để được giải quyết các nghiệp vụ cụ thể phát sinh, doanh nghiệp không biết liên hệ đến bộ phận nào và thuộc thẩm quyền trách nhiệm của ai. Vì vậy, doanh nghiệp gặp những khó khăn nhất định trong quá trình thực thi pháp luật thuế theo luật. Chẳng hạn, việc lập và

nộp hồ sơ khai thuế, các bộ phận có liên quan đều có chức năng kiểm tra hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp. Cụ thể, hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được thực hiện kiểm tra từ bộ phận một cửa; sau đó chuyển cho bộ phận kê khai và kế toán thuế; sau đó lại tiếp tục chuyển đến các bộ phận khác có liên quan như bộ phận kiểm tra, thanh tra, ấn chỉ... mỗi bộ phận đều có quyền yêu cầu doanh nghiệp giải trình, vì vậy một doanh nghiệp trong một kỳ kê khai có thể nhận được 4-5 thông báo giải trình của cơ quan thuế nhưng không biết liên hệ đến những bộ phận nào để giải quyết. Hoặc về công tác thu nộp thuế, Đội kiểm tra thuế có chức năng thực hiện kế hoạch thu thuế được giao, vì vậy có trách nhiệm đôn đốc thu thuế. Tuy nhiên, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định rõ Đội kiểm tra thực hiện đôn đốc thu từ ngày nào đến ngày nào, Phòng thu nợ và cưỡng chế thuế thực hiện từ khâu nào v.v..

Việc phối hợp giữa các bộ phận trong cơ quan Thuế chưa được tốt, chưa đồng bộ do đó chưa thực hiện tốt các công tác kiểm soát quản lý thuế TNDN.

Quy trình kiểm tra, rà soát kê khai thuế chưa được xây dựng xong. Thực tế cho thấy, có lúc có nơi NNT còn gặp khó khăn nên chưa nắm bắt đầy đủ các quy định về thuế dẫn đến sai sót nhầm lẫn khi kê khai, quyết toán thuế. Do đó, để góp phần nâng cao ý thức tuân thủ của NNT thì chính sách thuế phải được hoàn thiện để chặt chẽ, rõ ràng phù hợp với thực tiễn, giúp NNT và ngay cả công chức thuế thi hành công vụ dễ thực hiện.

c. Nội dung kiểm soát quản lý thuế TNDN

** Công tác đăng ký kê khai, kế toán thuế*

Công tác thực hiện đăng ký thuế còn mang tính thủ công, vì vậy hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp khi thực hiện kiểm duyệt còn gặp nhiều sai sót, cập nhật nhầm Cơ quan thuế quản lý, phân công Cơ quan thuế quản lý NNT chưa

đồng nhất giữa các cán bộ do việc hướng dẫn phân công quản lý doanh nghiệp còn rất chung chung, chưa định lượng.

- Các hồ sơ đăng ký cấp mã số thuế được chuyển thông tin liên tục qua Hệ thống đăng ký doanh nghiệp quốc gia, việc đảm bảo về mặt thời gian thực hiện đôi lúc còn chậm, vẫn còn hiện tượng trả chậm kết quả

*** Công tác đơn đốc tạm nộp thuế TNDN:**

Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2014 theo đó các doanh nghiệp sẽ căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế để tự tính và nộp số thuế TNDN hàng quý mà không phải nộp tờ khai thuế TNDN tạm tính. Bên cạnh những doanh nghiệp có ý thức chấp hành pháp luật thuế tốt thì cũng vẫn có những doanh nghiệp nộp số thuế TNDN tạm tính không kịp thời và không sát với kết quả kinh doanh thực tế. Rất khó khăn trong việc quản lý số thuế TNDN tạm tính và đơn đốc NNT nộp

Thứ nhất là, số thuế TNDN tạm tính hàng quý doanh nghiệp nộp chưa sát với kết quả sản xuất kinh doanh.

Thứ hai là, doanh nghiệp nộp thuế TNDN hàng quý chưa kịp thời. Thông thường các doanh nghiệp nộp dồn vào Quý 4 trong khi Quý 1, 2, 3 nộp ít.

*** Công tác kiểm tra hồ sơ**

Trong nhiều năm, công tác kiểm tra thuế tại bàn đối với hồ sơ khai thuế đặc biệt quan trọng. Để kiểm soát được 100% hồ sơ quyết toán thuế TNDN ước tính mỗi công chức thuế khoảng 200 hồ sơ doanh nghiệp. Thực tế công việc của Đội Kiểm tra thuế rất nhiều, ngoài công việc kiểm tra hồ sơ khai thuế tháng, quý, năm tại trụ sở CQT; kiểm tra tại trụ sở NNT, các cán bộ Đội kiểm tra thuế còn làm các công việc liên quan đến quản lý, các báo cáo đột xuất, các công tác phối hợp,... Nên việc kiểm tra tất cả hồ sơ khai thuế của người

nộp thuế gặp nhiều khó khăn nên phần đa công chức chỉ kiểm tra hồ sơ khai thuế của người nộp thuế đã nằm trong danh sách đã được phê duyệt (theo quy định là tối thiểu 20% số lượng doanh nghiệp đang quản lý thuế trong đó: Từ 15% số lượng người nộp thuế trở lên lựa chọn bằng ứng dụng lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế theo rủi ro (TPR) và từ 5% số lượng người nộp thuế trở lên lựa chọn qua thực tiễn quản lý thuế).

- Danh sách người nộp thuế được lựa chọn theo rủi ro nêu trên để kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế chưa được quan tâm đúng mức do một số nguyên nhân sau: thay đổi công chức quản lý địa bàn, người nộp thuế thay đổi trụ sở chính, do kết quả phân tích căn cứ vào số liệu của năm trước liền kề nên thông tin không còn được cập nhật.

Hệ thống dữ liệu của cơ quan thuế về NNT còn nghèo, chưa được kết nối toàn diện và khó khai thác, chưa có các công cụ hỗ trợ cho hoạt động phân tích

* Công tác quản lý nợ

Chưa có quy định cho cơ quan thuế được thỏa thuận đối với ĐTNT để lập kế hoạch cho phép ĐTNT nộp dần những khoản nợ thuế tồn đọng phù hợp với tình trạng tài chính của ĐTNT, đảm bảo việc thu nợ thuế được khả thi cũng như đảm bảo có sự đối xử công bằng đối với những ĐTNT có ý thức tuân thủ nhưng có những khó khăn về mặt tài chính trong thực hiện nghĩa vụ thuế.

Chưa có văn bản nào quy định rõ trường hợp ĐTNT không nộp tiền phạt nộp chậm thì tiếp tục bị tính phạt nộp chậm trên số tiền phạt nộp chậm đã tính. Trong thực tế có nhiều trường hợp ĐTNT không đủ điều kiện nộp thuế nên tính phạt thêm số tiền chậm nộp chỉ làm tăng số nợ thuế chứ không thu được cho NSNN.

Theo dõi nợ chưa sát sao, chưa theo dõi được chi tiết tình trạng nợ của

ĐTNT, tuổi nợ và mức nợ của từng lần phát sinh, nguyên nhân theo từng loại nợ, khả năng thu nợ, thời gian dự kiến có thể thu được nợ. Một số ĐTNT chưa được xác định chính xác nợ nên khi xử lý đặc biệt là phạt nộp chậm tiền thuế xảy ra khiếu nại từ phía ĐTNT .

Chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu về lịch sử tuân thủ của ĐTNT.

Chưa áp dụng các kỹ năng phân tích tình hình tài chính của DN nợ thuế TNDN để đánh giá khả năng thu nợ.

Chương 4

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ HUYỆN THANH TRÌ

4.1 Định hướng và yêu cầu của công tác kiểm soát quản lý thuế TNDN

4.1.1. Định hướng:

Chi cục thuế Huyện Thanh Trì phấn đấu trong giai đoạn 2020 – 2025 thực hiện tốt nhiệm vụ thu NSNN và quản lý chặt nguồn thu thuế. Hàng năm, phấn đấu thu thuế vượt dự toán 10% trở nên. Đây là nhiệm vụ hết sức nặng nề khi nền kinh tế vẫn chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng, đặt ra cho Chi cục thuế Huyện Thanh Trì phải chú trọng đến công tác củng cố và xây dựng ngành đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu hơn, tăng cường công tác quản lý thuế. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, công tác thuế năm 2019 và kiểm soát tốt việc quản lý thu thuế TNDN đảm bảo nguồn thu NSNN được giao, Chi cục thuế cần phải có những biện pháp cụ thể.

Trước hết, những biện pháp hạn chế thất thu thuế TNDN đối với công ty trên địa bàn Huyện phải được đặt trong mục tiêu và yêu cầu của công cuộc hiện đại hóa ngành thuế nói chung và ngành thuế TP Hà Nội nói riêng. Có như vậy thì những biện pháp đưa ra mới có tính khả thi cao và mới có thể đạt được lợi ích tổng thể. Ngoài ra, những biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý thuế TNDN còn phải đặt trong định hướng phát triển KT – XH nói chung và định hướng phát triển KT – XH của Huyện Thanh Trì nói riêng.

Việc chống thất thu thuế nói chung và thất thu thuế TNDN nói riêng nhằm đảm bảo sự công bằng giữa các người nộp thuế trong việc thực hiện

nghĩa vụ đối với ngân sách, từ đó tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp.

Tăng cường quản lý thuế TNDN nhằm phát huy tối đa chức năng của Nhà nước trong việc điều tiết các hoạt động kinh tế - xã hội nói chung và hoạt động của các doanh nghiệp trong từng thời kỳ phát triển kinh tế nhất định. Đảm bảo vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế của nhà nước. Thông qua việc điều chỉnh thuế suất, nhà nước có thể khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực, địa bàn còn lạc hậu, kém phát triển, những lĩnh vực mà nhà nước thấy cần thiết cho sự phát triển của đất nước.

Thông qua việc tăng cường quản lý thuế TNDN ý thức của nhân dân trong việc tuân thủ pháp luật thuế nói riêng cũng như pháp luật nói chung nhờ đó cũng sẽ được tăng lên. Nâng cao tính pháp lý và tính khả thi của các văn bản pháp luật thuế TNDN, tạo ra sự công bằng giữa các doanh nghiệp, nâng cao ý thức tự nguyện, tự giác chấp hành nghĩa vụ thuế của các doanh nghiệp.

Để thực hiện tốt các mục tiêu trên yêu cầu tất yếu trong công tác chống thất thu thuế là cần phải có sự quyết tâm của cơ quan thuế cũng như các cơ quan nhà nước trong việc đấu tranh với những biểu hiện của gian lận thuế. Bên cạnh đó đòi hỏi phải có sự cố gắng, sáng tạo, tinh thần làm việc hết mình của cán bộ ngành thuế cùng với sự ủng hộ tích cực của nhân dân. Một vấn đề quan trọng cần được quan tâm nữa là khâu hoạch định chính sách thuế phải phải đảm bảo sự phù hợp, khả thi, lường trước được các khả năng có thể xảy ra qua đó mới có thể đảm bảo sự ổn định của chính sách thuế.

Giải pháp hạn chế thất thu thuế TNDN phải đảm bảo tăng thu ngân sách từ thuế nhưng đồng thời phải đảm bảo lợi ích cho các tổ chức sản xuất kinh doanh trong xã hội. Quan điểm này xuất phát từ việc thuế là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà nước, việc thay đổi số thu từ thuế có ảnh hưởng lớn đến cân đối ngân sách nhà nước, ảnh hưởng đến việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước. Chính vì vậy, hiệu quả của công tác quản lý thuế TNDN phải đảm

bảo tăng thu cho Ngân sách nhưng đồng thời phải đảm bảo hài hoà lợi ích của các tổ chức sản xuất kinh doanh.

4.1.2. Yêu cầu đặt ra để đạt được các định hướng trên

Để đạt được các định hướng trên, trước hết quy trình quản lý thuế TNDN đối với các doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng Luật; đơn giản, rõ ràng, giảm thiểu các bước luân chuyển xử lý công việc không cần thiết hoặc kém hiệu quả; mỗi bước trong quy trình chỉ do một bộ phận thực hiện và chịu trách nhiệm.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế, hiện đại hóa công tác quản lý thuế TNDN. Phải hoàn thiện cơ chế hành thu, cải cách hành chính trong việc hành thu phù hợp với phương thức "Tự khai, tự tính, tự nộp thuế" của doanh nghiệp. Thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy và kiện toàn đội ngũ cán bộ công chức thuế, coi trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ thuế có đủ phẩm chất, năng lực chuyên môn.

Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống giáo dục, cơ quan quản lý thuế và dưới nhiều hình thức phong phú như in ấn ban hành các văn bản, sách hướng dẫn thực hiện luật thuế,... tuyên truyền, giáo dục cho các doanh nghiệp nâng cao ý thức tự giác và chấp hành nghiêm chỉnh Luật Thuế nói chung và Luật Thuế TNDN nói riêng

4.2. Giải pháp về hoàn thiện kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì

4.2.1. Hoàn thiện bộ máy quản lý thuế Chi cục thuế huyện Thanh Trì

Phải tổ chức bộ máy quản lý thuế nhằm mục tiêu tổ chức thực thi tốt các chính sách thuế hiện hành, đồng thời có xem xét đến xu hướng phát triển và hoàn thiện hệ thống chính sách thuế hiện hành, đồng thời có xem xét đến xu hướng phát triển và hoàn thiện hệ thống chính sách thuế hiện hành cũng như hệ thống quản lý thuế trong tương lai.

Hình thành bộ máy quản lý thuế theo chức năng, cơ cấu nguồn nhân lực phân bổ cho các bộ phận đảm nhiệm các chức năng quản lý thuế cơ bản như sau:

Lãnh đạo: 10% Tuyên truyền: 25% Kế khai kế toán: 15%

Cưỡng chế, thu nợ: 10% Kiểm tra: 30% Phục vụ: 10%

Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy được thực hiện theo lộ trình thích hợp, bảo đảm bộ máy quản lý thuế gọn nhẹ, tinh giản, vững mạnh, thực hiện đầy đủ các chức năng quản lý thuế. Song không gây xáo trộn công tác quản lý của ngành và bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách.

Củng cố và tăng cường lực lượng cán bộ thuế, tổ chức đào tạo và đào tạo nâng cao cán bộ thuế, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ thuế. Kinh nghiệm ở các nước cũng như trong hơn 10 năm đổi mới ở nước ta cho thấy rằng cán bộ ngành thuế có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc chống thất thu thuế, Đảng và Nhà nước ta coi đây là khâu then chốt trong quản lý thuế, trình độ và năng lực của công chức thuế là yếu tố mang tính chất quyết định đối với hiệu quả của công tác quản lý, chống thất thu thuế TNDN. Nâng cao năng lực, trình độ của công chức thuế bao gồm cả nâng cao trình độ văn hóa cũng như phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức. Muốn vậy, Bộ Tài Chính, Tổng Cục Thuế phải cần có những chủ trương sau:

+ Đề cao vấn đề chất lượng, năng lực cán bộ ngay từ khâu tuyển dụng. Nếu chúng ta làm tốt khâu tuyển dụng, lựa chọn được những cán bộ có trình độ chuyên môn, tư cách đạo đức thì sẽ giảm được chi phí đào tạo về sau, đồng thời hiệu quả quản lý cũng cao hơn.

+ Bên cạnh đó, phải thường xuyên tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ hiểu biết của cán bộ thuế, trình độ chuyên môn, tư tưởng chính trị, đạo đức, tác phong cho cán bộ thuế. Tổng Cục Thuế nên thường xuyên mở các lớp tập

huấn nghiệp vụ, lớp bồi dưỡng chính trị cho cán bộ thuế. Để hoàn thiện công tác cán bộ thuế cần thực hiện theo hướng:

Thứ nhất, hoàn thiện chế độ đãi ngộ cho cán bộ thuế một cách thỏa đáng, làm cho cán bộ thuế yên tâm công tác, tận tâm, tận lực thực hiện trách nhiệm của mình đối với Đảng, Nhà nước.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với ngành thuế theo hướng gắn trách nhiệm vật chất với nghĩa vụ quản lý thuế. Luật pháp cần có tính rắn đe mạnh. Điều đó cho phép hạn chế tiêu cực, tham nhũng của ngành thuế và cán bộ thuế do tác động của lợi ích vật chất chi phối.

4.2.2. Hoàn thiện về quy trình, kiểm soát thuế TNDN

*** Về việc đăng kí kinh doanh**

Đội quản lí doanh nghiệp cần tập trung rà soát toàn bộ số doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, đối chiếu với số doanh nghiệp sản xuất kinh doanh qua thống kê, số doanh nghiệp được cấp mã số thuế để kịp thời đưa những đối tượng đang thực hiện kinh doanh vào quản lí theo qui trình.

* Chi cục thuế phối hợp với các ngành liên quan, tổ chức giám sát chặt chẽ việc đăng kí, kê khai thuế, tình hình nộp thuế trên địa bàn để có những biện pháp đôn đốc kịp thời, xử lí mọi vi phạm pháp luật thuế, đảm bảo thu đầy đủ, kịp thời các nguồn thu phát sinh, các khoản nợ đọng vào Ngân sách Nhà nước. Mọi vi phạm pháp luật thuế cần phải áp dụng các biện pháp xử phạt nghiêm minh theo đúng qui định của pháp luật.

Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do có đặc điểm kinh doanh phức tạp nên công tác rà soát kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp phải được thực hiện ngay đầu năm để đảm bảo nguồn thu cho việc thực hiện dự toán.

* Đối với các doanh nghiệp mới phát sinh thì phải tích cực kiểm tra, phát hiện sự thay đổi ngành nghề kinh doanh qui mô tăng giảm. Cán bộ thuế cần phải nắm rõ tâm tư nguyện vọng, khả năng kinh doanh của doanh nghiệp

để động viên giải thích giúp họ có quan điểm tích cực chấp hành luật pháp, hạn chế những hành vi chống đối gây khó khăn cho cán bộ trong công tác quản lí.

Đối với doanh nghiệp kinh doanh không ổn định thì các cán bộ chi cục thuế cần phải phối hợp với các phường, các ngành liên quan để nắm bắt đầy đủ các thông tin. Các doanh nghiệp có đơn xin nghỉ kinh doanh thì phải làm đầy đủ thủ tục theo qui định. Đối với những doanh nghiệp vẫn kinh doanh trong diện quản lí cũng phải đôn đốc thu nộp, nắm rõ những khó khăn thuận lợi để quản lí tụt nhất các đối tượng nộp thuế. Phối hợp với các ngành, với hội đồng tư vấn thuế phường để kiểm tra thực tế xác định những đối tượng kinh doanh mà không đăng kí kinh doanh, có đăng kí kinh doanh mà không đăng kí thuế, các trường hợp báo ngừng hoặc báo nghỉ hoạt động nhưng thực tế vẫn hoạt động mà không kê khai nộp thuế...

* Tiếp tục phát triển, thực hiện tốt cơ chế tự kê khai tự nộp. Hoàn thành cơ bản cơ sở dữ liệu thông tin về đối tượng nộp thuế để áp dụng phương thức quản lí tiên tiến, hiện đại hoá. Tổ chức quản lí theo chức năng, từ đó đánh giá kết quả và chuẩn bị các nội dung triển khai trên diện rộng. Xây dựng chương trình, kế hoạch hỗ trợ tuyên truyền người nộp thuế, tuyên truyền chính sách, pháp luật thuế cho người nộp thuế, người dân và các cơ quan, tổ chức khác trên địa bàn. Chủ trì phối hợp với các Đội thuộc Chi cục thuế, các tổ chức liên quan tổ chức hội nghị đối thoại với người nộp thuế trên địa bàn.

* Về phía cán bộ thuế:

- Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn pháp luật thuế cho cộng đồng xã hội, đặc biệt là dịch vụ hỗ trợ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh nộp thuế. Đối với các doanh nghiệp chưa hiểu rõ pháp luật thuế phải tăng cường đối thoại, giáo dục, tập huấn chính sách chế độ thuế và các thủ tục hành chính thuế, giải quyết kịp thời vướng mắc trong

khi thực hiện pháp luật thuế. Đối với các doanh nghiệp có dấu hiệu kê khai thiếu, trốn thuế, chỡ ỡ nghĩa vụ thuế thì phải báo cáo chính quyền địa phương để chỉ đạo các cơ quan chức năng, cơ quan thông tin đại chúng phối hợp với cơ quan thuế để tuyên truyền giải thích bản chất ý nghĩa tốt đẹp của tiền thuế và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với nghĩa vụ thuế. Thực hiện công tác khen thưởng, tuyên dương và tôn vinh người thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế các tổ chức và cá nhân khác ngoài ngành thuế có thành tích xuất sắc trong việc tham gia công tác quản lý thuế.

- Khai thác dữ liệu hồ sơ khai thuế hàng tháng của người nộp thuế, thu thập thông tin, phân tích đánh giá so sánh với các dữ liệu thông tin của cơ quan thuế, kiểm tra tính trung thực, chính xác của hồ sơ khai thuế, phát hiện những nghi vấn bất thường trong kê khai thuế, yêu cầu người nộp thuế giải trình hoặc điều chỉnh kịp thời.

- Thu thập thông tin về người nộp thuế còn nợ tiền thuế, đề xuất biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ tiền thuế, tiền phạt, cung cấp thông tin về tình hình nợ thuế theo yêu cầu của các cơ quan pháp luật và theo chỉ đạo của lãnh đạo chi cục thuế, cung cấp các danh sách tổ chức cá nhân chỡ ỡ nợ thuế để thông báo công khai trên các phương diện thông tin đại chúng.

Đổi mới các khẩu hiệu, hình thức tuyên truyền về chính sách thuế đảm bảo tính thiết thực, thuyết phục và đạt hiệu quả cao

4.2.3. Hoàn thiện về nội dung kiểm soát thuế TNDN

* Công tác kê khai, đăng ký mã

Triển khai “Thực hiện cấp mã số doanh nghiệp và phân công cơ quan thuế quản lý tự động qua Hệ thống đăng ký doanh nghiệp quốc gia” Việc cấp mã số doanh nghiệp được thực hiện tự động và phân công cơ quan thuế quản lý NNT theo phương thức điện tử trên Hệ thống Đăng ký thuế của Tổng cục Thuế ngay trong ngày làm việc theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Quản lý thuế

kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Rút ngắn thời gian thực hiện của cán bộ thực hiện và thời gian chờ đợi của NNT: Thời gian cấp mã được rút ngắn bình quân 30 phút kể từ khi từ khi nhận được giao dịch từ Cơ quan đăng ký kinh doanh, thời gian cấp là 24/24h (giảm 87.5% lượng thời gian so với quy định là 4 giờ làm việc)

*** Công tác đơn đốc tạm nộp thuế TNDN:**

Phải xây dựng cơ sở dữ liệu về thuế TNDN để hỗ trợ cơ quan thuế động viên, đơn đốc doanh nghiệp nộp thuế TNDN tạm tính hàng quý kịp thời, tránh nộp dồn vào Quý 4 hàng năm. Giải pháp này đã mang lại kết quả tích cực cho Cục thuế đối với việc quản lý và đơn đốc thuế TNDN hàng quý trong điều kiện doanh nghiệp không phải nộp tờ khai TNDN quý.

Cụ thể như sau :

- Kịp thời đơn đốc, nhắc nhở doanh nghiệp tự giác tạm nộp thuế TNDN quý vào ngân sách nhà nước kịp thời trong điều kiện không phải nộp tờ khai quý.

- Xây dựng được hệ thống thông tin về dư địa số thuế TNDN từng quý chi tiết đến từng doanh nghiệp, từng Phòng/Đội và từng cán bộ kiểm tra để hỗ trợ cán bộ kiểm tra có biện pháp khai thác nguồn thu đồng thời tham mưu cho Lãnh đạo để kịp thời chỉ đạo, điều hành công tác thu.

- Theo dõi được kết quả, tiến độ thu thuế TNDN chi tiết đến từng cán bộ, từng Phòng, từng Chi cục để đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, của Phòng/Chi cục thuế.

- Góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế của doanh nghiệp trong việc nộp thuế TNDN tạm tính quý sát với tình hình kinh doanh thực tế của mình đồng thời nâng cao vai trò giám sát của cơ quan thuế trong việc quản lý nguồn thu.

Để hoàn thành nhiệm vụ đòi hỏi công tác quản lý thuế TNDN cần đổi mới bằng nhiều giải pháp từ phân tích dữ liệu, tuyên truyền hướng dẫn, động viên đến tác động bằng công tác thanh tra kiểm tra, các giải pháp phải cụ thể nhằm nâng cao chất lượng trong công tác quản lý thu thuế TNDN từ tất cả các nguồn thu. Phân tích, đánh giá đã đề xuất một số giải pháp làm sáng kiến cho công tác quản lý thu thuế TNDN.

*** Công tác kiểm tra hồ sơ thuế:**

Quản triệt tất cả công chức trong đội kiểm soát hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp thay đổi địa chỉ đăng ký kinh doanh, thay đổi giám đốc:

- Đối với doanh nghiệp từ tỉnh, quận khác chuyển đến: căn cứ vào mẫu 09 để nắm bắt doanh nghiệp; đối với doanh nghiệp thay đổi thông tin nhưng vẫn ở trong cùng quận: Đầu tháng sẽ rà soát những doanh nghiệp có thay đổi thông tin trong tháng trước liền kề và đưa vào danh sách cần phải kiểm soát hồ sơ khai thuế;

- Hàng tháng/quý kết xuất dữ liệu về hồ sơ khai thuế GTGT trên hệ thống quản lý thuế và lọc danh sách các doanh nghiệp có một số chỉ tiêu như sau: Doanh thu không chịu thuế, doanh thu chịu thuế suất 0%, doanh thu chịu thuế suất 5%; Doanh nghiệp có phát sinh doanh thu đột biến khi so sánh chỉ tiêu “Tổng doanh thu” kỳ hiện tại so với kỳ trước; Chỉ tiêu thuế đầu ra xấp xỉ bằng chỉ tiêu thuế đầu vào, không phát sinh thuế phải nộp tại nhiều kỳ;

- Sau khi hết thời hạn doanh nghiệp phải nộp hồ sơ khai thuế quyết toán thuế TNDN, đội kiểm tra thuế sẽ lập danh sách người nộp thuế theo một số chỉ tiêu sau để kiểm tra hồ sơ khai thuế: Chênh lệch tổng doanh thu đã kê khai trên hồ sơ khai thuế GTGT và chỉ tiêu tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trên hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN; Chỉ tiêu “Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN” x 20% nhỏ hơn số thuế TNDN phải nộp trong kỳ.

- Ngay từ đầu hàng quý Chi cục thuế Thanh Trì đã có thông báo giao

chỉ tiêu rà soát hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế trong đó giao chỉ tiêu ghi thu thuế TNDN và chỉ tiêu đấu tranh khai bổ sung số thuế TNDN tăng sau ghi thu. Có kiểm soát kết quả thực hiện so với chỉ tiêu giao, hàng quý có đánh giá kết quả công tác căn cứ vào kết quả đấu tranh rà soát hồ sơ khai thuế tại bàn trong đó đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đấu tranh thuế TNDN tại trụ sở cơ quan thuế. Cơ sở giao dự thuế TNDN căn cứ số lượng doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn, số lượng doanh nghiệp có doanh thu thu, tổng doanh thu dự kiến phát sinh trong quý, Doanh thu và số thuế TNDN ghi thu trên địa bàn từng cán bộ quản lý của quý trước và cùng kỳ, căn cứ chỉ tiêu giao kế hoạch của Chi cục để giao chỉ tiêu ghi thu thuế TNDN trong quý cho từng cán bộ.

- Đối với hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm: Ngay khi hết hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN năm, Đội kiểm tra đã kịp thời tham mưu với lãnh đạo chỉ đạo cán bộ đội kiểm tra rà soát đối chiếu lại việc kê khai doanh thu và số thuế TNDN đã tạm tính 4 quý. Đối với đơn vị đã thực hiện kê khai doanh thu, thu nhập chịu thuế và thuế TNDN quyết toán cao hơn tạm tính 4 quý và chưa phát hiện nghi vấn qua báo cáo tài chính năm thì tạm thời được chấp nhận. Đối với doanh nghiệp báo cáo kết quả kinh doanh lỗ hoặc xác định số thuế TNDN thấp hơn số thuế tạm tính 04 quý kịp thời được phân loại rà soát. Qua phân tích đối chiếu giữa báo cáo tài chính với kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, cán bộ gọi điện thoại trao đổi với đơn vị về tình hình kinh doanh kê khai thuế nếu đơn vị giải trình các số liệu hợp lý thì tạm thời được chấp nhận, nếu số liệu có sai sót chênh lệch kịp thời chấn chỉnh yêu cầu đơn vị thực hiện điều chỉnh khai bổ sung.

Để có thể quản lý tốt thuế thu nhập doanh nghiệp đòi hỏi chính những cán bộ ngành thuế phải có đầy đủ năng lực, trình độ, phẩm chất. Vấn đề này đòi hỏi Chi Cục thuế Thanh Trì trong thời gian tới cần chú trọng hơn nữa

công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cả về chuyên môn và nghiệp vụ nhất là lực lượng cán bộ trẻ...

Để đẩy mạnh và tăng hiệu quả công tác quản lý thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng thì công việc quan trọng và lâu dài là nâng cao nhận thức của từng người nộp thuế. Tạo ra nhiều những điều kiện ưu đãi hợp lý, thực sự thu hút đầu tư nước ngoài. Để làm được điều này cần làm cho mọi đối tượng nộp thuế thấy được tính nghiêm minh của công tác kê khai và nộp thuế. Hơn hết, chính các cơ quan quản lý thu, các cơ quan quản lý ngân sách cần thực hiện thông báo công khai, minh bạch mọi khoản thu chi của NSNN. Chỉ khi nào người nộp thuế thấy được lợi ích thiết thực của khoản đóng góp của mình thì bản thân họ sẽ tự giác chấp hành những nghĩa vụ thuế do nhà nước đặt ra. Xây dựng và thực hiện đầy đủ các hình thức và nội dung tuyên truyền, hỗ trợ tổ chức, cá nhân nộp thuế phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân nộp thuế. Bên cạnh việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của người nộp thuế, Chi Cục thuế cũng cần hướng dẫn để cho người nộp thuế có hiểu biết đầy đủ về nghĩa vụ thuế. Bởi lẽ hiện nay ngành thuế đã áp dụng cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp thuế, chỉ khi có những hiểu biết đầy đủ họ mới có thể thực hiện một cách nhanh chóng và chính xác các thủ tục, tờ khai của đơn vị mình.

***Công tác quản lý nợ:** Tăng cường đô đốc thu nợ, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế trên cơ sở nghiên cứu và áp dụng phương pháp đánh giá rủi ro, phân loại người nộp thuế

Đôn đốc thu nộp, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế là khâu cuối cùng trong công tác quản lý thuế. Mục tiêu tăng thu NSNN của kiểm soát thuế sẽ không đảm bảo nếu không quản lý được nợ thuế. Bởi vậy cần phải xây dựng phương pháp đánh giá phân loại các khoản nợ trên cơ sở thông tin và sử dụng kỹ thuật đánh giá rủi ro; xây dựng phương pháp dự báo số nợ thuế và dự báo ảnh hưởng của sự thay đổi các nhân tố bên ngoài (kinh tế hay lập pháp) tới số

nợ của người nộp thuế, từ đó có cách ứng xử phù hợp theo tính chất và mức độ của khoản nợ.

4.3. Một số kiến nghị nhằm tạo điều kiện thực hiện các giải pháp đề xuất

4.3.1. Đối với cơ quan nhà nước và các tổ chức có liên quan

Để thực hiện các giải pháp nêu trên, cần kết hợp đồng bộ từ các cơ quan của nhà nước đến doanh nghiệp mới mang lại hiệu quả thiết thực.

Đối với Chính phủ, Bộ Tài chính Đề nghị Chính phủ, Bộ Tài chính trình quốc hội sửa Luật Quản lý thuế để phù hợp hơn với các chuẩn mực, thông lệ và cam kết quốc tế, góp phần tăng cường quản lý, giám sát thực thi công tác quản lý thuế nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia về quyền thu thuế. Theo đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung sau:

(1) Về Luật quản lý thuế, đề nghị: Bổ sung cơ chế quyết định trước về phương pháp xác định giá tính thuế; mở rộng phạm vi thu thập thông tin về người nộp thuế từ nguồn nước ngoài theo các Hiệp định, Điều ước đã ký; quản lý thuế theo phương thức điện tử; quy định phạt chậm nộp thuế: Cần tăng mức phạt từ 0,03% đến 0,07%/ ngày để nâng cao ý thức chấp hành nộp thuế.

(2) Về Luật thuế TNDN: Đề nghị sửa đổi, theo hướng bổ sung các quy định để bao quát được các hoạt động kinh tế mới phát sinh trong kinh tế thị trường hội nhập và phù hợp với thông lệ quốc tế như hoạt động bán hàng đa cấp; thương mại điện tử; thỏa thuận về giá giữa các DN liên kết; điều chỉnh mức thuế suất còn 18 % nhằm động viên, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển.

- Đối với Tổng cục Thuế đề xuất hoàn thiện các quy trình thanh tra, kiểm tra thuế, kiện toàn bộ máy tổ chức, áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra thuế.

- Đối với Cục Thuế và UBND thành phố Hà Nội Đề xuất tăng cường

công tác tuyên truyền pháp luật thuế, ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan; kiến nghị áp dụng kiểm soát hóa đơn tiền mặt.

Đổi mới kinh tế phải đi đôi với đổi mới chính sách thuế cho phù hợp, cũng như thu thuế phải tạo ra nguồn thu, nuôi dưỡng và đảm bảo nguồn thu. Đó là quan điểm trong mỗi chính sách thuế cần phải nghiên cứu, xem xét dưới nhiều khía cạnh, tránh tình trạng sửa đổi bổ sung nhiều lần, gây khó khăn cho công tác chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ quản lý thu.

Nhà nước cần phải nghiên cứu và có nhiều chính sách tăng cường sức mạnh, quyền lợi thực sự cho bộ máy ngành thuế, có những quyền cũng như trang thiết bị cần thiết để thi hành nghiêm và hiệu quả hơn nữa về luật thuế xứng đáng là công cụ cần thiết, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của Nhà nước.

- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung một số điểm còn sơ hở trong các qui định của luật doanh nghiệp:

Một trong những nguyên nhân làm cho công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục gặp nhiều khó khăn là các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn chưa thực sự đi vào nề nếp, hầu hết các doanh nghiệp đều lợi dụng 1 số sơ hở trong các qui định của luật doanh nghiệp nhằm trốn thuế, trốn sự quản lý của cơ quan thuế làm ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế, gây thất thoát tiền của NSNN, *cụ thể ở một số vấn đề sau:*

- Cần có qui định chặt chẽ hơn để kiểm soát được người điều hành hoặc người chủ doanh nghiệp, loại trừ được những người không đủ điều kiện (nghiện hút, mới ra tù hoặc đang trong thời kỳ quản chế, những người kém về sức khoẻ-bệnh thần kinh, những người có trình độ văn hoá thấp) không được thành lập doanh nghiệp vì những người này nếu có vi phạm trốn thuế, lậu thuế cũng không xử lý được.

- Cần có qui định những điều kiện về vốn và tài sản của doanh nghiệp bắt buộc phải có để khi xảy ra các hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tiền, hàng hoá; để còn có cơ sở để cưỡng chế đảm bảo thanh toán cho người bị hại, kể cả chiếm dụng tiền thuế, có tài sản để cưỡng chế.

- Qui định về địa điểm kinh doanh hay địa điểm đặt trụ sở cũng cần chặt chẽ hơn, tránh tình trạng như hiện nay, doanh nghiệp không có hiện diện tại địa điểm quản lý đăng ký kinh doanh quá nhiều, hoặc khai không đúng địa điểm kinh doanh dẫn đến cơ quan thuế không quản lý được...

- Có những qui định chặt chẽ hơn về quản lý doanh nghiệp trong thời gian hoạt động. Ví dụ: trong thời gian hoạt động doanh nghiệp vi phạm các chính sách thuế đã bị xử phạt nếu doanh nghiệp vẫn cố tình không chấp hành thì các ngành phải có trách nhiệm cùng cơ quan thuế đôn đốc và xử lý việc kê khai thay đổi kinh doanh...

- Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng hoá đơn tự in khi có đủ điều kiện cơ sở vật chất. Hiện nay đã có thông tư chính thức hướng dẫn việc sử dụng hoá đơn tự in. Các doanh nghiệp sẽ sử dụng hoá đơn do mình phát hành và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về hoá đơn do doanh nghiệp phát hành.

- Cần có qui định cụ thể buộc các cấp, các ngành có liên quan có trách nhiệm và nghĩa vụ hỗ trợ, giúp đỡ cơ quan thuế hoàn thành nhiệm vụ được giao. Điều này có nghĩa là các cấp, các ngành liên quan phải có trách nhiệm cung cấp những tài liệu liên quan đến quá trình hình thành và hoạt động của doanh nghiệp, để cơ quan thuế có thể kiểm soát được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Giúp đỡ cơ quan thuế trong việc xử lý các hành vi vi phạm về thuế.

4.3.2. Đối với Chi cục thuế Huyện Thanh Trì

- *Tăng cường sự phối hợp với các cơ quan có liên quan*

Có thể nói tình trạng trốn thuế xảy ra ở mọi lúc, mọi nơi, mọi lĩnh vực kinh doanh. Cơ quan thuế tuy là cơ quan tổ chức thu thuế, là nòng cốt trong công tác kiểm soát quản lý thuế tuy nhiên để cho công tác thu thuế đạt hiệu quả cao thì cần phải có sự phối hợp của các cấp, các ngành có liên quan.

- Chi cục thuế Huyện Thanh Trì cần phối hợp với Sở kế hoạch và đầu tư để tiến hành rà soát lại các doanh nghiệp đảm bảo các doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh phải đăng ký mã số thuế theo đúng thời hạn quy định, ngăn chặn kịp thời những hành vi kinh doanh nhưng sau một thời gian mới đăng ký mã số thuế, kịp thời phát hiện và đóng MST những DN thành lập với mục đích mua bán hoá đơn.

- Chi cục thuế Huyện Thanh Trì cần tăng cường phối hợp với công an kinh tế để phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thuế như buôn bán hóa đơn bất hợp pháp, hoàn không thuế... Ngoài ra cơ quan công an cũng cần phải khẩn trương điều tra làm rõ những vụ mà cơ quan thuế đã chuyển hồ sơ sang đặc biệt là đối với các doanh nghiệp bỏ trốn. Với các doanh nghiệp lập hồ sơ không để hoàn thuế với số tiền lớn cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự và xử phạt thật nặng.

- Phối hợp với các ngân hàng trong việc thu thuế qua ngân hàng: Tạo điều kiện cho loại hình dịch vụ làm thủ tục thuế phát triển

Người nộp thuế là những người kinh doanh, họ luôn phải tìm hiểu thị trường, tìm nguồn hàng, quản lý nội bộ... nên họ khó có thể nắm bắt được hết các quy định về tài chính, kế toán, thuế... nhất là khi việc thực hiện áp dụng cơ chế quản lý thu nộp thuế theo phương thức các người nộp thuế tự kê khai, tự tính và tự nộp thuế. Với mục đích kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận và thực

hiện nghĩa vụ với NSNN do vậy doanh nghiệp rất cần đến những đơn vị có chuyên môn nghiệp vụ để giúp họ việc tính toán sổ sách, các khoản thuế phải nộp. Mặt khác, các doanh nghiệp ở huyện Thanh Trì phần lớn là các DN vừa và nhỏ, các DN còn chưa chủ động tìm hiểu thông tin, chính sách mới, trình độ của kế toán còn quá yếu nên thường khai sai, khai thiếu. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp chưa ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử nên chưa tiếp cận được với phần mềm hỗ trợ kê khai thuế...những lý do đó làm hạn chế việc tuân thủ pháp luật thuế, tăng chi phí của doanh nghiệp cũng như mất thời gian của cơ quan thuế do vậy khi hình thành các đại lý làm dịch vụ thủ tục thuế thì sẽ tiết kiệm thời gian cho cả doanh nghiệp và cơ quan thuế.

Tuy vậy khi thực hiện biện pháp này có thể xảy ra sự móc nối thông đồng giữa doanh nghiệp và đại lý hoặc giữa cán bộ thuế với các đại lý vì vậy để giải pháp này có hiệu quả Chi cục thuế cần phải:

- Khuyến khích, tuyên truyền cho ĐTNT trên địa bàn thấy được lợi ích từ việc sử dụng dịch vụ làm thủ tục thuế.

- Tạo điều kiện cho các DN làm dịch vụ về thuế được tiếp cận với các DN trên địa bàn.

- *Tăng cường ứng dụng tin học trong việc quản lý thuế TNDN*

Ứng dụng tin học trong quản lý thuế có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả của công tác quản lý thuế, góp phần giảm thiểu nhân lực trong quản lý. Trong điều kiện thiếu cán bộ như hiện nay thì Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì càng cần phải tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý thuế. Không chỉ xuất phát từ vấn đề nhân lực mà việc ứng dụng CNTT trong quản lý thuế còn xuất phát từ hiệu quả mà nó đem lại. Việc ứng dụng CNTT đem lại hiệu quả cao hơn nhiều cho công tác quản lý thuế, cho phép quản lý tổng quát, đồng bộ và khoa học.

Công tác kế toán thuế đã được xử lý tự động bằng phần mềm QLT, ứng

dụng TMS trong việc đăng kí, cấp MST, ứng dụng quản lý hồ sơ QHS, ứng dụng phân tích tình trạng thuế QTT... Ngoài ra, Chi cục còn cấp và đào tạo miễn phí phần mềm hỗ trợ kê khai thuế HTKK.

Tất cả những nội dung trên đã góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý thuế trên địa bàn Huyện Thanh Trì. Tuy nhiên, do hạn chế về trình độ cán bộ, hạn chế về cơ sở hạ tầng, nguồn vốn... mà công tác ứng dụng CNTT trong quản lý thuế vẫn còn hạn chế. Do đó, trong thời gian tới, Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì cần tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng tin học trong quản lý thuế. Cụ thể:

- + Hoàn thiện các phần mềm đã và đang được ứng dụng để đạt hiệu quả cao nhất. Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì đã ứng dụng phần mềm vào quản lý, tuy nhiên, số liệu chỉ ở dạng tổng hợp. Các phần mềm chưa thực sự phát huy được hết tác dụng. Do đó, bộ phận tin học phải nghiên cứu để tìm ra những giải pháp vận dụng những phần mềm này vào địa bàn Huyện Thanh Trì sao cho phù hợp và hiệu quả nhất.

- + Đào tạo các cán bộ chuyên môn hơn về các kiến thức tin học để có thể sử dụng các ứng dụng một cách thành thạo. Đặc biệt, đội ngũ cán bộ tin học phải được đào tạo chuyên nghiệp để không những có thể nắm bắt nhanh những ứng dụng do ngành thuế triển khai về ứng dụng tại Chi cục mà còn phải có khả năng tự xây dựng những phần mềm ứng dụng cho riêng Chi cục Thuế Thanh Trì.

- + Các phần mềm quản lý thuế cần được hướng dẫn và ứng dụng ở cả các Chi cục thuế để nâng cao hiệu quả quản lý tổng quát. Bên cạnh đó, phải có hệ thống liên kết thông tin giữa Cục thuế với các Chi cục thuế để cung cấp thông tin nhanh chóng, phục vụ cho công tác quản lý.

Ban lãnh đạo Chi cục, trực tiếp là đồng chí Chi cục trưởng, đồng chí Phó chi cục trưởng phụ trách công tác kiểm tra thuế đã thường xuyên quan

tâm sát sao, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện công tác kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh trên địa bàn thuộc Chi cục thuế quản lý. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc kê khai nộp thuế GTGT, TNDN và các loại thuế khác của các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh trên địa bàn huyện Thanh Trì. Hàng quý tổ chức họp thẩm định phân tích hồ sơ khai thuế TNDN đồng chí Phó chi cục trưởng chủ trì cùng họp với toàn thể cán bộ thuộc Đội kiểm tra thuế. Qua cuộc họp phát hiện ra những đơn vị kê khai bất hợp lý, kê khai sai chưa phù hợp với quy mô kinh doanh của đơn vị...để từ đó có các biện pháp chỉ đạo và thực hiện nhằm tăng nguồn thu để hoàn thành kế hoạch giao.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh nước ta hội nhập sâu với nền kinh tế khu vực và thế giới. Thuế TNDN đã được doanh nghiệp trong nước cũng như doanh nghiệp đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đặc biệt quan tâm, nghiên cứu để triển khai áp dụng vào tình hình thực tế của doanh nghiệp. Thuế TNDN sau nhiều lần sửa đổi, bổ sung đã đáp ứng được mục đích, yêu cầu đặt ra. Thuế TNDN là sắc thuế quan trọng, có số thu chiếm đáng kể trong tổng số thu về thuế của NSNN đồng thời có phạm vi điều chỉnh rộng đến mọi hoạt động của nền kinh tế. Thuế TNDN đã góp phần tăng thu cho NSNN, kích thích hoạt động SXKD phát triển và điều tiết tiêu dùng xã hội.

Tuy nhiên, trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, các hoạt động SXKD của doanh nghiệp rất đa dạng, phức tạp và phong phú. Hệ thống chính sách thuế cùng chế độ kế toán doanh nghiệp do Nhà nước ban hành chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu trong công tác quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Thuế TNDN thường xuyên sửa đổi, bổ sung phần nào làm cho các doanh nghiệp lúng túng trong thực hiện pháp luật thuế cũng như kế toán thuế. Nhiều doanh nghiệp còn vận dụng và kế toán tùy tiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thậm chí còn vi phạm pháp luật thuế cũng như chế độ kế toán.

Hoàn thiện chính sách thuế TNDN phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước là một đòi hỏi tất yếu khách quan mà Nhà nước và doanh nghiệp phải chung tay thực hiện.

Trên cơ sở lý luận về chính sách thuế, chế độ kế toán thuế TNDN. Xem xét việc kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Thanh Trì, tác giả đã phân tích những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân để từ đó đề ra những giải pháp vừa mang tính tình thế, vừa mang tính định hướng lâu dài

trong việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, kế toán thuế nhằm góp phần hoàn thiện việc kiểm soát quản lý thuế TNDN. Trong quá trình hoàn thiện đề tài, do thời gian cũng như kiến thức còn hạn chế do đó Luận văn chưa thể đề cập hết các phương pháp, các cách kiểm soát quản lý thuế TNDN. Nghiên cứu này chỉ là bước khởi đầu cho các nghiên cứu sâu, rộng hơn về tình hình kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Thanh Trì nói riêng cũng như các đơn vị, chi cục thuế khác. Tác giả nhận thấy cần thiết phải tiến hành điều tra trên phạm vi rộng hơn để kết quả mang tính đại diện cho tất cả các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố. Việc đánh giá công tác kiểm soát quản lý thuế TNDN nên được kết hợp giữa tính tuân thủ quy định của pháp luật thuế và tính hiệu quả trong việc tổ chức quản lý thu thuế. Cuối cùng, tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của quý Thầy cô, bạn bè, đồng nghiệp và những ai quan tâm đến đề tài này ngày càng hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2018 của Cục thuế Hà Nội,
2. Bộ Tài chính (2013), Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 “Hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp”.
3. Bộ Tài chính (2014), Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN.
4. Bộ Tài chính (2014), Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 “Hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Bộ Tài chính (2014), Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 “Hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp”.
5. Chính phủ (2015), Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015, “Quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế”.
6. Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế”.
7. PGS.TS. Nguyễn Thị Liên, PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu (2008), Giáo trình “*Thuế*”, NXB Tài chính.
8. PGS.TS. Phan Thị Cúc, PGS.TS. Phan Hiền Minh (2009), Giáo trình “*Thuế*”, NXB Tài chính.
9. PGS.TS. Trần Mạnh Dũng, TS. Hà Thị Thúy Vân, TS. Vũ Thị Kim Anh (2016), Giáo trình “*Thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. lý thuyết, thực hành và giải pháp thuế*”, NXB Tài chính.
10. Phan Thị Sen (2013), Luận văn thạc sĩ “*Giải pháp hoàn thiện Kế toán thuế TNDN – Nghiên cứu tại các doanh nghiệp trên địa bàn TP. HCM*”.

11. Tác giả Đặng Trần Quyết (2016) “*Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội*”

12. Website: www.mof.gov.vn; www.gdt.gov.vn;
www.webketoan.com; www.kiemtoan.com.vn.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1.1: PHIẾU KHẢO SÁT

BẢNG CÂU HỎI PHÒNG VẤN CÁ NHÂN

(Đối tượng: Đội trưởng, cán bộ quản lý thuế TNDN)

Kính chào quý anh/chị!

Tôi là *Nguyễn Hồng Trang*, cao học viên ngành Kế toán tại trường ĐH Lao động – xã hội. Hiện tôi đang thực hiện luận văn tốt nghiệp với đề tài “Kiểm soát quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội”. Để hoàn thiện luận văn, tôi đang tiến hành thu thập dữ liệu nhằm trình bày thực trạng kiểm soát quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Thanh Trì. Rất mong anh/chị bớt chút thời gian quý báu để giúp tôi đánh giá khách quan, đầy đủ các câu hỏi bên dưới. Tôi xin cam đoan rằng nội dung trong bảng khảo sát này *chỉ phục vụ duy nhất cho mục đích nghiên cứu và được bảo mật*. Tất cả các câu trả lời của anh/chị rất có giá trị đối với nghiên cứu của tôi.

Xin chân thành cảm ơn anh/chị!

Anh/ chị vui lòng đánh dấu (x) vào ô thích hợp và ghi trả lời vào chỗ trống (...)

Phần 1: Thông tin cá nhân

1. Vị trí công việc: ☐ Đội trưởng ☐ Cán Bộ

Thời gian công tác: năm

Phần 2: Nội dung khảo sát

1. Anh/chị có cập nhật các quy định mới của Luật thuế TNDN không?

☐ Thường xuyên ☐ Rất ít ☐ Không bao giờ

Nếu có, anh/chị cập nhật qua kênh thông tin nào?

☐ Tập huấn tại cơ quan thuế ☐ Học tập, bồi dưỡng

☐ Internet, sách, báo, tạp chí ☐ Bạn bè, người thân

2. Anh/chị vui lòng cho biết mỗi khi chính sách thuế TNDN thay đổi thì cơ quan thuế có nhanh chóng triển khai, phổ biến đến các đơn vị để thực hiện không?

☐ Có ☐ Không

3. Anh/chị vui lòng cho biết mức độ tuân thủ quy định pháp luật về thuế TNDN của các đơn vị thuộc CCT Thanh Trì trong việc kê khai, nộp tạm tính và quyết toán thuế TNDN?

☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chưa tốt

4. a Anh chị đã bao giờ tìm hiểu và giải đáp cho doanh nghiệp khi họ hỏi về các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN hay chưa?

☐ Đã tìm hiểu rất kỹ càng ☐ Đã tìm hiểu sơ qua ☐ Chưa bao giờ tìm hiểu

b Có phân biệt chi phí được trừ và chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế không?

☐ Có ☐ Không

c. Có theo dõi riêng chi phí không được trừ không ngay từ đầu không?

☐ Có ☐ Không

Nếu có, anh/chị tìm hiểu qua kênh thông tin nào?

☐ Học tập, bồi dưỡng ☐ Internet, sách, báo, tạp chí ☐ Bạn bè, đồng nghiệp

5. Anh/chị vui lòng cho biết: Doanh nghiệp đầu tư dự án mới có được giảm thuế suất thuế TNDN không?:

☐ Có ☐ Không ☐ Không biết

6. Anh/chị vui lòng cho biết hiện nay vấn đề kiểm soát nộp tạm tính thuế TNDN thì hầu hết các cán bộ phải làm như thế nào để thu được số thuế tạm tính?

☐ vận động

☐ căn cứ số thuế năm ngoái liên hệ yêu cầu đơn vị nộp

☐ hầu như không có cách nào

7. Anh/chị vui lòng cho biết khâu kiểm tra tờ khai đối với các chỉ tiêu kê khai trên tờ khai quyết toán thuế TNDN anh chị cảm thấy như thế nào?

“ Rắc rối, hay nhầm lẫn

“ Đơn giản, dễ dàng

8. Anh/chị vui lòng cho biết đánh giá của cá nhân anh/chị về việc kiểm soát quản lý thuế TNDN tại cơ quan thuế của anh/chị?

“ làm rất tốt nhiệm vụ

“ làm ở mức độ vừa phải

“ Chưa đáp ứng yêu cầu quản lý

Phụ lục 3.1: Thư nhắc đôn đốc nộp hồ sơ khai thuế lần 1

Mẫu số:
18/QTr-KK
*(Ban hành kèm theo Quyết định số
 879/QĐ -TCT ngày 15/5/2015 của
 Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)*

CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ HUYỆN THANH TRÌ

Số: 5450/TB-CCT-KKKT&TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Trì, ngày 5 tháng 8 năm 2019

THÔNG BÁO
V/v yêu cầu nộp hồ sơ kê khai thuế

Cơ quan thuế thông báo để Công ty TNHH thương mại và sản xuất Thắng Lợi, MST 01012345678 được biết: Tính đến ngày 08 tháng 5 năm 2019, cơ quan thuế chưa nhận được các hồ sơ khai thuế của người nộp thuế, cụ thể như sau:

STT	Loại thuế	Kỳ tính thuế	Hạn nộp	Số ngày quá hạn	Ghi chú
1	GTGT	Quý 1 /2019	02/05/2019	6	

Đề nghị người nộp thuế nộp ngay các hồ sơ khai thuế còn thiếu nói trên cho cơ quan thuế. Người nộp thuế phải chịu trách nhiệm và bị xử phạt vi phạm pháp luật về thuế theo các quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Người nộp thuế cần biết thêm chi tiết, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ:

CC Thuế huyện Thanh Trì, Đội KK-KTT

Địa chỉ: Số 9 ngõ 405 Ngọc Hồi, TT Văn Điển Thanh Trì, Tỉnh/ TP Hà Nội

Số điện thoại: 0243.861.1421

Địa chỉ email: nhtrang01.han@gdt.gov.vn

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

Công ty TNHH thương mại và sản xuất
 Thắng Lợi, (Xã Vĩnh Quỳnh, Đội 15,
 thôn Vĩnh Ninh, Thanh Trì, Hà Nội);
 - Lưu: VT, KK&KTT.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Đã ký

Phụ lục 3.2: Thư nhắc đôn đốc nộp hồ sơ khai thuế lần 2

CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ HUYỆN THANH TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5450/TB-CCT-KKKT&TH

Thanh Trì, ngày 10 tháng 8 năm 2019

THÔNG BÁO
V/v yêu cầu nộp hồ sơ kê khai thuế (lần 2)

Cơ quan thuế thông báo để Công ty TNHH thương mại và sản xuất Thắng Lợi, MST 01012345678 được biết: Tính đến ngày 10 tháng 5 năm 2019, cơ quan thuế chưa nhận được các hồ sơ khai thuế của người nộp thuế, cụ thể như sau:

STT	Loại thuế	Kỳ tính thuế	Hạn nộp	Số ngày quá hạn	Ghi chú
1	GTGT	Quý 1 /2019	02/05/2019	6	

Đề nghị người nộp thuế nộp ngay các hồ sơ khai thuế còn thiếu nói trên cho cơ quan thuế. Người nộp thuế phải chịu trách nhiệm và bị xử phạt vi phạm pháp luật về thuế theo các quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Người nộp thuế cần biết thêm chi tiết, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ:

CC Thuế huyện Thanh Trì, Đội KK-KTT

Địa chỉ: Số 9 ngõ 405 Ngọc Hồi, TT Văn Điển Thanh Trì, Tỉnh/ TP Hà Nội

Số điện thoại: 0243.861.1421

Địa chỉ email: nhtrang01.han@gdt.gov.vn

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

Công ty TNHH thương mại và sản xuất
Thắng Lợi, (Xã Vĩnh Quỳnh, Đội 15,
thôn Vĩnh Ninh, Thanh Trì, Hà Nội);
- Lưu: VT, KK&KTT.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Đã ký

Phụ lục 3.3: Thông báo yêu cầu đơn vị lên làm việc về vấn đề tạm nộp thuế TNDN của Công ty TNHH Xây dựng và cơ điện Minh Tâm

CỤC THUẾ TP HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ H. THANH TRÌ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 7293/CCT-KTr2

Thanh Trì, ngày 11 tháng 08 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu liên quan
đến thuế TNDN Quý 1,2 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH Xây dựng và cơ điện Minh Tâm

Mã số thuế: 0101xxx

Địa chỉ: Số 14 liền kề 20, KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai,
huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Căn cứ qui định của pháp luật thuế hiện hành về trách nhiệm của người
nộp thuế trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế;

Căn cứ Thông tư 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài Chính
hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014
của Chính phủ;

Căn cứ theo số liệu trên hệ thống của ngành thuế; Năm 2018, Công ty
có tổng lợi nhuận trước thuế, số tiền: 169.614.407 đồng.

Để làm rõ nội dung số thuế TNDN tạm nộp Quý 1,2 năm 2019, Chi cục
Thuế huyện Thanh Trì đề nghị Công ty giải trình và làm rõ việc hạch toán

Doanh thu, Chi phí Quý 1, 2 năm 2019 làm căn cứ xác định thuế TNDN tạm nộp theo quy định.

Chi cục Thuế huyện Thanh Trì đề nghị Công ty TNHH Xây dựng và cơ điện Minh Tâm cử đại diện đến làm việc trực tiếp tại Chi cục Thuế huyện Thanh Trì (hoặc có văn bản giải trình nội dung trên trước ngày 20/08/2019).

Thời gian làm việc: 8h 30 ngày 26/08/2019;

Địa điểm làm việc: Phòng 403 - Đội kiểm tra thuế số 2- Chi cục Thuế huyện Thanh Trì .

Địa chỉ: Thôn Cương ngô - Xã Tứ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội

Mọi vướng mắc (nếu có) xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế theo số điện thoại: 0915222519 (Gặp công chức thuế: Nguyễn Hồng Trang)

Chi cục Thuế huyện Thanh Trì thông báo để Công ty được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Đội Kiểm tra 2.

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

(Đã ký)

Phụ lục 3.4: Trích Tờ khai quyết toán mẫu 03/TNDN của Công ty TNHH Xây dựng và cơ điện Minh Tâm

.....

C. Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B13)	C1	169.614.407
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	C3	0
3.1	Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3a-C3b)	C4	169.614.407
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8+C9)	C6	169.614.407
6.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 22% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 20% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C8	169.614.407
6.3	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C9	0
	+ Thuế suất không ưu đãi khác	C9a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C10=(C7 x 22%) + (C8 x 20%) + (C9 x C9a))	C10	33.922.881
8	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ	C12	0
9.1	Trong đó: + Số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	C13	0

9.2	+ Số thuế được miễn, giảm không theo Luật Thuế TNDN	C14	0
11	Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C15	0
12	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (C16=C10-C11-C12-C15)	C16	33.922.881
D	Tổng số thuế TNDN phải nộp (D=D1+D2+D3)	D	33.922.881
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (D1=C16)	D1	33.922.881
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	D2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	D3	0
E	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm (E = E1+E2+E3)	E	35.499.523
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	35.499.523
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E3	0
G	Tổng số thuế TNDN còn phải nộp (G = G1+G2+G3)	G	(1.576.642)
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (G1 = D1-E1)	G1	(1.576.642)
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (G2 = D2-E2)	2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) (G3 = D3-E3)	G3	0
H	20% số thuế TNDN phải nộp (H = D*20%)	H	6.784.576
I	Chênh lệch giữa số thuế TNDN còn phải nộp với 20% số thuế TNDN phải nộp (I = G-H)	I	(8.361.218)

Phụ lục 3.5: Hồ sơ yêu cầu Công ty TNHH thực phẩm quốc tế Cánh đồng Việt lên giải trình về vấn đề rủi ro trong hồ sơ khai thuế của đơn vị

CHI CỤC THUẾ H. THANH TRÌ
ĐỘI KIỂM TRA THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ KHAI THUẾ

Kỳ rà soát: T2/2019

- Người nộp thuế: Công ty TNHH thực phẩm quốc tế Cánh đồng Việt
- Mã số thuế: 01012233445
- Địa chỉ: Số 5, Đội 11, xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội;
- Ngành nghề kinh doanh: xây dựng
- Công chức kiểm tra: Nguyễn Hồng Trang – Cán bộ đội kiểm tra

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

- Báo cáo tài chính năm 2017-2018

II. NHẬN XÉT HỒ SƠ KHAI THUẾ

- Chi phí giá vốn, chi phí quản lý doanh nghiệp biến động không đồng đều qua các năm 2017, 2018
- Hàng tồn kho năm 2018 rất lớn, > DT năm 2018 => kiểm tra chi phí lãi vay năm 2018
- Chi phí 334 biến động không đều, không theo tốc độ tăng trưởng doanh thu
DT 2017: 29 tỷ - TK 334: 1,7 tỷ
DT 2018: 10,1 tỷ - TK 334: 2,9 tỷ
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang năm 2018 lớn.
- Trên tờ khai thuế GTGT, phát sinh điều chỉnh tăng giảm chỉ tiêu 37,38 số tiền lớn.

III. KIẾN NGHỊ

Đội kiểm tra thuế đề xuất ban hành thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu để làm rõ nội dung trên báo cáo tài chính năm 2017-2018 theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài Chính.

**ĐỘI KIỂM TRA THUẾ
ĐỘI TRƯỞNG**

Thanh Trì, ngày tháng 02 năm 2019
CÔNG CHỨC THUẾ

**CHI CỤC THUẾ H. THANH TRÌ
ĐỘI KIỂM TRA THUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ TRÌNH LÃNH ĐẠO CHI CỤC

Về việc: Ban hành thông báo yêu cầu giải trình, cung cấp thông tin

I. NỘI DUNG:

1. Thông báo yêu cầu giải trình, cung cấp thông tin đối với :

- Người nộp thuế: Công ty TNHH thực phẩm quốc tế Cánh đồng Việt
- Mã số thuế: 01012233445
- Địa chỉ: Số 5, Đội 11, xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, TP Hà

Nội;

2. Nội dung thông báo:

- + Doanh thu và chi phí trên báo cáo tài chính năm 2017-2018;
- + Chỉ tiêu Phải trả người lao động năm 2017-2018;
- + Chỉ tiêu Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang năm 2017-2018;
- + Chỉ tiêu Hàng tồn kho năm 2017-2018

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ GIẢI QUYẾT:

- Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 về việc ban hành quy trình kiểm tra thuế.

- Căn cứ Điều 61 Thông tư 156/2013/TT-BTC, ngày 06/11/2013

- Căn cứ phiếu nhận xét hồ sơ khai thuế mẫu số 01/QTKT do công chức đội kiểm tra thuế lập.

III. Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN (NẾU CÓ): không

IV. ĐỀ XUẤT CỦA CB GIẢI QUYẾT, XỬ LÝ:

Từ các nội dung trên, Đội Kiểm tra thuế đề xuất ban hành thông báo yêu cầu giải trình, cung cấp thông tin (chi tiết theo mục I tờ trình này) đối với

Công ty TNHH thực phẩm quốc tế Cánh đồng Việt; Mã số thuế: 01012233445.

Kính trình phụ trách đội; Lãnh đạo CCT cho ý kiến chỉ đạo và phê duyệt./.

Thanh Trì, ngày tháng 02 năm 2019

Cán bộ trình

Nguyễn Hồng Trang

Ý kiến của Đội Kiểm tra thuế

.....
.....
.....

Thanh Trì, ngày tháng 02 năm 2019

ĐỘI TRƯỞNG

Ý kiến phê duyệt của Lãnh đạo Chi cục thuế

.....
.....
.....

Thanh Trì, ngày tháng 02 năm 2019

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

CỤC THUẾ TP HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ H. THANH TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-CCT-KTr

Thanh Trì, ngày tháng 02 năm 2019

THÔNG BÁO
Về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu

Kính gửi: Công ty TNHH thực phẩm quốc tế Cánh đồng Việt

Mã số thuế: 010012233445

Địa chỉ nhận thông báo: Số 5, Đội 11, xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.

Căn cứ qui định của pháp luật thuế hiện hành về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế;

Căn cứ vào hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp năm 2017-2018;

Để làm rõ nội dung trên báo cáo tài chính năm 2017-2018 đề nghị đơn vị giải trình và bổ sung thông tin tài liệu sau:

- + Doanh thu và chi phí trên báo cáo tài chính năm 2017-2018;
- + Chỉ tiêu Phải trả người lao động năm 2017-2018;
- + Chỉ tiêu Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang năm 2017-2018;
- + Chỉ tiêu Hàng tồn kho năm 2017-2018

Chi cục Thuế huyện Thanh Trì đề nghị giám đốc Công ty hoặc người được ủy quyền hợp pháp đến làm việc tại Chi cục Thuế huyện Thanh Trì hoặc có văn bản giải trình về nội dung trên.

Thời gian làm việc: 08 giờ 30 phút ngày 28 tháng 02 năm 2019.

Địa điểm làm việc: Đội kiểm tra thuế - Tầng 4 – Phòng 403 - Chi cục Thuế huyện Thanh Trì. Địa chỉ: Thôn Cương Ngô, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.

Đề nghị doanh nghiệp báo cáo số liệu nội dung giải trình trên về địa chỉ thư điện tử: ntndiep.han@gdt.gov.vn trước ngày 28 tháng 02 năm 2019.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế theo số điện thoại: 024. 36816053 (Gặp đ/c Nguyễn Hồng Trang – Chuyên viên đội kiểm tra).

Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì thông báo để Công ty TNHH thực phẩm quốc tế Cánh đồng Việt biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTr.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Phụ lục 3.6 Kết quả kiểm tra tại công ty TNHH TAT

Chênh lệch doanh thu tính thuế GTGT và doanh thu tính thuế TNDN:

TT	Năm	2015	2016	2017	2018
1	Doanh thu kê khai thuế GTGT	74,255,983,195	95,115,582,083	110,280,233,673	129,832,720,719
2	Doanh thu hạch toán thuế TNDN	74,218,681,130	95,484,726,755	117,589,798,856	129,795,893,739
3	Chênh lệch	37,302,065	-369,144,672	-7,309,565,183	36,826,980

Giải trình nguyên nhân chênh lệch:

TT	Nguyên nhân	2015	2016	2017	2018
1	Cộng sai số học trên hồ sơ khai thuế GTGT	13,640,109			
2	Tăng doanh thu tính thuế TNDN do khoản doanh thu chưa thực hiện trên TK 338.7 của năm 2014, ghi nhận doanh thu tính thuế TNDN năm 2015	-236,622,000			
3	Khoản doanh thu tính thuế GTGT của hóa đơn số 1203 ngày 18/12/2015 cho dịch vụ thuê kho của quý 1/2016 và ghi nhận doanh thu tính thuế TNDN trong năm 2016	260,284,200	260,284,200		
4	Cộng sai số học trên quyết toán thuế TNDN	-244	-38,181,644	29,850,000	
5	Giảm doanh thu tính thuế GTGT do kê khai hóa đơn số 2133 (đủ 3 liên) nhưng đơn vị không kê khai xóa bỏ trên báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn quý 4/2016		-23,982,400		
6	Giảm doanh thu tính GTGT do cộng sai số học		-30,173,425		
7	Giảm doanh thu tính GTGT do kê khai 2 lần hóa đơn số 1374 ngày 29/2/2016		-38,181,818		
8	Khoản doanh thu tính thuế GTGT của hóa đơn số 2210 ngày 19/12/2016 cho dịch vụ thuê kho của quý 1/2017 và ghi nhận doanh thu tính thuế TNDN trong năm 2017		360,892,620	-360,892,620	
9	Thanh lý TSCĐ		109,090,909	18,181,818	
10	Tăng doanh thu trên chỉ tiêu "Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT" do công ty kê khai sai doanh thu trên chỉ tiêu "Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế"		-633,000,000		
11	Tăng doanh thu trên chỉ tiêu "Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT" do công ty kê khai sai doanh			-7,335,205,000	

	thu trên chỉ tiêu "Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế"			
12	Khoản doanh thu tính thuế GTGT của hóa đơn số 783 ngày 23/12/2017 cho dịch vụ thuê kho của quý 1/2018 và ghi nhận doanh thu tính thuế TNDN trong năm 2018			368,350,620 -368,350,620
13	Khoản doanh thu tính thuế GTGT của hóa đơn số 1723 ngày 11/12/2018 cho dịch vụ thuê kho của quý 1/2019 và ghi nhận doanh thu tính thuế TNDN trong năm 2019			405,177,600
	Chênh lệch	37,302,065	-369,144,672	-7,309,565,183 36,826,980

3.1 Năm 2015

* Kết quả kiểm tra

Đơn vị tính: đồng

	Chỉ tiêu	Kết quả ĐC tăng, giảm (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	Thuế GTGT		
1	Giảm thuế GTGT đầu ra do công ty kê khai số học	(1,364,001)	
2	Tăng thuế GTGT đầu ra do công ty kê khai số học	180,000	
3	Giảm thuế GTGT được khấu trừ do công ty kê khai điều chỉnh bổ sung không đúng quy định	(55,397,206)	Khoản 5 Điều 10 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Công văn 4943/TCT-KK ngày 23/11/2015
4	Giảm thuế GTGT được khấu trừ do công ty kê khai hóa đơn mua hàng của đơn vị có Thông báo không hoạt động tại địa chỉ đăng ký với cơ quan thuế (Thời điểm mua hàng trước thời điểm cơ quan thuế ban hành thông báo)	(5,386,500)	Khoản 1 điều 14 Thông tư 219/TT-BTC ngày 31/12/2013; Công văn số 01/CV-TT ngày 23/9/2019

Phụ lục 3.7 Kết quả kiểm tra 2018 tại công ty CP usaka Việt Nam

Đơn vị tính: đồng

	Chỉ tiêu	Kết quả ĐC tăng, giảm (đồng)	Căn cứ pháp lý
II	Thuế TNDN		
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm do: Công ty chi tiền lương, tiền công cho người lao động, đã hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng không có hồ sơ lao động, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật	(14,707,500)	Điểm 2.5, khoản 2, điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015
2			

Phụ lục 3.8: Kết quả kiểm tra 2018 tại công ty CP Thiết bị Cường Anh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kết quả ĐC tăng, giảm (đồng)	Căn cứ pháp lý
Thuế GTGT		
.....		
Thuế TNDN		
Giảm chi phí do công ty hạch toán chi phí lãi vay không phục vụ sản xuất kinh doanh	(20.833.333)	Điểm 2.1 khoản 2 điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015

Phụ lục 3.9 Kết quả kiểm tra 2018 tại công ty TNHH bao bì Tân Đạt

Đơn vị tính: đồng

II Thuế TNDN	Kết quả ĐC tăng, giảm (đồng)	Căn cứ pháp lý
1		
3 Giảm chi phí do công ty hạch toán chi phí giá vốn vượt định mức	(131,282,400)	Điểm 2.1 khoản 2 điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015; Công văn 4943/TCT-KK ngày 23/11/2015

**Phụ lục 3.10: Các trường hợp ưu đãi thuế
TNDN**

PHỤ LỤC KẾT QUẢ RÀ SOÁT ƯU ĐÃI THUẾ TNDN.

1. Phòng KT 1:

-Công ty TNHH Bệnh viện Việt Pháp:

+ Các năm 2009-2011 chưa thanh tra kiểm tra thuế.

+Ba năm đơn vị tính ưu đãi theo thuế suất 10%:chênh lệch do hưởng ưu đãi là 30.838 tr; thuế giảm: 12.185 tr; Đơn vị quyết toán thuế TNDN có bổ sung nhiều lần, số thuế TNDN phải nộp có thay đổi nhưng không bổ sung phụ lục ưu đãi theo số liệu QT bổ sung; chưa có hồ sơ liên quan đến xác định điều kiện ưu đãi.

+ Ngày 18/1/2013: Phòng KT 1 đã kiểm tra tại bàn và đề xuất: Trình lãnh đạo thông báo giải trình về số liệu quyết toán và xác định số thuế phải nộp, thuế được miễn giảm nhưng đến thời điểm này chưa có kết quả về rà soát điều kiện ưu đãi.

-Bệnh viện quốc tế Hoa Kỳ: 3 năm quyết toán đều lỗ; chưa ưu đãi.

2. Phòng Kiểm tra 2:

-Bệnh viện Bưu Điện:

+Trên tờ khai thuế TNDN năm 2009: đơn vị ghi tên NNT là cá nhân giám đốc.

+Không có phụ lục xác định ưu đãi mẫu 03-3 A/TNDN.

+Tổng số thuế được ưu đãi 3 năm(2009,2010,2011) do áp dụng thuế suất 10% trên tờ khai quyết toán thuế TNDN là 3.937 tr.

Phòng chưa kiểm tra tại bàn các điều kiện hưởng ưu đãi của đơn vị.

3. Phòng KT3

- Bệnh viện Hữu Nghị: Hồ sơ năm 2010,2011

+Đơn vị có phụ lục xác định ưu đãi mẫu 03-3 A/TNDN.

+Tổng số thuế được ưu đãi 2 năm(2010,2011) do áp dụng thuế suất 10% trên tờ khai quyết toán thuế TNDN là 3.015 tr.

+Năm 2008, Bệnh viện có công văn hỏi Cục Thuế về việc ưu đãi thuế: Phòng tuyên truyền hỗ trợ có CV số 8779/CT-TT ngày 08/7/2008 và số 9186/CT-TT ngày 16/7/2008 trả lời đơn vị được hưởng ưu đãi thuế suất 10% đối với 2 khoa mới để khám chữa bệnh theo yêu cầu tuy nhiên không ghi điều kiện để được ưu đãi phải theo danh mục, điều kiện tại Quyết định 1466/QĐ-TTg.

Phòng chưa kiểm tra tại bàn các điều kiện hưởng ưu đãi của đơn vị.

-Bệnh viện bán công chuyên khoa mắt:

+ Căn cứ Quyết toán thuế đơn vị nộp có xác định thuế suất ưu đãi 10%;
Phòng KT 3 đã có Biên bản về việc giải trình thông tin với đơn vị và xác định:

Căn cứ Nghị định 69/2008/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Phòng KT3 đã kiểm tra các điều kiện ưu đãi, xác định đơn vị không đủ điều kiện
ưu đãi, đã yêu cầu đơn vị kê khai bổ sung thuế TNDN từ 2009-2011.

4. Phòng Kiểm tra 4:

-Trường đại học Thăng Long:

Năm 2009: đơn vị kê khai lỗ; năm 2010: Đơn vị không xác định số thuế
chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất 25% nhưng khi xác định thuế
phải nộp lại tính 10%; năm 2011 đơn vị xác định thuế suất 10%, số thuế chênh
lệch do hưởng ưu đãi là 590tr; có phụ lục ưu đãi.

-Phòng chưa kiểm tra tại bàn và tại trụ sở NNT về điều kiện ưu đãi thuế

-Trường Đại học công nghiệp: Năm 2009,2010,2011: Đơn vị không xác
định ưu đãi mà thực hiện áp dụng thuế suất 25%.

Đơn vị chưa được kiểm tra tại bàn và tại trụ sở NNT.

- Trường đại học dân lập Đông đô:

+Năm 2009,2010: Đơn vị quyết toán và có phụ lục 03-4 về ưu đãi. Số thuế
chênh lệch do áp dụng thuế suất ưu đãi 2 năm là 1.712 tr.

+Năm 2011: không có phụ lục ưu đãi và không xác định ưu đãi, tự xác
định thuế TNDN theo TS 25%:

+Phòng kiểm tra chưa kiểm tra tại bàn và chưa kiểm tra tại trụ sở NNT.

5. Phòng KT6:

-XN Môi trường đô thị huyện Thanh trì:

+Năm 2009,2011 không có lợi nhuận.

+Năm 2010: tự xác định thuế suất 10%; thuế chênh lệch do áp dụng 10%
là 118tr; đơn vị không có phụ lục xác định ưu đãi.

+Chưa kiểm tra tại bàn và tại trụ sở NNT.

-CT cổ phần môi trường Tây Đô:

+Năm 2009: Ưu đãi đơn vị được hưởng theo TS 10% và giảm thuế 226 tr,
Tuy nhiên phụ lục ưu đãi chưa tích vào điều kiện ưu đãi. Chưa kiểm tra tại bàn.

Năm 2010: Ưu đãi đơn vị được hưởng theo TS 10% và giảm thuế 620 tr,
Tuy nhiên phụ lục ưu đãi chưa tích vào điều kiện ưu đãi. Kiểm tra tại bàn nhận
xét đơn vị đủ điều kiện ưu đãi, có ghi căn cứ quyết định 1466 của CP nhưng
không phản ánh nội dung kiểm tra điều kiện theo quyết định của Chính phủ.

+Năm 2011:Ưu đãi đơn vị được hưởng theo TS 10% 217 tr; Không có phụ lục xác định ưu đãi; chưa kiểm tra tại bản.

-CTCP Công nghiệp môi trường 9(Tên cũ: CTCP CNMT Phú Minh):Đơn vị không ưu đãi theo xã hội hóa mà ưu đãi theo ngành nghề hoạt động tái chế chất thải thuộc danh mục đặc biệt ưu đãi.

+Năm 2010:Đơn vị có phụ lục ưu đãi xác định miễn thuế; thuế suất 25% nhưng không tích vào điều kiện ưu đãi và không ghi mức độ ưu đãi. Hồ sơ kiểm tra tại bản xác định đơn vị ưu đãi miễn thuế đối với hoạt động thuộc danh mục đặc biệt ưu đãi đầu tư căn cứ công văn trả lời của Phòng TT-HT số 1064/CT-TTHT ngày 19/1/2010.

+Năm 2011: Đơn vị có phụ lục ưu đãi xác định giảm thuế 50%; thuế suất 25% nhưng không tích vào điều kiện ưu đãi và không ghi mức độ ưu đãi. Chưa kiểm tra tại bản.

6. Phòng Thanh tra 2:

Căn cứ Biên bản Thanh tra thuế tại Bệnh viện phụ sản Hà Nội: Bệnh viện thực hiện dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu theo Quyết định số 647/KH-TCKT ngày 02/2/2002 của giám đốc Sở y tế HN; Đoàn thanh tra đã xác định phần lợi nhuận năm 2009 có được từ hoạt động dịch vụ khám chữa bệnh được hưởng ưu đãi 10%; nội dung kiểm tra điều kiện ưu đãi Đoàn thanh tra đã xác định:

-Căn cứ vào Quyết định số 47/QĐ/TCKT ngày 02/7/2006 về việc huy động vốn của CBCNV để triển khai XIII: Đoàn không phê to kèm theo QĐ này nên không rà soát được nội dung.

-Về kiểm tra xác định tiêu chí các tiêu chuẩn đối với cơ sở khám, chữa bệnh:

Đoàn kiểm tra xác định loại hình quy mô giường bệnh đối với riêng phần dịch vụ là 233 giường: đáp ứng tiêu chuẩn.

Về nhân lực, diện tích đất xây dựng; trang thiết bị chuyên môn tại biên bản xác định theo số liệu của toàn bệnh viện (có cả phần của hoạt động sự nghiệp không thuộc đối tượng chịu thuế); không xác định riêng cho phần xã hội hóa là chưa đúng quy định.

-Căn cứ Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 21/6/2010 của UBND Thành phố về quy định chính sách KKXHHH trên địa bàn Hà Nội: Tại điểm c khoản 2 điều 1 quy định: Giám đốc các Sở chuyên ngành, chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã theo phân cấp có trách nhiệm Chứng nhận các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 điều này cho cơ sở thực hiện XHH tại chương II